

15 THÁNG 4 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

TỪ TRÌ *đảo chánh tại Cam-bốt một giai đoạn mới của chính trị Á-châu* * PHẠM TRỌNG NHÂN *một vài nhận xét và kỷ-niệm về Norodom Sihanouk* * HOÀNG SỸ QUÝ *hôn nhân với tu-sỹ Ấn-giáo và Phật-giáo* * NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM *hạn chế sinh sản, vấn đề muôn thuở của nhân loại* * CUNG GIỮ NGUYÊN *trò được thua* * TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG *đứng ngoài công trường bàn chuyện giáo dục* * VŨ HẠNH *nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh hoạt văn nghệ hiện nay* * ĐÌNH NGUYỄN *một cõi đời riêng* * TRẦN KIM THẠCH *tiếng hát nhân ngư* * TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * TỬ DIỆP *thời sự khoa học* * TRĂNG THIÊN — L. T. H. *thời sự văn nghệ* *

319





Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

eczème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P. L. M.

Trụ sở : 96 Bd. Haussmann - Paris (8^e)

Số vốn sung dụng tại Việt-nam : VN \$. 50.000.000

Dự-trữ đặc-biệt tại V. N. : VN \$. 50.000.000

SỐ THƯƠNG MÃI SAIGON : 157B

Q. G. D. B. : 55 - 826 - 21 - 01

C. C. P. SAIGON N 27 - 04

★

TRỤ-SỞ

29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018

Điện-tín : FRANCIBANK

CHI-NHÁNH :

— Hàng lang EDEN — Saigon Điện-thoại : 23.207

— 461 Phan đình Phùng Saigon Điện thoại : 92.367

— 834 Trần hưng Đạo — Cholon

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

MỞ CÁC KHOẢN TÍN - DỤNG VỀ

XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt-san

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3000 đ.
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	1500 đ.
o o o				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2400 đ.
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1200 đ.
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	600 đ.

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên, có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách - Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ. T. 25.539.

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ. CÁC NGÂN-HANG TRÊN T.Đ. Y.Đ.

BASTOS *Luxe*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
名
貴
大
方

Siêu Đẳng Thượng Hảo Hạng

GIÁ BÁO

MÔI SỐ	:	40 đ.
SÁU THÁNG	:	430 đ.
MỘT NĂM	:	850 đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí 80 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ô. Lê-Ngô-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54. 262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon Trương mục 27-46 Trung khu Saigon.

BANQUE FRANÇAISE

POUR LE COMMERCE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL de 21.200.000 FRANCS

Siège Social: 74, Rue St. Lazare — PARIS

VIÊT
NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Đại-lộ Hàm-Nghi — Tél : 90.065
90.066, 90.067.

BUREAUX : 178, 180, 182, Đường Lê-Thánh-Tôn (Marché central) — Tél : 22.142

415, 417, Đường Hai Bà Trưng (Tân-Định) — Tél, : 93.172:

CHOLON

AGENCE

386, Đại-lộ Đồng-Khánh (Cholon) —
Tél, : 36.105.

KHANN-HUNG : AGENCE

23, Đường Hoàng Diệu
Tél : 51

FRANCE

PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER.

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE.

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

B Á C H

K H O A

Số 319 ngày 15.4.1969

TỪ TRÍ <i>đạo chánh tại Cam-bốt một giai đoạn mới của chính trị A-châu</i>	5
PHẠM TRỌNG NHÂN <i>một vài nhận xét và kỷ-niệm về Norodom Sihanouk</i>	12
Hoành sơn HOÀNG SỸ QUÝ <i>một cái nhìn đông phương về vấn đề tính dục : Hôn nhân với tu sỹ Ấn-giáo và Phật-giáo</i>	19
NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM <i>hạn chế sinh sản, vấn đề muôn thuở của nhân loại</i>	27
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toàn số với càn khôn : Trò được thua</i>	35
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG <i>đứng ngoài cổng trường : bàn chuyện giáo dục</i>	43
VŨ HẠNH <i>nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh-hoạt văn nghệ hiện nay</i>	50
ĐỊNH NGUYỄN <i>một cõi đời riêng (truyện)</i>	58
TRẦN KIM THẠCH <i>tếng hát nhân ngư</i>	64
TU TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	75
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	79
TRẦN THIÊN — THU THỦY — L.T.H. <i>thời sự văn nghệ</i>	82

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.5 9

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI

133 Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 40đ Công sở : GIÁ gấp đôi 80 đ

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách Lá-Bối mới ấn hành :

- EM BÉ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano. Trương-đình-Cử dịch
- ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
- ÁO EM CÀI HOA TRẮNG (hết, đang tái bản)
Võ Hồng
- NÉO VỀ CỦA Ý (tái bản)
Nhất Hạnh
- HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÁN CỦA
TU TƯỞNG TÂY PHƯƠNG (*Lê-Tôn-Nghiêm*)
- PHONG TRÀO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân
- XÚ TRÂM HƯƠNG
Quách Tấn
- LÚA SẠ MIỀN NAM (thơ)
Kiên Giang
- ✳ **Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên
tại các trường tiểu học cộng-đồng :**
- GIAO-DỤC CỘNG-ĐỒNG
Vương Pên Liêm
- PHƯƠNG PHÁP CHU ĐIỂM TẠI TRƯỜNG
TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG (*Vương Pên Liêm*)

**Nhà xuất bản Lá-bối
1 20 Nguyễn-Lâm Chợ-lớn**

Đảo-chánh tại Cam - bốt một giai-đoạn mới của chính-trị Á-châu

Cuộc đảo-chánh ngày 18 tháng 3 vừa qua lật đổ Thái-tử Sihanouk đã đột nhiên làm thế-giới chú trọng tới vương-quốc này. Với một diện-tích là 181.000 cây số vuông và 6 triệu dân, Cam-bốt tuy nhỏ bé nhưng lại chiếm một tầm quan trọng đặc biệt trong chính trị Á-châu. Vị trí địa dư không những đã biến nước này thành giao-điểm của nhiều lực lượng chống đối mà còn là một con đường mà bất cứ một quốc-gia nào có tham vọng bành trướng ảnh hưởng ở Á-châu đều phải xử-dụng.

Vị-trí địa-dư đặc-biệt cũng tạo cho Cam-bốt một lịch sử đặc biệt và rút kinh nghiệm lịch-sử, Thái-tử Sihanouk, cũng như những tiền-vương, của ông luôn luôn đi tìm một chánh-sách quân-bình giữa các lực lượng thù nghịch để Cam-bốt được yên thân đối với ngoại-bang. Nhưng với cuộc đảo chính 18/3/70, thể quân-bình mà Sihanouk đã kiên nhẫn tạo lập từ 16 năm qua đã bị sụp đổ khiến Cam-bốt đang bước vào một giai-đoạn bất ổn và khiến tình-hình chính trị của Đông-Nam Á cũng bước vào một giai-đoạn mới.

Cam-bốt, giao điểm của nhiều lực-lượng chống đối

Nằm giữa hai quốc gia Việt-Nam và Thái-Lan hiếu động, dân tộc Cam-bốt, trong lịch-sử, luôn luôn gặp những khó khăn với những lân-bang mình. Ngoài ra Cam-bốt còn nằm giữa hai nguồn văn-minh khác biệt. Nguồn văn-minh Ấn-Độ từ phía Tây bành trướng sang phía Đông tới Cam-bốt thì bị nguồn văn-minh Trung-Hoa ngăn chặn ở hướng Bắc và nhất là ở hướng Đông là nơi dân tộc Việt-Nam định cư.

Vì là giao-điểm của hai nền văn-minh Hoa-Ấn, Cam-bốt từ đó trở thành nạn nhân của sự cạnh tranh giữa hai nền

văn minh này. Đế quốc Khmer, sau khi đã sáng chói vào thế-kỷ thứ XI và XII, cũng vì sự cạnh tranh của hai nền văn-minh Hoa-Ấn mà đã phải suy tàn.

Về phương-diện chính-trị, hai dân tộc Việt-Nam và Thái-lan đã tranh chấp dữ dội trong lịch-sử để sát nhập và đồng hóa các lãnh thổ Cam-bốt. Cam-bốt là nạn nhân chính của cuộc Nam-tiến do các Chúa Nguyễn lãnh đạo. Sau khi cuộc Nam-tiến hoàn tất, dân Việt-Nam, với tính hiếu động cổ truyền, đã bắt đầu tiến về phía Tây. Nhưng cuộc Tây-tiến này đã bị chặn đứng vào giữa thế-kỷ thứ 19. Thật vậy, giai-đoạn cuối cùng của cuộc Tây-tiến đã diễn ra dưới các triều Minh-Mạng và Thiệu-Trị. Năm

1833, nhân vụ Lê-văn-Khôi nổi lên chống triều-đình quân Xiêm đã tấn công Nam-kỳ. Triều-đình Huế đã phản công và thừa thắng tràn sang tận Nam-Vang. Trương-minh-Giang và Lê-đại-Cương đã đem quân đồn trú ngay tại Nam-Vang để thiết lập nền bảo hộ quốc-gia Cam-bốt. Năm 1834 khi vua Miên là Nặc-ông-Chấn mất, Trương-minh-Giang đã lập con gái của Nặc-Ông-Chấn là Angmey lên thay thế và đồng thời đặt Cam-bốt vào hệ thống chính trị và hành chánh Việt-Nam, Cam-bốt trở thành Trấn-Tây-Thành và được chia thành 32 phủ và 2 huyện như tại Việt-Nam dưới triều nhà Nguyễn.

Nhưng trước những sự lạm dụng của quan lại Việt-Nam dân Cam-bốt dưới sự lãnh đạo của em Nặc Ông Chấn là Nặc Ông Đôn đã nổi loạn chống lại chế-độ bảo-hộ. Nặc Ông Chấn sang Thái-lan cầu viện và vua Triệ-u-Trị đã phải ra lệnh rút khỏi Cam-bốt.

Năm 1845 Triều-đình Huế lại gửi quân sang can thiệp và tấn công quân Xiêm. Năm 1846 Việt-Nam và Xiêm đã ký thỏa hiệp rút quân và để Nặc Ông Đôn (hay Ang Dương) lên ngôi quốc-vương Cam-bốt. Năm 1859 con của Ang Dương là Norodom lên nối nghiệp cha đã nghe lời linh mục Miche, kêu gọi Pháp bảo vệ Cam-bốt và đã cho Pháp một dịp để đặt nền bảo-hộ tại nước này.

Norodom có lẽ đã là người đầu tiên áp dụng chính sách quân bình khiến các lực lượng đối nghịch ngăn chặn lẫn nhau và ở giữa Cam-bốt có thể duy trì được độc lập.

Chính-sách quân-bình của Cam-bốt

Trước tham vọng của cả Việt-Nam và Thái-Lan, Norodom đã phải áp dụng

biện pháp thông minh nhất là kêu gọi Pháp. Vì Pháp cai trị Cam-bốt thì Cam-bốt không sợ đe dọa bị đồng hóa như trường hợp của Csiêm-thành. Tuy sau này chế độ thuộc-địa Pháp đã lạm dụng rất nhiều các hiệp-ước bảo-hộ để kiểm-soát Cam-bốt một cách vô cùng chặt chẽ nhưng dù sao Norodom cũng đã thành công trong công cuộc duy-trì quốc-gia Cam-bốt.

Bắt đầu từ năm 1953 khi Norodom Sihanouk thực sự cầm chính quyền ông cũng theo đuổi một chính sách quân bình tương tự như chính sách mà Norodom đã khởi xướng.

Năm 1941 khi Quốc-vương Cam-bốt Monivong mất, Viên Toàn-quyền Đông Dương là Đô-đốc Decoux đã chọn cháu ngoại của Monivong tên là Noredom Sihanouk lên làm vua. Đô-đốc Decoux nghĩ rằng trao ngai vàng cho một vị hoàng-thân mới 18 tuổi đang theo học tại trường Trung-học Pháp Chaseloup-Laubat ở Sigon thì có thể bảo đảm được ảnh-hưởng của Pháp ở Cam-bốt. Khi đó quân đội Nhật đang đe dọa chính quyền Pháp ở Đông-Dương và những người quốc gia Miên, dưới quyền lãnh đạo của Sơn-Ngọc-Thành, đang hoạt-động đòi độc lập. Trong điều kiện này một vị Quốc-vương ngoan ngoãn là một lợi điểm quan trọng cho nhà nước bảo-hộ.

Từ năm 1941 tới 1953 Norodom Sihanouk đã không làm cho người Pháp thất vọng. Theo đúng ý muốn của Nhà nước bảo-hộ, ông đã luôn luôn có một cuộc đời phù phiếm, rượu ngon, gái đẹp, xe hơi đua và gần như không để ý tới đời sống chính-trị trong nước. Nhưng trong khoảng thời-gian này nhiều biến chuyển đã xảy ra khiến Sihanouk dần dần thức tỉnh và trở nên một lãnh-

tự quốc-gia thật sự. Thật vậy, năm 1945 Nhật loại Pháp khỏi Đông-Dương và trao trả nền độc-lập giả-hiệu cho ba quốc gia Việt, Miên, Lào. Nhưng chỉ vài tháng sau quân đội Pháp lại theo chân quân đội Anh trở lại Đông-Dương Song song với cao trào võ-trang kháng chiến tại Việt-Nam Cam-bốt không còn thể chấp nhận qui-chế của một quốc gia bị trị nữa nên chính Sihanouk đã đòi Pháp phải thương-thuyết để trả lại độc-lập cho Miên. Tuy các thỏa-ước được ký kết đã chính thức bãi bỏ chế độ bảo-hộ, nhưng trên thực tế, người Pháp vẫn tiếp tục áp dụng chính sách thực dân. Chính sách của Pháp đã gây nhiều khó khăn cho Quốc-vương Cam-bốt. Đảng Dân-chủ của Hoàng-thân Sisowath Youtevong chống đối với chính phủ Hoàng-gia Sơn Ngọc Thành ra bùng nổ chức kháng chiến. Nội các luôn luôn bị lật đổ vì đảng Dân-chủ nắm đa số ở Quốc-hội. Quốc vương Sihanouk bắt đầu thấy nguy cơ và quyết định nhảy vào vòng chiến để duy trì quyền lợi của mình. Ông giải tán Quốc-hội, gửi thông-diệp cho quốc dân loan báo là từ nay ông nắm chính quyền và hứa thực hiện được độc-lập hoàn toàn trong vòng 3 năm.

Năm 1953 trước sự chận chạp của các cuộc thương-thuyết Pháp-Miên, Quốc vương Sihanouk đã giận dữ bỏ ngai vàng sang nương náu bên Thái-lan. Trước thái độ cương quyết của Sihanouk, Chính-phủ Pháp, lúc đó quá mệt mỏi vì chiến tranh ở Việt-Nam, đành phải nhượng bộ và Sihanouk trở về Nam-Vang như một vị anh-hùng dân-tộc.

Khi Hiệp-định Genève được ký kết, quân đội Bắc-Việt rút khỏi lãnh thổ Miên, bỏ rơi phe Cộng-sản ở nước này.

Từ đó Cam-bốt bắt đầu bước vào giai đoạn hòa-bình. Nhưng Sihanouk đã hiểu rằng hòa bình ở Cam-bốt chỉ có một tính cách tạm thời và mong manh vì vậy ông đã cố gắng khai thác uy tín người anh hùng giải-phóng của ông để tranh đấu mạnh mẽ trên chính-trường.

Ngay sau Hiệp-định Genève, mối đe dọa cộng sản tạm thời lắng dịu, nên Sihanouk cố gắng củng cố chính quyền của ông bằng cách loại bỏ ảnh hưởng của đảng Dân-chủ và của Sơn-Ngọc-Thành. Vì địa vị Quốc vương không cho phép ông được tranh đấu tích cực nên ông đã thoái vị nhường ngôi cho cha là Norodom Suramarit vào năm 1955. Và với tự do hành động của một công dân, ông đã lập ra «Cộng-đồng xã-nghĩa nhân-dân» mà tiếng Miên gọi là «Sangkum Reastr Niyum». Cuộc bầu cử Quốc-hội năm 1955 đã cho đảng Sangkum 82% số thăm của cử tri. Trong cuộc bầu cử năm 1958 đảng Sangkum còn lượm được tới 99,9% số phiếu.

Với hậu-thuần của một đảng đa-số hùng mạnh, Sihanouk đã lập một chính thể cá-nhân. Quốc-hội và chính-phủ chỉ là những định-chế bên ngoài, thực quyền do Sihanouk nắm trọn trong tay.

Về mặt đối nội, Sihanouk đã cố gắng phát triển kinh-tế và văn-hóa. Ông luôn luôn đi khắp các nơi trong nước triệu tập dân chúng để bàn luận và hỏi ý-kiến họ. Trong những buổi tiếp xúc với dân chúng, bất cứ ai có điều gì thắc mắc đều có quyền bàn cãi với Samdech (Đức Ông), với «Đồng chí Thái-tử». Phương pháp trị dân của Sihanouk tuy sự thật độc tài, nhưng bên ngoài có một bộ mặt hết sức dân-chủ. Khi tiếp xúc với dân chúng ông thường đùa rơn để cho họ cười, hoặc chơi kèn

saxophone, làm thơ để đọc cho dân nghe. Ông lại áp dụng "chủ-nghĩa xã-hội Phật - giáo" nên luôn luôn được dân chúng quý mến.

Nhưng có lẽ chính sách đối-ngoại của Sihanouk đáng được ta chú ý hơn. Cũng như Norodom hồi xưa ông luôn luôn lo âu trước đe dọa của Thái-lan và Việt-nam. Ông biết rằng Nam-Việt không phải là mối nguy cơ cho nền độc lập của Cam-bốt mà mối đe dọa chính là Bắc Việt. Vì vậy mà ông đã nhất quyết chủ trương chính sách trung-lập: Với chính sách trung-lập ông hy vọng rằng cả Thái-lan với hậu thuẫn của Mỹ và Bắc Việt với hậu thuẫn của Trung Cộng sẽ không dám xâm phạm tới chủ quyền Cam-bốt. Tuy biết rằng Thái-lan giờ đây cũng như Nam Việt không thể có một chính sách gây hấn như vào thế-kỷ trước, nhưng Sihanouk đã kích Mỹ và hai quốc gia lân bang để cho phe Cộng-sản không có cơ hội can thiệp vào nội-bộ của nước ông. Sihanouk đã từng tuyên bố với một ký-giả Pháp rằng: « Liên lạc giữa ông Diệm và tôi có tính cách khôi hài hơn là nguy hiểm. Có hôm ông Diệm đòi tôi vài đảo nhỏ ở ven bờ biển, thì tôi đã phản công lại bằng cách đòi gần hết cả Nam-phần Việt-Nam. Nhưng ngày nào ông Hồ-Chí-Minh mà ngồi ở Saigon thì là một nguy cơ thật sự cho chúng tôi».

Thái-độ của ông trước vấn đề Cộng-sản còn thể hiện ở trong chính sách du-học của Cam-bốt. Ông nói rằng: « Cam-bốt gửi sinh viên sang Mạc-tư-khoa và Bắc-kinh nhiều hơn là sang Paris vì nếu ở thủ-đô Pháp, sinh viên Miên thường bị nhiệm trùng cộng-sản thì các thủ-đô của hai quốc gia cộng-sản lớn nhất thế giới lại là những nơi tốt nhất để cho họ giải độc.»

Tuy sợ và ghét Cộng-sản nhưng Sihanouk đã bắt buộc có một đường lối thân Công và bài Mỹ. Năm 1963 ông đã khước từ viện-trợ Mỹ và năm 1965 ông đã đoạn giao với nước này. Liên lạc ngoại giao giữa Hoa-kỳ và Cam-bốt chỉ được tái lập vào năm 1969, khi Sihanouk nhận thấy rằng phe Cộng-sản đã "làm quá". Chính sách trung-lập của Sihanouk, trên nguyên tắc, là thân hữu với Mỹ khi cộng sản đe dọa và thân-hữu với cộng sản khi nào Mỹ làm áp-lực. Sự thật thì chính sách trung lập của Sihanouk chỉ có một chiều vì đe dọa của cộng sản gần gũi và trầm trọng hơn áp lực của Hoa-Kỳ, Nam Việt và Thái-lan. Mỗi khi quân đội Việt-Mỹ truy kích Việt-Cộng, vượt qua biên-giới Việt-Miên, thì Sihanouk không bao giờ quên đả kích Mỹ và đòi bồi thường. Từ nhiều năm nay chính phủ Hoa-thịnh-đốn đã có thói quen là xin lỗi và bồi thường cho Cam-bốt trung bình 70 Mỹ kim một nạn nhân theo sự ước tính của một tờ báo Pháp. Nhưng Sihanouk đã để mặc cho Bắc Việt gửi tới 40.000 quân sang đồn trú trên lãnh thổ Cam-bốt. Tuy Sihanouk tuyên bố rằng ngay trong gia-đình, ông cũng áp dụng chính sách trung lập bằng cách gửi một con sang học ở Mạc-tư-Khoa và một con sang Paris, nhưng ông viếng thăm các quốc gia Cộng-sản nhiều hơn là các quốc gia Tây phương. Quân đội Bắc-Việt ở trên lãnh thổ Cam bốt đã trở thành một quốc gia trong một quốc gia vì vậy mà dân chúng Miên không còn có thể cajú đặng thêm được nữa. Kết quả là chính những người thân cận của Sihanouk như tướng Lon Nol và Hoàng thân Sisowath Sirik Matak đã phải đi tới lật đổ ông và đồng thời đẩy tình hình chính-trị A-Châu vào một giai đoạn mới.



Những nhà lãnh đạo mới của Cam-bốt
Cheng Heng — Lon Nol — S. Sirik Matak

Một giai đoạn mới của chính-trị Á-châu

Thái tử Sihanouk bị lật đổ cùng một lúc với việc quân đội Bắc-Việt chiếm đóng Cảnh-Đồng-Chum ở Lào khiến người ta không khỏi nghĩ tới một cuộc chiến tranh Đông-Dương thứ hai. Hai sự-kIỆN này có thể có rất nhiều ảnh hưởng tới cục diện Á-châu.

Trước hết, với cuộc đảo chính ở Cam-bốt, chiến cuộc tại Nam-Việt bước qua một giai đoạn mới có lợi cho phe quốc gia. Thật vậy từ xưa tới nay quân đội Bắc-Việt luôn luôn lợi dụng lãnh thổ Cam-bốt để đồn trú. Mỗi khi bị quân đội quốc gia truy kích, cộng quân thường chạy sang ẩn náu ở bên kia biên-giới Việt-Miên. Vì tôn trọng chủ quyền Cam-bốt và cũng sợ phản ứng của dư luận quốc tế, quân đội Việt - Mỹ không dám dùng quyền truy-kích để tiến vào lãnh thổ Miên. Ngoài ra nếu quân đội Việt Mỹ có tiến vào lãnh thổ Miên thì phe Cộng sản lại càng có cơ để buộc Sihanouk phải chấp nhận sự can thiệp của cộng quân tại Cam-bốt.

Từ nhiều năm nay chính sách trung lập một chiều của Sihanouk đã là một trở ngại lớn cho các cuộc hành quân của Chính phủ Saigon. Người ta đã cố gắng để đưa Sihanouk tới một thái độ hòa hoãn hay ít nhất tới một chính sách hoàn toàn trung-lập và vô tư mà không được. Vì vậy Mỹ đã thử chận đường xâm nhập của quân Bắc Việt, trước khi họ tới Cam-bốt, bằng cách oanh tạc đường mòn Hồ-Chí-Minh ở Lào, vì tại nước này chính phủ của Hoàng-thân Souvana Phouma có một thái độ thân-hữu với Mỹ hơn. Nhưng biện pháp này chỉ hữu hiệu được tới một giới-hạn nào đó thôi. Vì vậy mà chính phủ Hoa-thịnh-đốn dần phải đi tới một hình đã dần thức tham chiến che dấu ở Lào. Đúng vào lúc mà sự «dấn thân» của Mỹ được dư luận quốc tế để ý tới thì chính quyền Sihanouk bị lật đổ khiến người ta không khỏi nghi ngờ là Hoa-kỳ đang mưu tính mở mặt trận chống Cộng tại Á-châu trên một căn bản rộng lớn hơn và có thể hữu hiệu hơn. Dù Mỹ có liên quan tới những biến chuyển vừa qua tại Lào

và Miên hay không thì chiến cuộc Việt-Nam cũng đã bước sang một giai đoạn mới mẻ có lợi cho phe quốc-gia hơn trước. Vì tại Cam-bốt, chính phủ mới của Tướng Lon Nol và Hoàng-thân Sirik Matak đã có một vài hành động khiến các giới quân sự ở Saigon và Hoa-thịnh-đốn hài lòng. Tướng Creighton Abrams đã nhiều lần nói rằng nếu không có Cộng sản đóng quân ở Cam-bốt thì chiến tranh Việt-Nam sẽ chấm dứt trong vòng một năm. Ngày nay, ngay sau khi lên nắm chính quyền, Tướng Lon Nol đã hạn định cho cộng quân Bắc Việt 3 ngày để rút khỏi Cam-bốt.

Sự cộng tác của Cam-bốt trong việc loại trừ phe cộng sản không phải là bây giờ mới có. Ngay từ đầu năm 1970 các sĩ quan Cam-bốt đã nhiều lần dùng máy truyền thanh để hướng dẫn quân đội Nam-Việt oanh tạc các vị trí của cộng quân. Ngoài ra họ còn cố tình bần luận với nhau qua máy truyền tin về những hoạt-động, những đường di-chuyển của quân cộng-sản vì họ biết rằng cơ quan tình-báo của Nam-Việt có thể bắt được các tin tức này. Như vậy ta thấy rằng trong hàng ngũ quân đội Cam-bốt đã có cả một phong trào chống đối thái-tử Sihanouk.

Phong trào chống đối của quân đội kết hợp với các phong trào chống đối khác đã khiến cho chính quyền của Sihanouk bị sụp đổ. Người ta đã chỉ trích Hoàng-gia tham nhũng, Thái hậu Kossamak lạm quyền, quận chúa Monique hoang phí công quỹ. Ngoài ra vì Thái-tử Sihanouk đã thành công quá mau trong công cuộc phát triển giáo dục nên nhiều sinh viên, sau khi tốt nghiệp không có việc làm, vì mức phát triển kinh tế chưa đủ mau để thu hút họ.

Nếu Hoa-kỳ thực hiện nổi một lực lượng chống Cộng đoàn kết Việt-Miên Lào thì không những chiến tranh Việt Nam có nhiều hy vọng sớm kết thúc mà bước tiến của phe Cộng-sản ở Á châu sẽ còn bị chặn đứng nữa. Đông Dương là con đường xâm nhập của Cộng sản ở Á châu, người ta đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần điều này ngay từ khi Pháp còn sa lầy ở chiến tranh Đông Dương. Tuy rằng 16 năm sau dữ-kiện này vẫn còn giá trị nhưng có một sự thay đổi lớn là một Hoa-kỳ giàu mạnh đã thay thế một Pháp-quốc suy nhược trong công cuộc bảo vệ Đông Dương. Điều mà người Pháp thất bại là điều mà người Mỹ có thể thành công. Do đó người ta thấy rằng Mỹ chỉ càng ngày càng dẫn-thân sâu thêm vào việc bảo vệ Đông Dương. Nhưng trong bài tán Đông Dương nói riêng và Á-châu nói chung, người ta còn một ẩn số đó là phản ứng của phe Cộng sản quốc tế.

Sihanouk bị lật đổ là một thất bại của phe Cộng sản. Nhưng chưa chắc phe Cộng sản đã có một phản ứng mạnh mẽ. Trước hết người bị thiệt thòi nhiều nhất là Bắc-Việt. Bắc-Việt có thể đưa Sihanouk trở lại chính quyền bằng cách đem quân tấn công Cam-bốt. Cai tin Phạm-văn-Đồng vội vã đi Bắc Kinh gặp Sihanouk tung ra trước đây đã khiến người ta nghi ngờ sự can thiệp võ trang của Bắc Việt. Nhưng Sihanouk có dám nhận sự trợ giúp của Bắc-Việt không? Và Bắc-Việt có dám tấn công Cam-bốt để trực tiếp đụng độ với Mỹ (hôm ở đất nước này nữa không? Bắc Việt tất phải suy tính rất nhiều trước khi quyết định hành động. Và muốn can thiệp thì ít nhất Bắc Việt cũng phải có sự thỏa thuận của Trung-Cộng, nhưng Trung-Cộng, ngay từ năm 1965 khi Mỹ oanh

tác Bắc-Việt, tuy đả-kích Mỹ nhưng luôn luôn có một thái độ dè dặt vì Bắc-kinh không thể đánh nhau với Mỹ trong những điều kiện hiện tại.

Còn Nga-ô, người ta hẳn như chắc chắn rằng nước này sẽ không có phản-ứng gì vì Đông-Nam-Á là vùng thuộc ảnh hưởng của Mỹ. Nếu Nga không muốn Mỹ can thiệp vào vùng ảnh-hưởng của chính mình ở Đông Âu thì Nga cũng sẽ không có một hành động nào có thể làm tổn thương đến nền bang giao Nga-Mỹ.

Như vậy ta thấy rằng nếu biết khai thác, Mỹ sẽ có thể có một thắng lợi quan trọng tại Á-châu vì trong tình-hình hiện tại các quốc gia Cộng-sản sẽ để mặc cho Mỹ tự do hành động.

oOo

Cuộc đảo chính ngày 18.3.1970 tại Cam-bốt không phải như những cuộc đảo-chính tại các quốc-gia chậm tiến khác. Cuộc đảo-chính này đã mở màn hay ít nhất đánh dấu một giai

đoạn mới của chính-trị Á-châu. Đe dọa Cộng sản ở lục-địa này có thể suy giảm rất nhiều trong tương-lai gần đây. Ngoài ra quan-hệ giữa hai khối Tư-bản và Cộng-sản ở Á-châu cũng đã thay đổi nhiều. Cán cân lực lượng đang ngả về phe Mỹ nếu nước này hoạt động khôn khéo để ổn định tình hình nội bộ của mỗi quốc gia Á-châu đứng về phe họ.

Mỹ «dấn thân» thêm ở Đông Dương không có nghĩa là Mỹ di chuyển lại chính sách Á châu của ông Nixon nhằm giảm bớt can thiệp tại lục-địa này. Hoạt động mạnh ở Đông-Dương để giảm bớt hoạt-động ở Á-châu. Dấn-thân ở Đông Dương do đó chỉ là một giai đoạn, một thành phần trong chính sách Á-châu của ông Nixon. Dấn thân ở Đông Dương là một thí nghiệm đầu tiên của Mỹ nhằm hoạt động đúng chỗ, đúng lúc để đỡ phải hoạt động một cách vô hiệu ở một lúc khác và ở một nơi chốn khác.

TÙ - TRÌ

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2 Nguyễn Văn Thịnh Saigon

Hoàng Xuân Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N.X. : Là Học viện đầu tiên ở V.N. để xướng giáo dục Hậu học đương và Bồ túc đại học về các khoa Tự Lập Thân. Giảng huấn tại trường và hóm thụ ở xa.

T.T.N.X. : Phổ biến Nhân xã học là môn học được trình bày trong 74 tác phẩm của Ông Hoàng Xuân Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung tâm không liên hệ gì đến chủ nghĩa nhân vị hay đảng phái chính trị hoặc tôn giáo nào cả.

12 MÔN : Do giáo sư Đại học và Học giả tên tuổi dạy tại T.T.N.X là :
1) Hùng biện, 2) Xử thế, 3) Lãnh đạo ; 4) Dụng nhân, 5) Tổ chức,
6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân,
10) Hương nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng

ĐẶC ĐIỂM: Phòng tổ chức tiện nghi như Đại học. Mỗi sáng chúa nhật có thuyết trình. Học sau mỗi giờ có uống trà. Hai tuần mỗi tối chúa nhật khóa sinh Hội thoại bàn tròn về các môn học. Học cách học và luyện tinh thần.

Nhập khóa : 1/4, 1/5 và 1/6

MỘT VÀI NHẬN XÉT VÀ
KỶ-NIỆM VỀ

Norodom SIHANOUK



Thế là ông Hoàng Norodom Sihanouk xứ Chùa Tháp đã ra đi và bị truất-phế trong khi vắng mặt, một cách không ngờ. Cũng như cách đây ba mươi năm, chính ông không ngờ một ngày kia sẽ làm Vua, và một ngày kia khác sẽ làm Quốc-trưởng.

Người ta đã thi đua khen ông lúc thịnh-thời: đó là thể thượng thường-tình, phò-mã dĩ-nhiên tốt áo. Có một số người lại thi đua chê ông khi vị-ngộ: âu đó cũng là thể thượng thường-tình, giậu đồ tất phải bìm leo. Nơi đây, không

khen không chê, tôi chỉ khách-quan ôn lại một số những điều mắt thấy tai nghe, và một vài kỷ-niệm sống qua những dịp tiếp-xúc với nhân-vật « đặc-biệt » này. Tôi viết « đặc-biệt », vì thực ra, dù quen hay lạ, thân hay sơ, yêu hay ghét, chúng ta không thể phủ-nhận một sự-kiện hiển-nhiên: Norodom Sihanouk khác thường, có một cuộc sống do thời-hội gây nên gồm đủ mọi ngẫu-nhiên, mâu-thuẫn, thăng-trầm và thử-thách. Do đó, ông được khen đã nhiều, mà bị chê cũng lắm. Có người (Cam-bốt) sùng-bái ông như một đấng thiên-thần, có người (ngoại-quốc) thán-phục ông như một bậc vĩ-hân. Trái lại, có người (Cam-bốt cũng như ngoại-quốc) chỉ muốn hạ bệ ông cho khỏi chướng tai gai mắt... Nhưng có điều chắc-chắn là trung-bình và khách-quan, một khi đã gặp Norodom Sihanouk, và nhất là đã cùng ông đàm-thoại, rất ít ai có thể dễ quên ông. Người ta có thể thương hay ghét Norodom Sihanouk, cũng như người ta có thể vừa thương và ghét ông: đó là tùy nhân-tuyến, tùy vấn-đề, và tùy vị-trí. Nhưng tuyệt-nhiên không ai có thể thờ-ơ coi ông như một người khách qua đường, vô danh, gặp đó rồi lại quên ngay đó...

Norodom Sihanouk sinh ngày 31 tháng 10 năm 1922, là con một Hoàng-thân không lên tuổi. Ông được gửi du-học trường Chasseloup Laubat ở Saigon, dưới sự điều-dắt của một nhân-viên trung-cấp Pháp tòng sự tại Tổng Nha Thương-chánh. Du-học Saigon, dưới sự điều-dắt của một nhân-viên trung-cấp Pháp Tổng Nha Thương-chánh: hai chi-tiết đủ hùng-hồn nói lên «gia-tư» của Norodom Sihanouk, mặc-dù là Hoàng-thân, nhưng cũng chỉ «thường thường bậc trung», không hơn không kém...

Một số bạn đồng-học của ông trước đây, ngày nay còn nhớ lại: lưu-trú học-sinh Norodom Sihanouk hòa-nhã, ít lời, giọng nói nhỏ và thanh như con gái, thông minh trung-bình nhưng chịu khó, thích thể-thao, ưa âm-nhạc, ríi chuyện với các bạn mà vẫn thưa gửi, thật lễ-độ và tế-nhị... (Oui, Monsieur,...)

Năm 1941: Norodom Sihanouk 19 tuổi. Đang sống đời học-sinh vô-tư như trăm ngàn học-sinh khác đồng - thời đồng - tuế, ông bỗng được tin Hội-đồng Hoàng-gia đã khẩn họp và bầu ông lên ngôi cửu-ngũ, nối nghiệp ông ngoại là Sisowath Monivong (1) vừa mới thăng-hà. Tại Cam-bốt, ngôi Vua không bắt buộc và đương-nhiên dành cho ngành trưởng: nhân-vật kế-vị có thể là một vị Hoàng-thân do Hội-đồng Hoàng-gia lựa chọn. Trong-thực-tế, nước Pháp khi đó còn thủ vai trò giám-hộ, Đô-đốc J. Decoux «Toàn-quyền Đông-pháp» đã áp-lực đề chỉ định Norodom Sihanouk vì nhiều lý-do mệnh-danh chánh-trị, công-khai có mà thăm-kín cũng có. Sihanouk thuộc dòng Norodom vì họ cha, lại thuộc dòng Sisowath vì họ mẹ: như vậy sẽ tránh được mọi vụ tranh-chấp sau này. Nhưng lý-do chánh

và thăm-kín là vì Norodom Sihanouk thông-minh trung-bình, có lễ-độ, còn ít tuổi... Như vậy, uốn-nắn vào khuôn-phép chắc phải dễ hơn so với Hoàng-thân Sisowath Monireth là con trưởng Vua Sisowath Monivong và là cậu ruột của chính Norodom Sihanouk.

Hoàng-thân Sisowath Monireth khi đó 32 tuổi, đã từng du học tại Pháp và theo binh-nghiệp trong quân-đội Pháp, thông minh, có cá-tính mạnh, đã trưởng thành, lại ủ-ấp những ý-niệm rất cấp-tiến đối với thời bấy giờ về mối tương-quan giữa Pháp «mẫu-quốc» và Cam - bốt «bảo hộ». Lễ dĩ-nhiên, những ý-niệm như vậy bị coi như không hợp-thời, do đó không được nhà cầm quyền Pháp tán-thành.

Vị giáo-sư Luật-khoa Đại-học Hà-nội được ủy-nhiệm giảng-dạy Norodom Sihanouk, về môn hiến-pháp, sau đã có dịp bình-phẩm về người học-trò vương-giả này: thông-minh rất trung-bình, không có gì đặc-sắc... («intelligence très moyenne, rien d'extraordinaire...»)

Đúng như vậy. Và trong mấy năm đầu của triều-đại, Norodom Sihanouk quả đã không phụ lòng nhà cầm quyền Pháp mong chờ. Norodom Sihanouk ham âm-nhạc, thích ngâm thơ, ưa hội-họa: hoạt-động của một đấng quân-vương mà chỉ nhằm có ca ngợi thiên-nhiên tình-cảm, tìm hiểu lời nói của tiếng gió ánh trăng... Còn mọi việc triều-chính đã có nhà nước bảo-hộ phụ-trách giùm! Cứ kể ra, như thế cũng là lẽ thường, vì ở vào địa-vị một ông vua của một nước bị trị, Norodom Sihanouk có thể nào làm gì hơn và khác?

(1) Sisowath Monivong sinh và mất tại Phnom Penh: 1875-1941. Trị vì từ 1927 tới 1941.

Nhưng Norodom Sihanouk đã đi xa và cao hơn thế. Thiếu trưởng-thành, nhều sinh-lực, lại danh-vọng và tiền bạc có thừa. Ông bắt đầu rung động trước khoé mắt gai-nhân, và thường-thức rượu say bên người mỹ-nữ... Những trận mệnh-danh là "thủy chiến trâu nhỏ" được dàn cảnh trên mặt bể... bơi trong hoàng-thành; những cuộc vui thâu đêm được tổ-chức nơi cung cấm. Chúng ta hãy nghe Norodom Sihanouk tâm-sự và sám-hối :

— Trẫm làm Vua... Có những người đẹp muốn gần Trẫm.... Và kết-quả là Trẫm đã sa-ngã ..

Một trong số các thành-tích sa-ngã có thể coi như phi-thường, là cuộc phiêu-lưu giữa Norodom Sihanouk với di-ruợc, em cùng cha khác mẹ của chính mẹ mình....

Thời-gian trôi. Dù muốn dù không, con người không thể tránh khỏi định-mệnh, và các thời-hội lịch-sử tình-cờ đã lần lần đưa đẩy ông ra mặt tiền sân khấu.

Năm 1941, hai tỉnh Battambang và Siemréap bị cắt nhượng cho Thái-lan do Nhật-bản hậu-thuần và khuyến-khích. Về sau này, đệ-nhị thế-chiến kết-liệu, mặc dù hai tỉnh đã được qui-hoàn lãnh-thờ Cam-bốt, Norodom Sihanouk vẫn đôi khi mỉa-mai nhắc lại hành động «xấu-chơi» của nước «láng-giềng phía Tây», luôn luôn nhằm thôn-tính Cam-bốt mỗi khi «con thuyền xuôi dòng thuận gió»... Norodom Sihanouk dùng tiếng Pháp «vent dominant», ngụ ý: mỗi khi Thái-lan gặp cơ-hội thuận-lợi để mưu-đồ xâm-lược.

Năm 1945, Nhật đảo-chánh Pháp. Norodom Sihanouk tuyên-bố Cam-bốt độc-lập. Và quốc-tế dần dần biết tới

tên tuổi ông Vua đặc-biệt có nhều đêm dị-kỳ này.

Trước hết, Norodom Sihanouk cảm ơn Nhật bản, vì nhờ có Nhật-bản đảo-chánh Pháp, ông mới có cơ-hội tuyên-bố Cam-bốt độc-lập. Nhưng ông làm sao quên được Nhật-bản đảo-chánh, đâu có phải vì Cam-bốt? Làm sao quên được Nhật-bản đã hậu-thuần Thái-lan yêu-sách rồi chiếm-đóng hai tỉnh Battambang và Siemréap? Làm sao quên được Nhật bản sau này còn ủng hộ Sơn-Ngọc-Thành xuất-hiện dưới chiêu-bài chống Pháp, trong khi Norodom Sihanouk không những do Pháp đưa lên ngôi, đã vậy còn bị một phần dư-luận coi như thân Nhật!.. Mà Nhật-bản đâu có thành thực ủng-hộ nền độc-lập của Cam-bốt!

Mặt khác, đối với Pháp, tâm-trạng của Norodom Sihanouk cũng thật là phức-tạp. Dù có tự-ái và tự-tôn đến đâu, ông cũng không thể chủ-quan ngộ-nhận rằng chánh-quyền Pháp đưa ông lên ngôi, là vì tài cao đức cả... Mặc-cảm thúc-dẩy ông sớm muốn phải lợi-dụng cơ-hội, để tạo nên thời-thế. Nhất là trong giới thượng-lưu cũng như trong dân-chúng, người ta thì-thăm to nhỏ sang tai cho nhau nghe câu chuyện Vua Sisowath Monivong có thể đã bị đầu độc chết... Câu chuyện sai hay đúng đến đâu, chúng ta không cần biết, vì rất có thể đã được các chánh-khách khi đó, Cam-bốt hay ngoại-quốc, ngụy-tạo phần nào vì những lý-do chính-trị nhất thời và dễ hiểu. Nhưng rất có thể câu chuyện đã đến tai Norodom Sihanouk và Norodom Sihanouk tất-nhiên phải suy-tư, ngẫm-ngĩ....

(Vua Sisowath Monivong đã già, tinh-thần không còn minh-mẫn. Thế-lực và uy-quyền của Pháp tại Viễn-đông

ngày mỗi suy-sụp. Cam-bốt bị Nhật-bản chếm-đóng. Hai con vua Sisowath Monivong là Sisowath Monireth và Sisowath Monipong có quan-niệm cấp-tiến, có tinh-thần quốc-gia, dường như muốn cầm đầu một phong-trào giải-phóng. Thế rồi Quốc-Vương Sisowath Monivong thăng-hà; các Hoàng-tử Sisowath Monireth và Sisowath Monipong bị gạt ra ngoài; và ông Hoàng Norodom Sihanouk được đề cử lên ngôi.

Năm 1947, Norodom Sihanouk được Pháp hậu-huấn trở lại ngôi Vua. Chánh giới Pháp hy-vọng có thể xử-dụng và lợi-dụng ông như trước, trong khi vì tiếp-xúc với thực-tế phủ-phàng, Norodom Sihanouk đã bắt đầu ý-niệm vai trò của mình không còn là một món hàng trang-trí, mà phải là một sứ-mệnh, một thiên-chức.

Năm 1952, Norodom Sihanouk trực-tiếp điều-khiển quốc-sự, yêu-sách Pháp phải công-nhận Cam-bốt hoàn-toàn độc-lập. Không được thỏa-mãn, ông bèn bắt đắc chí tinh-nguyện ra đi, sống đời lưu-đày tại Thái-lan để tiếp-tục tranh-đấu trong bối cảnh ngoại-giao. dịp đó là khoảng tháng 6, năm 1953. (Một số chánh-khách kể chuyện cho nhau nghe: nhận thấy Norodom Sihanouk "cứng đầu", chánh-giới Pháp quay lại tiếp-xúc với Sisowath Monireth. Nhưng không những không thù-oán cháu mình vì những chuyện xa-xưa ngày nay đã trôi vào dĩ-vãng, đồng thời nhận thấy đường lối tranh-đấu của Norodom Sihanouk phù-hợp với quyền-lợi tối-thượng của quốc-gia và giòng họ. Hoàng-thân Sisowath Monireth đã trả lời bằng một câu lịch-sử: Tôi không phải là hạng người ăn loại bánh mì này... 'Je ne peux pas manger de ce pain là...')

Tháng 12 năm 1954, Pháp công-nhận Cam-bốt hoàn-toàn độc-lập. Norodom Sihanouk tổ-chức trưng-cầu dân-ý vào tháng 2 năm 1955: ông thành-công mỹ-mãn, nhưng lại thoái-vị ngay để nhường ngôi cho cha. Phần ông sẽ làm Thủ-tướng, trực tiếp lãnh đạo quốc-gia, và sống gần dân hơn là với chức-vị quân-vương cao-xa cách-trở... dịp đó khoảng tháng 3 năm 1955... Thần-dân Cam-bốt kêu ông là "Cha đẻ của nền độc-lập" (Samdech Euv), với rất nhiều kính-cần, và triu-mến.

Năm 1960, Vua Norodom Suramarit thân-phụ của Norodom Sihanouk thăng-hà. Norodom Sihanouk được tôn lên làm Quốc-trưởng trong khi Hoàng-Thái Hậu Kossamak trị vì, tiêu-biểu cho nền quân-chủ.

Cuộc đời đấu-tranh và lãnh-đạo cứ như thế tiếp-diễn, cho tới năm 1970, khi phẳng lặng như mặt hồ nước ngủ, khi hải-hùng như đóm cháy đêm khuya, hay phong ba nơi biển cả.

Đối ngoại, Norodom Sihanouk luôn luôn tuyên-bố « Cam-bốt trung-lập, không xếp hàng, không phe khối. » Ông tâm-sự đã khám-phá ra thuyết trung-lập từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường trung-học, tại Saigon. Ông lý-luận: « Thái lan không hơn gì Việt-Nam, ấy thế mà Thái-lan độc-lập, còn Việt-Nam vong-quốc. Chỉ vì Thái-lan ở giữa Việt-Nam thuộc Pháp và Ấn-độ thuộc Anh » Cả Anh lẫn Pháp đều "giữ miếng" không bên nào muốn để bên kia tiến tới gần mình. Kết-quả là Thái-lan không bị thôn-tinh. Xem như vậy, vấn-đề vị-trí thật quan-trọng. Và muốn tránh khỏi bị đô-hộ hay lôi cuốn vào cuộc chiến, Cam-bốt ngày nay độc-lập chỉ có một con

đường duy - nhất là TRUNG-LẬP.

Nền trung lập đó thoát đầu nghiêm-chính, về sau cứ lần lần thiên tả. Cho đến ngày sau khi đoạn-giao với Việt-Nam Cộng-Hòa năm 1963, sau khi đoạn-giao với Hoa-kỳ năm 1965, Cam-bốt thành-lập liên-hệ ngoại-giao với Bắc Việt năm 1966 và cả với « M.T.G.P.M.N », năm 1969 những ai theo dõi thời-cuộc đều đã tiên-đoán sớm muộn tất phải có chuyện gì sẽ xảy ra. Vì không lý gì một quốc-gia tự-nhận trung-lập, lại có thể đồng-thời tiếp nhận 40.000 cộng-quân đồn-trú trên lãnh thổ, cùng là cho phép quân-đội đó xử-dụng hải-cảng và xa-lô của mình để di-chuyển vũ khí và lương-thực !...

Tuy nhiên, ngay từ đã lâu, chính Norodom Sihanouk vẫn hằng tuyên bố: Chỉ có một lối thoát là TRUNG-LẬP; bất kỳ với Cộng-sản chỉ là một hạ sách nhất thời bất đắc dĩ. Hơn thế, ông còn tâm-sự một cách khẳng-định và táo-bạo: « Quân-chủ làm sao có thể đi đôi với Cộng-sản; Cộng-sản thành-công, không những ngại vàng của tôi sẽ đổ mà chính thân tôi và gia-đình tôi cũng không còn. . . Đây là một chiến-thuật tri-hoãn: chống-đối Cộng-sản, chúng tôi sẽ bị tiêu-diệt tức khắc; hòa-hoãn với Cộng-sản, chúng tôi may ra có thể sống thêm được mười hay mười lăm năm nữa, rồi lúc đó sẽ hay.. . Mà biết đâu, trong thời-gian ấy, chẳng có những biến-chuyển quốc-tế có lợi cho nước Cam-bốt bé nhỏ của chúng tôi! .. » Ông thường tuyên-bố như vậy bắt đầu từ năm 1959, 1960. Dường như ông đã đoán trước những biến-cố có thể xảy ra, vào năm 1970... Đoán trước mà không thể tránh...

x x x

Chúng ta có thể nêu câu hỏi: vì đâu và tại sao nền trung-lập của Norodom

Sihanouk thoát đầu nghiêm-chính, về sau lại có thể biến-đổi thành thiên tả một cách phũ-phàng như vậy?

Thiết tưởng có nhiều lý-do, trực-tiếp và gián-tiếp!

Có thể những biến-chuyển quốc-tế đã khiến Norodom Sihanouk ngộ-nhận, hay chịu áp-lực để rồi trở nên phần nào chủ-quan, do đó thành-thực hay miễn-cường tiên-đoán Việt-Nam Cộng-Hòa đã tới ngày « tận thế ». Tiên đoán đó, ông có đã lâu, kể ngay từ khi có vụ khủng-hoảng tôn-giáo trước tháng 11-1963, qua các vụ đảo chánh liên-tiếp các năm 1964/65, cho tới sau này vụ Tết Mậu-Thân năm 1968. Cũng có thể vì những sơ-hở thường khi vô-tình, đôi khi bất khả kháng, một số các quốc-gia trong khối tự-do vô-tư có quan-niệm quá chặt chẽ về kỷ luật và nguyên-tắc, đã làm phật lòng Norodom Sihanouk. Trong khi các quốc-gia trong khối Cộng-sản hay Xã-hội, luôn luôn cố gắng chiều dài nhà lãnh-đạo ít tuổi và khó tính này, vì những ân-ý riêng và nhằm những mục-đích riêng... Mặt khác, ta cũng không nên quên Norodom Sihanouk hiếu-thắng, tự-ái, lại nhiều mặc-cảm và hay chấp-trách. Ngoài ra còn có thể kể tới yếu-tố quyền-lợi cá-nhân và nhân-tiền của một số nhân-vật hữu-trách Cam-bốt... trong đó có cả một vài phần-tử trọng-yếu trong Hoàng-phái!

Chúng ta hãy ngược dòng thời-gian để cùng ôn lại một vài câu chuyện cũ.

Năm 1945, chiến-tranh vừa kết-liệu. Tại Paris, nguyên « Toàn-quyền Đông-Pháp J. Decoux » nghỉ bệnh nơi dưỡng-đường Val-de-Grâce. Đó là nguồn tin chính-thức. Sự thực, J. Decoux bị quân-thức đọa ngày sẽ biếm-minh trước Tối-cao Pháp-đình về chính-sách ông đã áp-

dụng trong thời-kỳ quân-đội Nhật chiếm đóng Đông-Dương. Do «Toàn-quyền J. Decoux» đưa lên ngôi báu, không quên nghĩa cũ tình xưa, Norodom Sihanouk đã nhũn-nhặn gửi thư thăm hỏi, lời lẽ thật nồng-nhiệt chân-thành. Chúng ta hãy thưởng-thức một vài đoạn trong thư: (1)

Paris ngày 20 tháng 6, 1946.
Thưa Đô-Đốc,

«Vừa rồi, tôi rất hân-hạnh tiếp chuyện luật-sư của Đô-Đốc. Trong một bức thư gửi tới luật-sư, tôi sẽ có dịp đề-cập tới tấm lòng vị-tha nhũn-nhục của Đô-Đốc trong công-cuộc bảo-vệ quyền-lợi cao-cả của nước Pháp. Đô-Đốc đã cao-thượng biết bao khi che-chở các dân-tộc Đông-Dương chống kẻ thù, trong suốt 4 năm trường.

«Tôi tin rằng công-ly sẽ soi-tỏ trường hợp của Đô-Đốc, và rồi đây nước Pháp sẽ liệt Đô-Đốc trong số các người con hiếu-thảo nhất.

«Tôi xin Đô-Đốc tin ở nơi tôi, luôn luôn trung-thành và tận-tụy.

Ký-tên : Norodom Sihanouk.»

Bức thư dùng chữ «votre toujours fidèle et affectionné», thực khiêm-cung và tình-cảm. Chúng ta nên nhớ Norodom Sihanouk năm đó 24 tuổi, và mới lên ngôi được 5 năm. Thiên nghi năm hay mười năm sau, có viết thư này, Norodom Sihanouk chắc sẽ không dùng lại danh-từ cũ....

Năm 1955, đệ nhất Cộng-hòa Việt-Nam thành-lập, sau khi các nguyên-thuộc-quốc Đông-Dương được Pháp công-nhận hoàn-toàn độ-lập do hiệp-định Paris ngày 29/12/1954. Bài toán bang-giao Việt-Nam/Cao-Miên được đề-cập. Norodom Sihanouk ủy-nhiệm chủ-

tịch Phòng Thương-mại Pánon-Penh công-cán Saigon, đề thăm-dò đường đất, đặt vấn-đề trong khung-cảnh kinh-tế và thương-mại. Chỉ-thị của Norodom Sihanouk rất minh-bạch, «dễ thương» và thiết-thực:

— Việt-Nam lớn và mạnh, lại sẵn nhân-tài và nguyên-liệu. Việt-Nam ví như chiếc xe «camion» nặng lớn; Cam-bốt như chiếc xe nhỏ «Citroen hai ngựa». Đừng có nói tới chuyện luật đi đường tay trái hay tay mặt. Ví-dù ở Việt-Nam xe đi tay trái, thì ta cũng lái xe tay trái, kéo gây tai-nạn, thiệt thân mà chẳng ích gì. Trong phạm-vi danh-dự và thiết-thực, hãy cố gắng ôn-hòa cho được việc...

Nhưng một số ngộ-nhận thuở ban

(1) Paris, le 20 Juin 1946.

Amiral,

Je suis très heureux de pouvoir aujourd'hui vous présenter par l'intermédiaire de Mr. de Boysson mes salutations effectueuses.

Depuis notre séparation, je n'ai jamais cessé de penser à vous et de m'inquiéter de votre santé. Et c'est avec la plus grande tristesse que j'ai appris à Paris que vous étiez souffrant. De tout mon coeur, je forme des vœux pour votre prompt rétablissement.

J'ai eu la satisfaction de recevoir dernièrement votre avocat. Dans une lettre qui lui sera adressée, je dirai avec quelle abnégation vous avez en Indochine servi les intérêts supérieurs de la France et avec quelle noblesse de coeur vous lui avez assuré pendant quatre ans, la protection des peuples Indochinois contre l'ennemi.

Je suis certain que justice vous sera rendue et que la France vous considèrera comme l'un des meilleurs parmi ses fils.

Je vous demande de me croire, Amiral, votre toujours fidèle et affectionné.

NORODOM SIHANOUK

(Trích «A la barre de l'Indochine» của J. Decoux.)

sơ, đã vô tình, trong một thời-gian, làm tri hoãn mọi tấm lòng thành, từ cả đôi bên...

Rồi tiếp ngay sau đó, là Hội-nghị các nước Á-Phi triệu-tập tại Bandoeng, tháng 4. năm 1955. Norodom Sihanouk làm quen với làn gió ngoài khơi, hô-hấp không-khí chánh-trị quốc-tế, tiếp xúc và trao đổi với những nhà lãnh-đạo thời danh của hơn ba mươi quốc-gia lớn nhỏ trong khối A-Phi, đa-số mới được giải-phóng từ sau năm 1945. Ông bắt đầu cảm thấy mình quan-trọng. Sau đó, ông đi thăm-viếng một số quốc-gia, đi đến đâu cũng được tiếp đón thật huy-hoàng. (Chúng ta nên nhớ Norodom Sihanouk vừa mới thành-công trong sứ-mệnh chống Pháp, dành độc-lập hoàn toàn cho xứ-sở.)

Những ý-niệm khiêm-cung bắt đầu phai-lạt, để nhường chỗ cho những tư-tưởng say-sưa về quyền-hành và sùng-bái cá-nhân. Một vài thiên giai-thoại đáng cho chúng ta suy-ngẫm.

Norodom Sihanouk công-du Nga-xô.

Trong số các nhân-viên tháp-tùng có Sam Sary, (một chiến-hữu thuở ban đầu, một nhân-vật thông-minh lanh-lợi, nhưng chỉ 4 năm sau đã trở nên kẻ thù chống-đối đến cùng). Các nhân-vật Nga-sô tiếp đón long-trọng và nồng-nhiệt. Chỉ vào các nhân-vật trọng-yếu Nga-sô tiếp-đón mình, và đoàn người đông đảo xếp hàng vừa phát cờ Miên/Nga vừa hoan-hô cổ-võ, Norodom Sihanouk nói nhỏ với Sam Sary:

— Nước Nga anh em tiếp đón tôi thật ân tình, long-trọng.

Sam Sary ngay-thẳng đáp lời:

— Chánh-phủ Nga sô tiếp-đón cái vị-trí địa-dư của lãnh thổ Cao-bốt có

giá-trị về phương-diện chiến-lược và chánh-trị, hơn là tiếp-đón cá-nhân Thái-tử...

Câu trả lời như một gáo nước lạnh buổi đêm đông. Vì đối với Norodom Sihanouk các cường-quốc: đón-tiếp long-trọng, một phần rất lớn nếu không muốn nói tất cả, là vì cá-nhân ông có tài thao-lược và có công chiến-đấu. Sau này, Norodom Sihanouk công-du Trung-Cộng, Nam-dương, Ai-cập... đi đến đâu, cũng đều được tiếp-đón huy-hoàng như vậy. Sự-kiện vô-tình đã chứng-minh và xác-nhận những định-kiến tự-tôn và chủ-quan của ông đối với chính ông.

Trong khi đó, tại hay với các quốc-gia trong khối tự-do dân-chủ, Norodom Sihanouk đã từng phen gặp những bất-bằng làm thương-tồn lòng tự-ái của cá-nhân ông, mà ông đồng-hóa với uy-thế của cả quốc-gia và dân-tộc.

Norodom Sihanouk cầm đầu phái-đoàn tham-dự Đại-Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, tại Nữu-ước. Xe ông có mang quốc-kỳ đang đi, bị cảnh-sát công-lộ cản đường. Rất nhiều phần nếu không muốn nói dĩ-nhiên, đây chỉ là một sự vạ bất đả dĩ, bất khả kháng, vô-tình chứ không hữu-ý. Liên-Hiệp-Quốc đang Đại-Hội-đồng, có tới hàng trăm các vị Nguyên-thủ, Thủ-tướng, Ngoại-trưởng tham-dự: làm sao mỗi lúc có thể ngăn cản hết thấy xe cộ, để dành ưu-tiên tuyệt-đối cho một cá-nhân, dù cá-nhân đó có là Norodom Sihanouk! Nhất là tại Nữu-ước đất-chật, nhà cao, xe đông, người nhiều v.v... dân-số hơn 9 triệu (nghĩa là gần gấp hai lần dân-số Cam-bốt...)

(Xem tiếp trang 69)

Một cái nhìn đông-phương về VẤN ĐỀ TÍNH DỤC

VI.— HÔN NHÂN VỚI TU-SỸ ẤN - GIÁO VÀ PHẬT-GIÁO

Điều-kiện giải thoát chung : diệt dục

Tuyệt-đối-thề trong Ky-tô-giáo là Ba Ngôi bù trừ lẫn cho nhau. Vì thế, có thể nói rằng Ngài có "phái-tính" nơi mình, hay nói cho đúng hơn, có **siêu-phái-tính**, phái tính theo ý nghĩa chúng ta đã trình bày ở chương IV. (BK. số 318 ngày 1-4-70). Do đó, lý tưởng sống đạo của Ky-tô-hữu là sống tình yêu, hay sống tính dục ở một mức độ cao siêu và thiêng liêng hết sức. Do đó, đời sống tính dục cũng thuộc phạm vi tu-đức, và nó đòi hỏi khổ hạnh để người ta vượt mình và thiêng-liêng-hóa tính dục nơi mình. Cho nên, kẻ muốn leo đỉnh thánh thiện không thể sống hôn nhân theo đường lối thông thường được nữa. Nhất khi kẻ ấy là tu-sỹ, kẻ không những phải sống tinh thần thoát tục, mà còn phải sống nếp sống thoát tục, nếp sống nó được đánh dấu bằng ba điều đoan ước : thanh bần, khiết tịnh và tùng phục. Và lại từ muôn xưa, tu sỹ Công-giáo đã sống thành cộng-đoàn, thế mà gia-đình lại là trở ngại lớn cho việc sống cộng đoàn ấy, cũng như việc bỏ quyền tư-hữu sẽ khiến cho tương lai và tự do của gia đình bị đe dọa.

Còn đối với các tôn giáo xuất phát từ

Ấn-độ, thì ngay từ nền tảng hữu-thề-học, phái tính thường khi đã bị phủ nhận rồi, nên việc lập gia đình chẳng những không thích hợp với nếp sống tu hành, mà còn có thể phản lại lý tưởng của Đạo nữa.

Phải, lý tưởng của Đạo là trở nên một với Tuyệt-đối-thề, và Tuyệt-đối ấy không phân biệt nơi mình một cách sâu xa, nghĩa là thành những chủ-vị như trong Ky-tô-giáo.

Chẳng những Tuyệt-đối không phân biệt nơi mình, mà ngay đến vũ trụ và con người cũng chỉ khác biệt phần nào với Tuyệt-đối mà thôi, nếu không nói đồng nhất hoàn toàn với Ngài, như Sankara-phái chủ trương.

Cố nhiên sau này, ảnh hưởng Tantra đã «người-hóa» Tuyệt-đối-thề cũng như thần thánh. Quỷ thần đều được ghép đôi, và Tuyệt đối cũng ghép đôi với Sakti. Sakti tuy là Thần-mẫu, nhưng rút cuộc cũng chỉ là Pháp-năng, là Ý-thức của Tuyệt-đối về mình, nên không đối-diện với Tuyệt-đối như một «vị», một cái «mình khác» với hết ý nghĩa của nó.

Vả lại, con người của Ấn-độ là một con người không thể xác. Thề xác của

họ gồm thể xác tinh vi (suksma) và thể xác thô-cục (sthula). Thể xác thô cục là mình, chân tay và các cơ-quan. Thể xác tinh vi là sự sống, trí năng (manas) cùng với mười giác-năng. Thể xác tinh vi là sự sống, trí năng (manas) cùng với mười giác-năng. Thể xác tinh vi này cũng làm bằng vật chất như thể xác thô cục. Theo Upanisad, vật chất trong nền tảng của nó là Thủy, Hỏa và Thổ. Vật chất ấy cũng giống như sữa. Khi khuấy sữa, cái gì là nhẹ, tức bơ sẽ nổi lên, còn cái gì nặng thì lắng xuống. Thủy, Hỏa và Thổ cũng giống như thế. Chúng gồm hai phần: phần tinh-vi nhẹ nhàng làm nên thể xác tinh-vi, và phần thô-tục thì hợp thành cơ-thể.

Thể-xác tinh vi là thể xác luân hồi. Nó di chuyển từ xác thô này sang xác thô khác tựa hồ như thay áo. Khi nghiệp (karma) đã tan hết, thể xác tinh vi cũng tan biến theo, và hồn lập tức được giải thoát.

Chỉ có thể-xác mới có phái-tính. Còn hồn thì vô-phái-tính. Và như vậy, sống tính - dục không phải là lý tưởng cuối cùng của con người, huống nữa đây là tính-dục ở chỗ "thô" của nó, nghĩa là ở giao-hợp giữa hai thể-xác thô.

Tuyệt đối là vô-biệt, và linh hồn, dù đồng nhất hoàn toàn hay không hoàn toàn với Tuyệt-đối, tự nó cũng là vô-biệt nốt. Nhưng thử hỏi, với người còn sống trong vòng nhị-nguyên, nghĩa là chưa đạt giải thoát, thì sự kết hôn có ngăn trở họ trên con đường tìm giải thoát thực hay không? Hơn thế, trong giai đoạn tiến tới, nó có thể giúp ích gì cho việc tìm Nhất-thể hay không?

Vấn-đề căn bản phải cứu xét là Dục, kâma. Hóa công đã tác tạo nên vũ trụ bằng sức nóng hình-lý tapas cũng như

bằng sức nóng tâm-lý kâma, và con người nếu có bị ràng buộc với vũ-trụ bằng «nghiệp», thì đó cũng là do Kâma, ít là ở một phương diện. Cho nên, muốn diệt-tạo để giải phóng cho mình, thì không thể nào không diệt dục được.

Chính vì của cải và khoái lạc kéo ghì ta xuống và hướng ta về phía ngoài, do đó sinh vương vấn, nên tu nhân mới dứt bỏ của cải và tiện nghi để sống khổ hạnh, Thế mà nhục dục lại là thứ khoái lạc hấp dẫn mạnh nhất, nên thử hỏi giữa khoái lạc ấy, tu nhân có thể duy trì tinh thần siêu thoát và sự nhẹ nhàng, thanh thản của tâm hồn hay không? Trong lý thuyết thì chuyện đó có thể, nhưng trong thực tế thì hầu như không thể. Khoái lạc càng hấp dẫn thì tinh thần thoát tục càng phải lớn hơn, để dù giữa khoái lạc, người ta vẫn không quyến luyến khoái lạc. Nhưng hỏi ai là người đã đạt tới mức thoát tục ấy để làm như lá sen, nước qua mà không hề thấm nước?

oOo

Ấu-giáo nguyên thủy vốn khinh rẻ thể xác và dương trần, do đó con đường giải thoát của họ bao gồm khổ hạnh như một điều-kiện khẩn thiết. Nhưng sau này, một khuynh hướng có từ lâu đột nhiên sống mạnh hẳn lên và ảnh hưởng vào nhiều giáo phái, biến đổi hẳn vũ trụ quan và nhân sinh quan của họ. Khuynh hướng này có tên là Tantra. Tantra đề cao sự sống và thể trần như là bộ mặt hiển lên của Sakti, của Phép thần thông và Ý thức mà Siêu việt có về chính mình. Con đường giải thoát, con đường đưa tới hợp nhất với Sakti, và nơi Sakti hợp nhất với Tuyệt-đối, con đường ấy không đòi hỏi chống lại bản năng và lạc thú nữa, nhưng chỉ thăng-hoa (sublimier) bản-năng và

lạc thứ ấy thôi. Vấn đề là biến đổi chính con người của giác năng thành con người thần thánh.

Vả lại, Tantra vốn coi lớn và nhỏ, cao và thấp đều tương tại vào nhau và đồng nhất với nhau, nên tác động trên thể xác mình đồng thời cũng là tác động trên vũ trụ và thế giới thiêng liêng. Do đó, giao hợp với một người khác phải là thực hiện nơi mình sự hiệp nhất giữa Tuyệt-đối và Sakti của Ngài và nhờ đó có thể được giải thoát (1).

Dù sao chăng nữa trong Tantra, những khuynh hướng chủ trương con đường giao-hợp bao giờ cũng rất hiếm. Vả lại, dù trong giao-hợp, người ta cũng đòi hỏi gặt gao tinh thần siêu thoát và an thái trong chính khoái lạc, cái tinh thần siêu thoát nó tuyệt đối khần thiết trong bất cứ con đường giải thoát nào của Ấn độ (2).

Tuy đề cao yếu-tố âm nhu và tích dục, cũng như không từ bỏ lạc thú, Tantra vẫn nhìn nhận hai nếp sống — và chỉ có hai thôi — cùng cao quý như nhau: nếp sống gia-đình và nếp sống tu hành. Cố nhiên giữa một bầu không khí mà khoái lạc không mấy bị hạn chế như thế, đời sống tu-hành hẳn là không thể thịnh đạt và giữ cho tinh tuyền được. Đẳng khác, phong hóa sẽ suy đồi đi và tôn giáo bị đe dọa biến thể.

Ấn-độ-giáo : truyền thống tu-hành và khổ-hạnh

Trong Ấn-giáo, giữa những người đi tu hoặc sống giữa đời, bao giờ cũng có kẻ đoan-ước sống khổ hạnh do tinh thần tôn giáo thúc đẩy. Nhưng chính chữ Tu đối với người Ấn đã có nghĩa là khổ-hạnh và thoát-tục rồi, nên tu-nhân được gọi là samnyâsin, kẻ từ bỏ đời, hay sramana, kẻ sống khổ hạnh.

Khổ-hạnh gọi là Tapas. Tapas cũng có nghĩa là sức nóng nữa. Hồi đầu, khi Hóa-công nhập định và nóng lên trong mình (tapo'tapyata), thì năng lượng từ trong Ngài đã thoát tung ra và vũ trụ được cấu thành. Vậy tapas là sức nóng làm nên do nhập định, và do sự nhập định ấy, người ta đạt được phép thần-thông. Quả thực hồi đầu, phép nhập định Yoga và sự khổ hạnh cần thiết kèm theo đã được dùng để luyện pháp. Sau này, khi Yoga và khổ-hạnh được dùng vào việc giải thoát rồi, người ta vẫn tin rằng chúng tiềm tàng những sức mạnh huyền bí, mặc dầu người tu sỹ không được vướng vấp với những phép mình có do tu luyện, kẻ do đó mất tinh thần thoát tục và phong thể giải thoát được. Ngày nay tapas đã trở thành tất cả những kỷ-luật trong nhập-định như điều hòa hơi thở và các khổ-chế khác. Cách khổ-chế có rất nhiều và thường giàu tính cách thụ-động, khác với của Tây phương vốn hướng về chủ-động, và do đó, bạo động. Có người nguyện suốt đời ngậm miệng không nói, có người lại ở lý trên cây lâu năm, và có kẻ chỉ đứng một chân trong mấy tháng liền. Còn trai-tịnh, thì đó là điều thông thường ở bên Ấn. Cuốn Baudhâyana-dharma-sâstra nói tới một nếp sống rừng, quần áo làm bằng vỏ cây, đầu cắt trọc, mang gậy, vò nước và bát khát-sỹ, lại chỉ ăn rau cỏ, phải kỵ sát sinh, phải thành-tín và trọng của người, phải quảng-tâm và khiết tịnh. Cuốn Luật Manu (thế kỷ -6) dặn phải càng ngày càng tăng mức khổ-chế để cho cái khung bằng thịt và xương

(1) Ảnh hưởng do lối nhìn của Tantra và Sakti-phái, nên Râmakrishna đã thờ vợ mình như Thần-mẫu, và Mira Bai coi chồng mình như Đức Chúa vậy.

(2) Sakti-phái rất giống với Tantra cũng đòi hỏi chủ trương con đường giao-hợp, và cũng đòi hỏi tinh thần siêu-thoát như thế.

này tàn lụi, khô héo dần đi (1), lại phải sán vào gần lửa và đội nắng trong mùa hè, phải mặc quần áo ẩm ướt trong mùa đông, phải ngủ trên đất và sống dưới gốc cây, v.v. Cuốn Brihad-âranjaka-upanisad (thế-kỷ -8) khuyên tu-sỹ phải khổ-chế, trai tịnh, bỏ nhà ra đi, lang thang (pravrajyâ) không nhà cửa, không muốn có con, từ bỏ của cải và ăn mày (IV.4.22)

Cách phát biểu rõ rệt nhất của "từ bỏ đời" và "khổ hạnh" là ăn mày. Cho nên tu-sỹ cũng còn gọi là khất-sỹ (bhiksu, bhikkhu) nữa. Còn giới dâm, thì đó là kết luận hết sức tự nhiên của một cuộc đời "từ bỏ đời" như thế rồi, nên kinh-diễn chỉ nhắc đến sơ sài thôi.

Ngày nay, người Ấn vẫn kính trọng rất mực những nhà tu-hành Và hiền-thánh (sâdhu) với họ đồng nghĩ với từ bỏ đời và khổ hạnh. Cũng do đó mà khiết-tịnh (brahmacarya) được đề cao, và các tu-nhân trung-thành với nếp sống độc-thân, trừ ra trong Siva-phái có một số ít người không chịu giới dâm nữa.

Phật-giáo : tăng-đoàn với giải-thoát và độc-thân

Nếu Ấn-giáo gần như coi rần giải-thoát chỉ là của kẻ "từ bỏ đời" (samnyâsin), thì Phật-giáo, tuy không nói ra, nhưng cũng dành riêng Niết-bàn cho những ai nương tựa vào Tam-bảo, tức Phật, Pháp và cả Tăng nữa, nói cách khác, cho kẻ đi tu. Còn tín hữu, vì không từ bỏ những thú vui lành mạnh và hành tác, nên không thể được giải thoát. Nhưng nếu sống đạo hạnh, ở kiếp sau họ có thể tái sinh trong một hoàn cảnh thuận-lợi hơn để trở nên tu-sỹ, nhờ đó đạt Niết-bàn.

Vả lại, đường lối, tinh thần cũng như nếp sống tu hành Phật-giáo cũng chính là của Ấn-giáo. Mà đường lối của Ấn-giáo thế nào, chúng ta đã biết rồi. Tuy Đức Phật chủ-trương một thứ khổ hạnh ôn-hòa thôi, nhưng về thanh bần, các nhà sư cũng sống đời khất-sỹ (tỳ-khuru, tức bhikshu hay bhikkhu). Riêng về khiết-tịnh, thì nó được nhấn mạnh hơn, cũng như trong Jaina-giáo.

Đối với tu-nhân Jaina-giáo, thì phụ-nữ là nọc độc. Những phụ nữ ấy có muôn ngàn mảnh khoé để cám dỗ tu-nhân, để rồi sau khi "cá đã cắn câu", họ sẽ sai khiến tu-nhân như bầy trâu chó (Sautakritanga). Để bảo vệ khiết-tịnh, tập Uttarâdhyayana nêu ra mười quy-tắc : đừng ngủ ở chỗ có đàn bà lui tới, đừng trò chuyện với họ và ngồi bên họ, đừng nhìn họ, nghe họ, đừng tưởng nhớ đến những liên lạc thân mật xưa với phụ-nữ, đừng làm dáng trong cách phục-sức, và đừng ăn ngon, uống say bao giờ.

Phật-giáo cũng có những luật-lệ tương-tự. Một tỳ-khuru không được phép đi đường với phụ-nữ, dù đó là ni-cô. Nếu ngẫu-nhiên có gặp nhau, tu-nhân phải gắng bỏ xa người đàn bà, liệu sao để khỏi đi bên họ quá một đoạn đường từ làng này sang đến làng tiếp theo. Chẳng khác, cũng không được đi cùng thuyền với phụ-nữ, trừ ra khi đó là đò ngang.

Tuy rằng một trong bảy đồ đệ đầu tiên của Đức Phật là phụ-nữ, nhưng dường như sau này lắm phen Đức Phật hối-hận vì trót đã mở rộng cửa tăng-đoàn cho đàn bà gia-nhập (2). Sự quan

(1) Đây là cách tự sát thụ-động.

(2) Dù sao chăng nữa, đây là một cách trượng của Phật-giáo khi chấp nhận cho phụ nữ bước vào con đường giải thoát. Bên Ấn-độ xưa, phụ nữ thường bị coi như đồng hạng với giai cấp thứ tư, vì không có "khả năng" tôn giáo.

tâm đến khiết-tịnh đã khiến tu nhân sinh ghét phụ-nữ và coi biệt-phân phái-tính là một sa-đọa. Theo một huyền-thoại Phật-giáo thì thuở đầu tiên, trái đất đầy hoa màu và con người chưa có phái-tính, nên tất cả sống thanh thoi, sung sướng, và không hề có trộm cướp, dâm dật. Rồi sau đó, vì thèm mà ăn phải một thức ăn thối như phân, nên cơ-quan sinh-dục mới mọc ra, và người ta trở nên dâm dật, sinh biếng nhác, do đó mùa màng cũng kém sút đi và trộm cướp hoành hành. Sự sa-đọa luân-lý sẽ kéo hình-phạt từ trời xuống, và nếu đây là dâm dật, thì sức mạnh tiêu hủy loài người sẽ là lửa.

Sự đối xử với tăng ni vi phạm luật giới dâm cố nhiên là khắc nghiệt, như một vài câu chuyện trong Dhammapada chứng tỏ. Sở dĩ có như thế, là vì độc thân được coi như một trong những nền tảng cốt yếu của tu hành. Do đó, nam-khất-sỹ là người bỏ gia đình ra đi, còn phụ nữ thì phải dứt hết mọi ràng buộc gia-đình trước đã, rồi mới được nhận vào làm nữ-khất-sỹ (Therigâthâ).

Tại một vài nơi bên Á-châu, tỷ-khưu Phật-giáo đã công khai kết hôn từ lâu rồi. Hẳn đó không phải là do sự thăng thấn duyệt lại ý-nghĩa của tu hành và giá trị của độc thân, nhưng chỉ là một sa-đọa và lạm dụng lâu ngày đã trở thành thông-lệ và được hợp-thức-hóa. Giả như sau này tăng-lữ kết hôn trở thành một thực-tài bên Việt nam và ở các nơi khác, thì khi ấy hỏi còn gì để phân biệt tín đồ vớ ităng-ni nữa. Sự từ bỏ đời bằng khiết-tịnh đã không có, mà bằng thanh bần cũng không thể có nốt. Một người có gia-đình cần đến quyền sở-hữu và cần đến một số lượng của cải khá lớn để bảo đảm cho đời sống gia-đình và cho

giáo-dục con cái. Và lại, dù cho tu-nhân có muốn sống thanh bần đi chăng nữa, thì họ cũng không thể cấm vợ con có của, vì những người này không đi tu. Do đó, họ gián tiếp có của bằng gia-đình của họ.

Nếu nói rằng dù trong sạch hay thanh bần, đó chỉ là vấn đề của tinh-thần thối, thì một tín-đồ cũng có thể nói về mình như thế, và biết đâu họ còn có tinh thần thanh bần và trong sạch hơn cả người khoác cái danh hiệu tu-nhân nữa. Khi đó, tu-nhân sẽ căn-cứ vào đâu để phân biệt mình với tín đồ, để cố bám khur khur lấy mảnh áo riêng và cái danh hiệu đã trở nên rỗng mắt rồi? Nếu Đạo đã hoàn toàn « tại tâm », thì cần gì phải phân biệt tu và không tu nữa.

Chẳng những hôn nhân không thích hợp với nếp sống khổ-hạnh, đặc điểm của nhà tu (1), nó còn ngăn trở cả việc sống cộng-đoàn (sangha). Cố nhiên từ lâu nay và trong nhiều nước, các vị tăng-lữ đã sống hầu như ngoài tăng-đoàn, độc lập trong những ngôi chùa nhiều ít đã trở thành của riêng họ. Nhưng trong trường-hợp ấy, nhà sư không còn là vị tu-hành chính cống nữa, họ đã trở nên một thầy cúng, một « cha sở » của bên Công-giáo vậy. Và khi ấy, chỉ có những người từ bỏ đời thực, như mấy vị sống trên các đỉnh núi, mới đúng là tiếp-tục truyền thống tu-hành mà thôi.

Riêng bên Nhật-bồn, tu-sỹ chính cống chỉ còn trong phái « Thiên-tông » (Zen). Còn những phái Shin, Iodo và các tân-phái khác thì độc-thân không phải là điều bó buộc nữa. Tăng-lữ trong các phái này, nếu đã kết hôn, thì gia-đình

(1) dù đó là khổ hạnh ở tâm-hồn hay thể xác.

không ở trong chùa, và con trưởng đương nhiên có quyền kế nghiệp cha trong chức vị nhà sư, hay nói cho đúng hơn, chức vị của «cha sở».

oOo

Sống độc thân trong những nước mà văn minh vật-chất đã thống-trị (cổ nhiên, kể cả nước chúng ta ngày mai) quả là một điều khó khăn. Nhất là như bên Tây phương khi người dân đã mất dần ý-thức tôn-giáo, không còn năng lui tới đền chùa và quý-trọng kẻ xuất-gia nữa, thì hỏi đâu là những bù đắp cho phần lớn tu-nhân, những người mà tâm-hồn chưa hoàn toàn thoát-tục?

Thế mà những người thành-thực từ bỏ đời⁽¹⁾ lại rất mực khẩn thiết cho thời-đại duy vật này, đề chứng tỏ trước mặt hoàn cầu rằng còn có một thế-giới khác với thế-giới của giác-quan và đáng sống hơn thế-giới của giác quan gấp bội.

Đĩ nhiên ngày nay, khi con mắt thế-trần đã mờ đi về phía siêu-nhiên, thì cần có những tín-đồ trung-kiên sống giữa đời, sống y như đời nhưng với một tinh thần khác đời, khả dĩ mới thức tỉnh nổi những kẻ sống chung quanh họ. Nhưng hỏi đâu là chỗ cho những tín-đồ ấy nương tựa vào để giữ vững mục sống đạo-hạnh? đâu là những đỉnh sáng cho những tín đồ ấy hướng về như lý tưởng để sống và kim-chỉ-nam để hành động? đâu là những chốn thanh vắng đầy không-khí thiêng-liêng để họ tới dưỡng-thần trong những lúc tâm hồn mệt mỏi? Phải, những tín-đồ gương mẫu sẽ cần đến những bậc thầy gương mẫu trên đường thoát tục, và do đó những tu-viện gương mẫu để làm nơi nương tựa cho họ. Và chỉ những tu-nhân và tíc-đồ khả kính như thế mới duy trì nổi tinh thần tôn-giáo cho xã-hội, chống lại những làn sóng duy-vật đương

trần tới như vũ bão đề súc-vật-hóa chúng ta và cuốn phăng đi những gì còn lại là «thần» và «người» trong cái thế-giới này.

oOo

Giữa bầu không-khí duy-vật ấy, tính-dục cũng được coi như một bản năng thuần hạ-đẳng và một nhu cầu không thể cưỡng lại được. Những hạn-chế do luân-lý và nhân-phẩm con người đòi hỏi đều bị vứt bỏ, và «con heo» kia đã xông chuồng, đổ tràn ra thành một «vỡ bờ tình dục» (sexue explos'ion). Chưa nói đến luân lý và nhân phẩm, ngay đến trật tự xã hội, và do đó hạnh phúc và an vui của mỗi người, mỗi gia đình, cũng không thể được bảo-đảm một khi con thú kia vùng dậy và mọi kỷ-cương bị phá tung như thế. Con người càng sống tinh thần thì càng cần đến tự do để phát triển, nhưng thực ra chỉ tinh thần mới có tự do, và có thể sống tự do mà không bị súc-vật-hóa. Thế mà tinh thần thì sống tự mình, chứ không do bản-năng đưa đẩy đâu. Cho nên bao lâu còn yếu đuối trước bản năng, nghĩa là chưa lớn lên ở tinh-thần, thì người ta còn cần đến kỷ-luật để làm chủ bản năng, và nhờ đó để tinh-thần-hóa mình.

Cổ nhiên trong giáo-dục, một phương pháp đầy cởi mở và mềm dẻo, biết đếm xia đến bản-năng, sẽ rất cần thiết để tránh dồn ép và để con người nơi ta khỏi bị bóp méo đi, không thể phát triển theo đúng hướng của nó. Do đó, cần học biết những sức lực tiềm kín trong mình, và vấn đề là hướng dẫn chúng hơn là vớt lối đi của chúng. Trong các sức

(1) Có thể vừa từ bỏ đời, vừa dẫn thân vào đời để hóa đời.

lực thâm kín và căn-bản hơn cả có tính dục, và như đã nói đến ở những chương trước, cái năng-lực ấy vừa thuộc về con người vừa vượt xa con người, vừa ở thề-xác lại vừa vượt trên thề-xác nữa. Nên chúng ta có thể mở lối cho nó tác động và phát-triển hoặc về phía Trời cao để làm nên những hiện-nhân cao-quý, hoặc về phía Địa-ngục để làm nên những con quỷ dâm-ô.

Hoành-sơn HOÀNG-SỸ-QUÝ

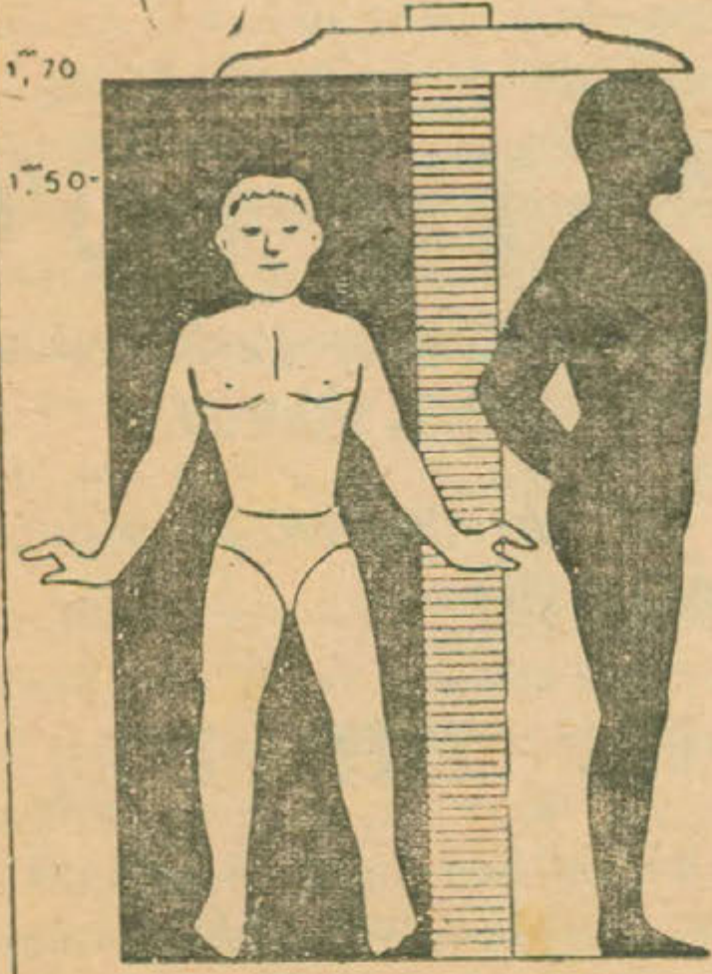
PHIÊN ÂM ĐÚNG

(Những chữ chưa phiên-âm đúng trong bài)

upanisad śāstra
 Therīgāthā Śiva
 Bhad-āraṇyaka^o
 bhikṣu saṃnyāsin
 Mīrā Bāi saṅgha
 Rāmakṛṣṇa sūkṣma
 Śakti Sūtrakṛtaṅga
 Śaṅkara sthūla

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỔ
 C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- YẾU PHỔI .
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 KN 78 MBYT/QCPD



Nhức đầu

· Nháng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/GCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ' LỰ'C

Số 92 Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỜ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP,

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰ'C

Vấn-đề muôn thuở của nhân-loại

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

Nói đến hạn chế sinh sản tại miền Nam Việt-Nam, đối với người Tây phương lúc này, thật là một chuyện lạ lùng. Bản giết nhau chết đến thế mà cũng vẫn lo đẻ nhiều nữa sao?

Nhưng những người vừa được hưởng «món kiễm ước» như chúng ta thì mới có thể hiểu rõ tại sao lại cần phải hạn chế sinh sản.

Một người biết lo xa

Việc hạn chế sinh đẻ không phải bây giờ mới có. Từ thời Thượng-cổ người ta đã nghĩ đến và thực hiện bằng cách như làm trụ thai, vắt trẻ sơ sinh xuống vực thẳm hay bỏ trong các hang động v.v..! Sở dĩ phải làm như thế là vì số thực phẩm không cung ứng đủ cho số miệng ăn và nạn nhân mãn, nếu không có cách giải quyết, sẽ là mối đe dọa thường xuyên đối với nhân loại.

Đầu thế kỷ thứ XVIII, một kinh-tế-gia người Anh tên là Thomas Malthus đã viết một quyển sách dày cả gần ngàn trang đề chính thức giải quyết vấn đề này. Tác phẩm «Luận về nguyên tắc dân số» (Essay on the Principle of Population) xuất hiện lần đầu năm 1798 đã gây nhiều sôi nổi trong dư luận quần chúng lúc ấy.

Ông mở đầu tác phẩm với hai nhận định căn bản: «Thứ nhất, thực phẩm cần thiết cho sự sống của con người. Thứ hai, tình dục là điều cần thiết và mãi mãi sẽ không thay đổi.»

Trước đó ông William Godwin, cũng là người Anh, cho rằng qua thời gian, tình dục sẽ bị huỷ diệt và trái đất thì lúc nào cũng thừa thãi thực phẩm. Đây là một lời tiên tri hoàn toàn có tính cách không tưởng. Những năm tháng trôi qua đã cho ta thấy sức sinh sản của con người nhanh hơn là sức sản xuất thực phẩm. Malthus bảo rằng trong khi dân số tăng theo cấp số nhân (1,2,4,8,16 v.v..) thì thực phẩm lại tăng theo cấp số cộng (1,2,3,4,5 v.v...). Trong vòng hai mươi lăm năm dân số sẽ tăng gấp đôi và khoảng năm mươi năm dân số sẽ tăng gấp bốn trong khi đó thực phẩm không chắc đã tăng được như thế.

Trước tình trạng khó khăn nan giải, Malthus kết luận nếu muốn được hưởng hạnh phúc chỉ còn cách là không nên lãnh những trách nhiệm gia đình nếu tự xét không có đủ khả năng và tốt hơn nên sống độc thân. Luật pháp cũng nên giới hạn giới nghèo đói cho ra đời những đứa con mà họ không nuôi dưỡng nổi. Ông lại còn

khuyên đường lối độc nhất để thoát tình trạng đen tối này là nên lập gia đình muộn và tiết dục.

Nhưng tri hành bất nhất

Giải pháp của Malthus hợp lý lắm nhưng thực hiện thì thực là khó. Có lẽ ai cũng thấy được sự quan trọng của cuộc sống tình-dục trong đời người. Thứ bản-năng bẩm sinh ấy Thượng-đế đã đặt vào tác phẩm của Ngài từ buổi đầu và đồng đều cho mọi cá nhân. Nếu những người giàu có trời được thỏa mãn dục tính còn người nghèo phải hạn chế thì quả là một sự bất công. Làm ái-tình đâu phải là độc quyền của giai cấp no cơm ấm cật.

Xét cho kỹ, chúng ta càng lấy làm buồn về đấng Tạo-hóa. Ngài cho con người một bản năng tình dục mãnh liệt và vô hạn lại không nghĩ đến chuyện cung cấp thực phẩm cho đầy đủ. Trong khi đó thú vật giao-hợp có mùa lại sẵn một kho thực phẩm vô tận và cỏ cây thì cũng chỉ đậu trái đơm bông có kỳ, có hạn.

Ông William Cobbett đã mỉa mai Malthus, kể lại câu chuyện rằng ông cho một gia đình nông dân biết có người đang muốn nghị-viện ra đạo luật cấm giới nghèo lập gia đình sớm và đẻ con nhiều thì họ bảo :

— “Đồ ngu !” vợ anh nông dân nói vậy, còn anh chồng thì cười, nghĩ rằng đó là chuyện đùa.

Thật tội cho Malthus. Quả thực ông là một người thấy xa nhưng thực tế lại oái oăm. Chính Malthus là một mục-sư mà cũng không thể tiết dục được và mãi năm 38 tuổi còn phải lấy vợ. Chuyện này đã làm cho đám người đương thời mặt sát ông thậm tệ. Nhắc

lại điều đó, không phải là mỉa mai ông nhưng để thấy rằng giải quyết nạn nhân mãn bằng cách tiết-dục là một điều khó.

Từ phương pháp Ogino-Knaus ..

Dù sao cũng phải công nhận là Malthus đã chính thức đặt ra một vấn đề hữu ích và tối quan trọng. Chính nhờ ông báo động mà ngày nay người ta đang lo gia tăng thực phẩm bằng cách áp dụng những phương pháp hữu hiệu hơn như khẩn hoang, phát triển chăn nuôi, dẫn thủy nhập điền, chế rong biển thành thức ăn v.v...

Ngày nay nạn thiếu thực phẩm đối với các nước Tây-phương không đến nỗi bị đe dọa trầm trọng nhưng ở Đông-phương, hàng trăm triệu người vẫn còn thiếu ăn, đói kém, bệnh tật, đau ốm. Bao lâu mà hai phần ba nhân loại còn sống trong cảnh khốn khó thì vấn đề giải quyết vẫn còn phải đặt ra và câu giải đáp *bao giờ* mới ổn thỏa thì chưa thể nói trước được !

Kể từ giữa thế-kỷ thứ XIX đến nay việc thừa nhận những kỹ-thuật ngăn ngừa thụ thai đã trở thành phổ biến. Người ta gọi phong trào này là Tân chủ-nghĩa Malthus. Và không còn ai bảo chuyện đó là như nhớp, kỳ cục và phản tự nhiên nữa (trừ Giáo hội Công giáo).

Để hạn chế sinh đẻ, người ta đã áp dụng nhiều phương pháp cổ điển như “giao hợp nửa vờ”, “dùng tia nước để rửa sạch tinh trùng”, “đo nhiệt độ”, “túi cao su”, “nắp cao su hay kim khí che cổ tử cung”, “hóa chất khử trùng” (kem, phen chua, muối và nước chanh, thuốc viên sỏi bột) v.v... Nhưng phương-pháp Ogino-Knaus (kiêng giao-hợp vào những ngày trứng rụng, tính theo chu-kỳ kinh-nguyệt từng người) là được áp dụng

hiệu nhất vì tiện lợi và không tốn kém. Phương pháp này đã phổ biến mạnh ở các nước vùng Đông-Nam-Á. Nhưng kết quả không được tốt đẹp cho lắm vì phương pháp Ogino Knaus chỉ hiệu nghiệm độ 73% lại thêm dân trí ở vùng này thấp kém nên việc áp dụng gặp nhiều khó khăn.

... đến viên thuốc ngừa thai và cái vòng xoắn

Tất cả những phương pháp ngừa thai trên đây, phương pháp nào cũng phiền toái và kém chắc chắn. Do đó người ta phải tìm kiếm một phương pháp làm sao vừa giản dị, vừa chắc chắn mà lại không làm giảm sút cảm giác. Ông Pincus, một bác sĩ người Mỹ, đã tìm ra phương pháp đó. Trước kia, để ngừa thụ thai người ta tìm cách không cho tinh trùng gặp trứng. Nay bác sĩ Pincus áp dụng một phương pháp hoàn toàn mới mẻ: ngăn cản không cho trứng rụng. Mỗi tháng vào ngày thứ năm, sau hôm mới có kinh, bắt đầu uống một viên thuốc đã chế sẵn và cứ tiếp tục uống như thế trong vòng 21 ngày. Tối nào quên uống thì sáng hôm sau có thể uống bù vào. Nhưng nếu quên luôn hai ngày thì ngày thứ ba dù có uống nhiều cũng không còn hiệu nghiệm.

Viên thuốc ngừa thai hiện nay đã có nhiều trên thị-trường và mang những nhãn hiệu khác nhau như Conovid, Volidan, Ovulen (chế ở Anh) Enovid (ở Mỹ) Lyndiol (ở Hòa Lan) và Menol (ở Pháp). Tại Việt-Nam ở các hiệu thuốc tây có bán loại thuốc Lyndiol và Menol.

Phương-pháp này kể ra vừa chắc chắn lại vừa rẻ (khoảng 300đ mỗi tháng). Còn có nguy hiểm hay không thì cho đến nay chưa thấy triệu chứng

gì. Thuốc không hại đến sức khoẻ, không gây ra ung thư và sau khi thôi dùng, người đàn bà có thể thụ thai như thường chỉ trừ có những người mắc bệnh trương và tắc tĩnh-mạch (phlébites) là không dùng được.

Tuy nhiên đối với đám dân nghèo ở vùng Đông-Nam-Á như Ấn-Độ, Hồi, Triều-Tiên, Đài-Loan, Tân-Gia-Ba, Việt-Nam... những viên thuốc ngừa thai xem ra vẫn còn đắt. Nhất là đôi khi phải mua giá chợ đen hoặc phải có toa bác-sĩ thì thật là phiền. Bởi vậy một phương pháp khác lại được tìm ra gọi là phương pháp vòng xoắn IUD (intra-uterine device). Người ta đặt một sợi plastic dài độ 3 phân, hình ruột gà, luồn vào trong tử-cung của người đàn bà. Các nhà chuyên môn đoán rằng sự hiện diện của vật lạ trong tử-cung đã gây ra sức đề-kháng của cơ thể bằng cách tiết ra độc-tố làm hồng trứng và tinh-trùng lên không thể thụ thai được.

Ở Việt-Nam từ năm 1963, Bộ Y-tế đã đề ý đến phương pháp này và đề ra «kế-hoạch gia-đình». Nghe kêu thật nhưng thực chất chả có gì khác hơn là «chiến dịch cai đẻ». Có điều vì lúc ấy đang gặp cơn khủng hoảng chính-trị nên chả ai buồn đề ý đến. Thời gian gần đây «chuyện cũ» hình như lại được lưu ý đặc biệt. Nghe nói nước bạn Hoa-kỳ đã viện trợ cho Bộ Y-tế mấy chục ngàn chiếc vòng xoắn và rất nhiều thuốc ngừa thai. Chính phủ lại cử cả những phái đoàn đi quan sát các trung-tâm ngừa thai miễn phí ở Thái Lan, Ấn Độ, Hương Cảng, Đài Loan, Nhật Bản. Về nước các ngài đã hăng hái phổ biến trên báo chí, trong các cuộc hội thảo và cả trên đài phát thanh và truyền hình. Còn các

Ty Y-ế khắp nơi thì tập nập cho các cô đỡ về thủ-đô học cách đặt vòng xoắn. Gặp lúc mắc " nạn kiếm ước ", phổ biến sâu rộng cách cai đẻ cho dân nghèo, âu cũng là điều hay vậy.

Các nhà đạo-đức lên tiếng

Nhiều người quan niệm rằng tạo hóa đã sinh ra mọi vật làm sao thì phải để nguyên như vậy. Không nên làm điều gì trái tự nhiên. Bởi vậy họ đã chống việc hạn chế sinh đẻ nhưng lại với những lý do khác nhau.

Thời của Malthus, chưa có những cách ngừa thai tốt đẹp, ông phải nghĩ đến phương pháp hạn chế đời sống tình dục, đặc biệt là đối với giới bần cùng trong xã-hội (vừa đông lại vừa nghèo). Dĩ nhiên là không ai chịu nhịn những món ăn thích thú mà mình có thể hưởng được dễ dàng. Họ nguyên rủa Malthus thậm tệ. Còn ông William Thompson, một lãnh tụ của phái xã hội thời đó thì đã kích mạnh mẽ: "Không nên tàn nhẫn với những người khổ khổ, tức đại đa số nhân loại, bằng cách nguy hiểm rằng: Hạn chế dân số, hạn chế ăn uống có thể nắm vững được hạnh phúc, trong khi chẳng đề cập gì tới những lý do sinh lý và tâm lý..." Thì ra ước mơ lý tưởng của nhân loại-vẫn là làm sao vừa được ăn no, lại vừa được hưởng nhục lạc đầy đủ.

Điều mơ ước kia nay đã gần thành sự thật. Cặp trai gái có thể tự do gặp gỡ mà không ngại phải nuôi thêm miệng ăn.

Tuy nhiên cái vòng luân quần thật là kỳ cục. Nếu tự do luyện ái không gây ra khủng hoảng về vật chất thì trái lại có nhiều nguy hại cho đời sống tinh thần. An tâm với viên thuốc ngừa thai hay chiếc vòng xoắn, trai gái dễ sa vào

tội lỗi. Họ sẽ lẫn việc làm tình với tình yêu và coi đó như một cách giải trí đầy kích thích. Chẳng còn gì là cao quý và thiêng liêng nữa. Nhiều nhà đạo đức đã cất tiếng kết án sự phát minh ra những phương pháp ngừa thai là làm hư hỏng trai gái và khuyến khích họ coi thường ái tình chân chính. Yêu nhau không phải chỉ là làm ái tình mà là tìm ở nhau sự bổ khuyết cho cuộc đời mình, cùng kết hợp trong một tương-giao thâm thiết và cùng sống trong một cộng đồng nhân vị. Do đó người mình yêu không thể là một món đồ chơi hay một phương tiện giải trí. Gia đình là nơi giúp hai người sống trong yêu thương, chỉ có một chồng một vợ, không được ly dị một cách bừa bãi và phải sinh con đẻ cái. Con cái là kết quả tất nhiên của tình yêu vợ chồng, không thể viện lý do gì để từ chối cả.

Đối với Giáo-hội Công-giáo thì việc ngừa thai thật là một vấn đề nhức óc. Từ 1930, trong sắc lệnh Connubii, Đức Giáo-hoàng Pie XI đã tuyên bố dứt khoát rằng: "Kẻ nào dùng những phương pháp ngừa thai là phạm trọng tội". Gần đây, Đức Giáo-hoàng Paul VI lại quyết định "cấm mọi hành động trái với thiên nhiên để ngừa thụ thai". Sự cấm cản đó đã gây phản ứng sôi nổi trên khắp thế giới. Số người bảo thủ thì hân hoan ca ngợi "sự sáng suốt của Đức Thánh Cha". Số khác thì tuân hành một cách miễn cưỡng. Còn rất nhiều người thì la ó, xuống đường biểu tình xâm chiếm nơi thờ phụng, chỉ trích "chủ trương thiên cận, lỗi thời" và đã kích sự xa rời của Giáo-hội đối với đời sống thực tế ở bên ngoài v.v...

Thực ra chúng ta những nhà đạo đức lẫn Giáo-hội Công-giáo đều quá nghiêm khắc với việc hạn chế sinh đẻ. Nói rằng dùng thuốc viên hay chiếc vòng

xoắn là trái tự nhiên thì áp dụng phương pháp Ogino-Knaus cũng vậy. Một đấng tránh giao-hợp vào những ngày trứng rụng để tinh trùng không gặp được trứng. Một đấng thì không cho trứng rụng để không gặp được tinh trùng. Như vậy phương pháp nào cũng đều làm hủy hoại những mầm sống (tinh trùng chết hoặc trứng bị hỏng). Cho phép dùng phương pháp Ogino mà lại cấm phương pháp dùng vòng xoắn, thuốc viên thì thật là vô lý. Cũng không thể bảo là vô luân - lý nếu phải hạn chế sinh sản trong trường hợp có nạn nhân mãn, thiếu thốn thực phẩm thật sự hay để bảo vệ sức khỏe cho người mẹ. Do đó thiên nghi chỉ khi nào người ta dùng những kỹ thuật ngừa thai một cách ích kỷ để thỏa mãn tính dục, giữ cho thân hình đẹp, ngại nuôi con, trốn tránh trách nhiệm mới đáng lên án...

Các nhà xã-hội-học băn khoăn

Trong tác phẩm Sexual Wilderness (Tinh dục thác loạn) ta thấy Vance Packard có nhắc đến ý kiến của bác sĩ Alan F. Guttmacher ở Nữu Ước cho rằng kiểm soát sinh đẻ đã làm cho các cuộc giao-hoan giữa trai gái tăng lên kinh khủng.

Những năm 1966-67 một vấn đề tranh luận đã gây nhiều sôi nổi trong giới giáo sư ở các Đại-học Hoa-Kỳ là có nên phát thuốc ngừa thai cho sinh viên uống khi họ yêu cầu hay không? Một số cho rằng nếu chấp thuận thì chả khác nào Đại-học đã che chở và khích lệ cho sinh viên nam nữ tự do ăn nằm với nhau. Một số khác lại chủ trương rằng nên chấp thuận vì đó là một cách bảo vệ sức khỏe cho giới nữ sinh viên. Bởi vậy ở các trường Đại-học như Pembroke, New Hampshire, Chicago, các nữ sinh viên

xin bác sĩ cấp thuốc ngừa thai không mấy khó khăn. Còn ở Đại-học Havard thì cho phép cả một cơ-sở ở Floride khuyến khích sinh viên nên mua thật nhiều thuốc ngừa thai để dành mà dùng. Thực ra không mấy khi các cô mua thuốc nói là để ngừa thai mà thường tránh trớ rằng mua thuốc uống cho kinh-nguyệt được điều-hòa hoặc chữa các bệnh ngoài da. Nhiều cô, trong một cuộc điều tra kín, đã thú nhận rằng dùng thuốc ngừa thai vừa dễ dàng, vừa có hiệu quả mau chóng, chắc chắn khiến các cô thường có thái độ buông trôi, chẳng cần phải chống đỡ giữ gìn gì nữa. Họ cho rằng ngủ với ai và với bao nhiêu người thì cô gái vẫn vậy, có mất mát gì. Uống thuốc ngừa thai có lợi là nam nữ sinh viên sẽ yên lòng theo đuổi việc học, bao giờ ra trường hãy nghĩ đến chuyện đẻ con.

Thực ra sự việc không giản-dị như thế. Viên thuốc ngừa thai hiện nay đã làm cho các nhà xã-hội-học phải băn khoăn nhiều, ít ra trên hai vấn đề chính là hôn nhân và ly dị.

Thời gian trước đây, hai nhà xã-hội-học Ogburn và Nimkoff đã cùng với 18 chuyên viên làm một cuộc điều tra về sự thay đổi trong đời sống gia đình ở Mỹ. Kết quả, trong số 21 biến-cổ, ta thấy có 6 điểm đáng lưu ý sau đây :

1.— Hôn nhân mất ý nghĩa trọng hệ, được coi là một dịp chung đụng xác thịt và các cuộc gặp gỡ ngoại hôn gia tăng.

2.— Việc bảo vệ gia đình được ủy thác cho cảnh sát và các cơ quan an ninh xã hội.

3— Chuyển việc giáo dục ở gia đình sang học đường.

4.— Hướng đến các thú vui ngoài gia-

đình (đi xem phim ảnh, truyền hình, trình diễn thể thao, đua ô tô...)

5. Con cái hờ hững trong việc phụng dưỡng cha mẹ già vì những người này đã có các cơ quan dưỡng-lão xã-hội chăm sóc.

6.— Việc nội trợ càng ngày càng mất ý nghĩa vì sự lan tr. n của máy móc đủ loại.

Về vấn đề ly-dị thì Kinsey và các nhà tính-dục-học có nhận xét :

1. Những người đã có gia đình được giáo dục về tình dục khiến họ muốn thử sức quyến rũ của họ đối với những người khác phái.

2. Sự thịnh-hành của các loại thuốc ngừa thai bảo đảm an ninh cho các bà dễ chơi ngang mà không sợ hậu quả.

3. Các bà vợ có chồng thường vắng nhà, đâm ra cô đơn và thường trở thành lẳng lơ, dễ dãi với những người đàn ông qua đường.

4. Trong nếp sống hiện nay, vợ chồng phải hoạt động nhiều, quen biết nhiều, hẹn hò nhiều ở những nơi thật thích hợp nên dễ xảy ra những vụ ngoại tình.

5. Trong lúc xã-giao, các bà hay uống rượu bị kích thích cũng dễ ngoại tình.

Đứng trước tình trạng trên đây, các nhà xã-hội-học đều băn khoăn tự hỏi không biết rồi đây xã hội sẽ còn biến thái ra sao nữa. Từ việc sợ có ít thực phẩm trong lúc quá nhiều miệng ăn mà người ta phải nghĩ đến chuyện hạn chế sinh sản. Nay thì hậu quả của việc ngừa thụ thai đã có một ý nghĩa và một tác-dụng khác hơn là nỗi lo lắng về kinh-tế.

Có người cho là nhân loại đang bước

vào một cuộc cách mạng tính dục (Qua bao nhiêu thế-kỷ con người mới có dịp ý thức rõ ràng và trung thực về vấn đề tính dục). Một số lớn lại bảo rằng nhân loại đang xuống dốc và tự sát trong một cuộc thác loạn tính dục. Trước kia, mỗi gia đình có đến tám, chín đứa con trở lên. Bây giờ gia đình nào cũng đẻ con thật ít. Tương quan giữa tình dục và sinh đẻ lúc này thật trái ngược. Một giáo sư ở Đại-học Havard bảo rằng hiện chúng ta đang sống trong một thời đại chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại. Thời đại của kỹ thuật, khoa học và kinh tế với những sức mạnh làm thay đổi cả những tương giao nam nữ.

Hiện nay người ta chưa thể ước lượng được hậu quả của cặp vợ chồng dùng thuốc ngừa thai thường xuyên có làm thay đổi tâm tính hay không ? Nhưng có điều họ sẽ không còn lo lắng về chuyện sinh con đẻ cái nữa. Chúng ta thấy con số gia-đình càng ngày càng tăng trong khi quan niệm lành mạnh về gia-đình thì càng ngày càng suy sụp trầm trọng ! Không biết rồi cuộc sống gia-đình sẽ đi về đâu ?

Và chúng ta tự hỏi :
đâu là hạnh phúc ?

Mục đích chính đáng nhất của sự hạn chế sinh sản là để tránh nạn nhân mãn. Cha mẹ nào cũng muốn đẻ ít mà chăm sóc con cái được chu đáo còn hơn là đẻ nhiều mà không có thì giờ dạy dỗ, bỏ chúng bữa đói bữa no. Nhìn thấy con mình xanh xao gầy còm vì đói ăn còn đau xót gấp ngàn lần là phải hy sinh khi chúng còn là những mầm sống li ti.

Tuy nhiên hiện nay nhân loại lo hạn chế sinh đẻ, có phải vì thiếu thực phẩm

thật không? Hay đó chỉ là một vấn-đề giả tạo ?

Nhiều nhà kinh-tế-học cho rằng sở dĩ có nạn nhân-mãn là vì thức ăn chưa được tổ chức và phân phối một cách hợp lý. Trong tác phẩm *Géopolitique de la faim*, ông J. de Castro bảo rằng thực sự số thực phẩm trên mặt đất, nếu được sản xuất một cách hợp lý, đủ sức cung ứng cho nhân-loại mọi đời sống khá đầy đủ. Nhưng vì có nơi bỏ đất hoang mênh mông, có nơi lúa gạo, cà-phê sản xuất thừa và để giữ giá trên thị trường bọn con buôn đã đem đốt thành than hay đổ xuống biển. Như vậy thực phẩm, hoặc chưa được sản xuất đúng mức, hoặc bị sử dụng phí phạm nên mới gây ra nạn thiếu thốn.

Mặt khác chúng ta thấy kỹ-nghệ chiến tranh mỗi năm phung phí hằng bao tỉ đô-la. Số tiền ấy nếu đem sản xuất thực phẩm, có thể nuôi được nhiều triệu người nghèo đói suốt năm. Chúng ta cũng lấy làm lạ trong khi mặt đất chưa được khai thác hết thì các cường quốc lại tranh nhau lên chiếm đất nguyệt cầu. Họ đồ tiền đồ của đi lo «chuyện cung trăng» trong khi bao nhiêu triệu đồng loại của họ đang chết đói mà không được ngó ngang tới. Điển-hình nhất là vụ Biafra. Sau hơn hai năm chiến tranh, có 9 triệu dân thì nay đã chết mất trên hai triệu vì chiến tranh và bốn triệu thì đang sắp chết đói. Đáng rằng không bao giờ chúng ta chống lại lòng hiếu tri và cầu tiến của con người nhưng tất cả những khát vọng đó phải được thực hiện một cách hợp lý và nhân đạo.

Trở lại vấn đề hạn chế sinh sản đối với dân tộc chúng ta thì còn lâu mới

mới phải đặt ra nếu tình hình chính-trị được ổn định và tài nguyên trong nước được khai thác đúng mức. Chúng ta có một biển cá mênh mông từ Vịnh Bắc-Việt đến Vịnh Thái-Lan, một kho lâm sản vô tận và khu quặng mỏ khổng lồ từ Bắc Việt chạy dọc Trường Sơn. Chúng ta lại có một vựa lúa mênh mông ở miền Nam nữa.

Hiện nay sở dĩ nhiều gia đình phải lo hạn chế sinh sản là vì nghèo khổ quá, để con nuôi không nổi. Họ phải làm cái chuyện mà chính họ không muốn, cơ-thể không thấy thích hợp và lương tâm cũng không cảm thấy yên ổn. Người chết thì nhiều trong khi những người sống phải lo sinh sản bớt lại quả là chuyện mâu thuẫn. Thảm trạng ấy là do chính quyền đã bắt lực trong việc nâng cao đời sống của người dân và đã gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng thêm trầm trọng. Chứ thực ra người đàn bà nào cũng mong có một đời sống sinh-lý tự nhiên, vợ chồng có thể chung đụng bình thường và có đủ phương-tiện nuôi nấng và giáo dục tất cả con cái sinh ra. Không ai lại muốn tiết-dục hoặc dùng những phương pháp trái tự nhiên, rắc rối và gây ra nhiều khủng hoảng về tâm lý, đạo đức, tôn giáo và xã-hội.

Cho nên ước vọng của mọi người là làm sao vừa được no ấm, vừa được thỏa mãn đời sống tình dục một cách tự nhiên mà vẫn có đủ phương tiện để dưỡng dục con cái. *Vấn đề đơn giản chỉ có thể nhưng muôn thuở vẫn là một thách đố kiêu kỳ của tạo-hóa trước sức cố gắng không ngừng của con người.*

NGUYỄN THỊ NGỌC THẨM

Phanrang 05.02 70



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão Sài-gòn :

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Toán số với càn khôn

(Tiếp theo B. K. số 318)

Thuyết về trò được thua vạch ra một số luật chiến thuật để làm thế nào áp dụng những biến-đổi tốt nhất để đánh bại một đối-thủ trong khi đối-thủ này cũng thay đổi lẽ lối của mình, làm sao chuyển bại thành thắng hay để tránh cảnh nguy-hiểm vì hoàn-cảnh thuận lợi nhưng gặp phải một đối thủ thông minh và đầy đủ phương-tiện hơn, v.v... Áp dụng thuyết của Von Neumann, giới kinh-doanh sẽ tìm được những phương-lược để triệt - hạ một một xí-nhiệp cạnh tranh, hay tăng lợi-tức một cách lương-thiện, ví dụ như tính thời-gian nào một hãng làm đĩa hát phải chờ, sau khi phát hành một đĩa mới, để lại phát hành đĩa thứ hai. Những nhà chuyên-môn của những phe trong chiến-tranh lạnh cũng có thể dùng định-lý thiếu-đa (*minimax*, tiếng Pháp gọi là *maximin*) của Von Neumann để cầm cự hay để hoãn lại, được chừng nào tốt chừng ấy, chiến tranh nóng kế tiếp.

Thuyết về trò được thua phát xuất từ nhận xét rất thông-thường về tâm-lý và xã-hội. Năm 1908 nhà tâm-học Alfred Adler đã nhắc đến thái-độ tấn-công sẵn có của con người, cốt để bảo-vệ tánh-mạng mình. Đánh, vật, càn, và những cử-chỉ ác-hiểm khác là hình-thức đơn-

giản của bản-năng ấy. Adler viết (trong *The Practice and Theory of Individual Psychology*, 1929): «Dù một người muốn trở nên nghệ-sĩ bậc nhất trong nghề, hay trở nên một bậc chuyên-chế trong gia-đình, hay nói chuyện với Chúa, hay làm nhục những người khác; dù người nhìn sự đau khổ của mình như là điều quan-trọng kẻ khác phải để ý đến, dù người chạy theo những lý-tưởng không đạt được hay theo những thần-tượng xưa, vượt lên mọi biên-giới và khuôn khổ, bất luận giai-đoạn nào trong đời người cũng bị ý muốn hơn người, một tin-tưởng ma-thuật nơi quyền-lực mình hướng-dẫn và thúc đẩy...» Adler đã đưa ra ý ấy với mục-phiêu gián-tiếp là chỉ-trích quan-niệm *libido*, gì cũng do tính dục, của Freud. Dĩ-nhiên, Freud đã phản-đối. Nhưng 12 năm sau, Freud phải dùng một ý tương-tự trong thuyết bản-năng chết và phá-hoại (làm hai khuynh hướng chính bổ-túc lẫn nhau, *eros* và *thanatos*), tuy-nhiên, hoặc vì đố kỵ hoặc vì muốn đi sát sự thật, Adler lại từ bỏ ý trước-tiên của mình và cho thái-độ tấn-công là dấu hiệu thần-kinh. Một ví dụ Adler và Freud xung khắc nhau trong địa-hạt phân-tâm-học, cũng chứng-minh cho bản-năng tranh-đua, cho trò chơi được thua — lắm khi rất

tàn nhẫn — chi-phối hành-vi và ý-nghĩa của người đời.

Quyền lợi, tinh-thần cũng như vật-chất, vẫn là yếu-tố then chốt chi-phối tương quan giữa cá-nhân, đoàn thể hay xã-hội, và làm đề-tài cho nhiều môn học, kinh-tế, xã-hội, chính-trị v.v... Sở dĩ người thường gặp thất-bại trong khi nghĩ rằng mình sẽ thành-công, vì có thể nắm một số yếu-tố mà không chế-ngự được cả, vì không phân-tích hay nghĩ đến những yếu-tố của đối-phương (cùng những yếu-tố khách-quan khác. «Biết người, biết ta, trăm trận trăm thắng». Điều khó không phải là học thuộc lòng hay tụng-niệm câu ấy như một thần-chú. Điều khó, chính là biết mình và nhất là biết người. Sự phán-đoán chủ-quan có thể làm cho ta lầm về mình cũng như lầm về người, và làm cho ta có hoặc thái-độ tự-phụ khinh địch, hay quá khiếp nhược trọng-địch hay sợ địch một cách bệnh-hoạn, cả hai thái độ cũng đưa đến thất-bại. Dựa trên tâm-học có thể tìm được vài bài học khôn-ngoa trong việc đương-đầu với tha nhân, nhưng một thuyết của Von Neumann, dựa trên toán-số, có căn-bản vững hơn. Dĩ nhiên, trong những trò chơi hay cờ bạc có sự đấu trí, dùng mưu chước người ta không thể, hay không có thì-giờ để áp dụng những phương-trình toán-số, áp dụng chiến-thuật hữu-hiệu cần-thiết. Nhưng trong những công cuộc thi đua hay cạnh-tranh về thương-mã, kinh-doanh hay trong những chiến-tranh nhất là chiến-tranh lạnh, người ta đủ thì giờ để thu thập và phân-tích mọi yếu-tố, ghi nhận những sự biến-đổi của các yếu-tố ấy và dựng lên chiến-lược tổng-quát cũng như chiến-thuật trong mọi chi-tiết và giai-đoạn. Cũng như phép

tính xác-suất của Pascal và Fermat đi từ một vấn-đề cờ-bạc tầm thường đã tìm được ứng-dụng trong phạm-vi cao cả hơn, thuyết của Von Neumann, vì danh-từ có thể bị lầm với những mảnh-khóc có vẻ toán-học được bày bán chung quanh những trường đua ngựa hay những sòng đồ-bác, có thể được khai-dẫn và dùng cho phạm-vi rộng lớn và quan-trọng. Nhan-đề đầy đủ của sách đã ngăn ngừa sự lầm lẫn và nói lên tham-vọng của tác-giả. Sách của John Von Neumann và Oskar Morgensten là: Thuyết về trò chơi được thua với thái-độ kinh-tế (*Theory of games and Economic Behaviour*), xuất-bản lần thứ nhất năm 1944, Princeton University Press, nhưng bản in lần sau năm 1947 được bổ chính mới là bản thường dùng đến hơn. Như thế, thuyết có tác-dụng rõ ràng trong xã-hội kỹ nghệ và tư-bản mà nhà kinh-doanh phải dùng mọi phương-tiện kỹ-thuật hợp-lý nhất để đánh bại một hay nhiều phe cạnh-tranh.

Đúng ra thì không phải Von Neumann là người đầu tiên đã nghiên cứu toán số về sự xung-đột quyền-lợi. Theo Fréchet (*Emile Borel, initiator of the theory of psychological games and its application, 1953*) những bài vở của toán-gia Pháp Borel đã đặt nền-tảng của thuyết từ năm 1920 trong khi Von Neumann chỉ công-bố vào khoảng 1928 và 1937. Tuy Borel đã chủ-trương rõ ràng có một lớp quan-trọng vấn-đề về được-thua và đưa ra quan-niệm chiến-thuật thuần-túy và hỗn hợp, Von Neumann nhấn mạnh rằng Borel không thể đến một kết-quả trọng-yếu nào nếu không có định-lý thiểu-đa (*minimax theorem*). Borel cho định-lý này không đúng trong

mọi trường-hợp, nhưng Von Neumann đã chứng minh định-lý mình đúng trong những điều-kiện tổng-quát, ngoài ra còn bày thêm thuyết được thua với trên hai đấu-thủ. Đây lại là một chuyện xung đột và ganh đua nữa, nhưng giới học hỏi chưa quan-tâm đến mấy. Bài vở về thuyết được-thua chỉ đăng trong tạp-chí toán-học, không gây ảnh-hưởng nơi các môn-học duy-nghiệm. Von Neumann và Morgensten định viết sách của họ một cách thế nào cho nhà nghiên-cứu với vốn liếng toán-học hạn chế cũng có thể thấu nhận lập-luận và kết-luận của thuyết. Nhưng kỳ thật, phải cần một thời-gian vài ba năm nữa đề khoa-học nhân-văn có thể áp dụng thuyết và tìm được kết-quả biện-minh cho ích-lợi. Thuyết cần được sửa đổi cho ứng dụng và chính xác hơn; thêm nữa tuy thuyết là một sự khai-triển toán-pháp hướng về khoa-học nhân-văn và toán dùng nơi đây tương-đối giản-di, nhưng những nhà chuyên-môn về khoa học nhân-văn cần nắm vững trình-độ toán-học khá-cao vì không những thuyết dính liền với phép tính xác-suất, thuyết toàn-bộ, thuyết vật-thể lỗi... mà nơi đâu những dụng cụ thông-thường không dùng được lại phải bày thêm toán mới nữa.

Tuy nhiên, thuyết trò chơi được-thua của Von Neumann và môn-đệ không hẳn là phương-thuốc trị bá bệnh, giải-quyết mọi vấn-đề chiến-thuật. Đến giai đoạn này, nó có ý nghĩa vì hướng trí óc người tìm nơi những ngã đường mới lạ giải-đáp cho vài vấn đề rất thiết-thực. Cuộc được-thua có nhiều trình trạng, lối tính của von Neumann đã bao trùm những cuộc mà một người phải quyết định, những cuộc mà từng đoàn-thể hay nhóm người phải quyết định hoặc một cách

chắc chắn, hay không chắc chắn, hay có sự nguy hiểm, trong đó, người hay nhóm người sẽ được nhiều hay thua rất ít.

Đề tránh những ví-dụ có nhiều toán chuyên-môn quá, ta chỉ đưa nơi đây hai ví dụ đơn-giản, thuộc về loại trường-hợp đấu-triệt giữa hai đối-thủ, bên này phải làm sạch vốn hay đánh bại hoàn-toàn đối-thủ, trong khi hai bên có sức mạnh ngang nhau. (Danh-từ chuyên-môn của loại này là : *two-person zero-sum game*, vì có thể lựa những số không và đơn-vị của hai hàm-số lợi-ích cho luôn luôn cộng lại thành số không). Khi đã nhận-định về cân-bằng, luật sẽ là đưa mức bảo-đảm hay an-ninh của mình lên cấp tối-đa. Cũng như trong quân-sự một vị chỉ-huy phải có một trong hai quyết-định, một là hành động theo ước-lượng địch có thể làm gì để chống lại mình, hoặc hành động theo ước-lượng địch sắp làm gì. Lối trên là quyết-định với khả-năng của địch, lối dưới là với ý-muốn của của địch. Nếu, và nơi đây chữ « nếu » khá quan trọng — một giải-đáp quân-sự có thể như một cuộc đấu loại trên thì bài học cần biết hay luật đáng theo là đưa mức bảo-đảm hay an-toàn lên tối-đa, và nếu hai phe cùng đều theo một lối thì kết-quả sẽ là một cặp cân-bình.

Đây là thí-dụ mượn ở thế-chiến thứ hai, trận Bê Bismarch. Trong giai-đoạn chiến-đấu ác-liệt để chiếm Tân-Ghi-nê, cơ-quan mật-báo cho biết quân Nhật có thể di chuyển quân và tiếp-liệu từ hải-khẩu Rabaul ở mũi phía đông New-Britain đến Lae phía tây New-Britain ở đảo Tân-Ghi-nê. Đoàn-quân Nhật có thể dùng Đường Bắc, nơi vùng đó trời âm u, có thể tránh được sự trinh-sát của Đồng-Minh, hay đi Đường Nam, nơi đó thời tiết tốt, bầu trời quang đãng. Đi

Đường Bắc hay Đường Nam, quân Nhật cũng phải mất ba ngày. Tướng Kenney, thuộc quân Đồng-Minh, có trọng-trách chận cho kỳ được đoàn chiến-hạm Nhật, phải cho thám thính

trên một đường và oanh-tạc đoàn tàu trước khi chúng đến Lae. Bộ Tham-mưu của Tướng Kenney định những kết-quả cho các chiến-thuật có thể lựa chọn.

CHIẾN-THUẬT NHẬT

		Đường Bắc	Đường Nam
		Đường Bắc	2
CHIẾN-THUẬT KENNEY	Đường Nam	1	3

Theo giản-đồ, có một điểm cân-bình là *Đường Bắc, Đường Bắc*, cho cả hai quan-điểm với phỏng-đoán 2 ngày để oanh-tạc.

Trong thật-tế lịch-sử đã có sự lựa chọn ấy. Khởi hành được một ngày, đoàn tàu của Nhật bị quân của Kenney tìm thấy. Tàu Nhật bị tổn thất nặng. Tuy trận Bê Bismarck là một thất-bại cho Nhật, chiến-thuật của viên chỉ-huy của họ không thể chê trách. Xét tình hình chiến-thuật chung thì quân Nhật ở

trong một tình cảnh không thuận lợi. Việc lựa chọn Đường Bắc ít ra cũng tương đối đỡ hơn chiến-thuật Đường Nam để đối phó với một trong hai chiến-thuật phải có của tướng Kenney.

Một thí-dụ đơn-giản khác thuộc về loại không tổng-số zero (*non-zero-sum game*). Đây là một song-luận của tù-nhân.

Kết-quả cuộc đấu tính một cách khôn ngoan theo Von Neumann sẽ thành bảng tiêu-chuẩn như sau :

G :

		B1	B2
A1		(0,9-0,9)	(0,1)
	A2	(1,0)	(0,-0.1)

Hai người tình-nghi bị bắt, và được giam riêng. Quan tòa tin chắc họ là thủ-phạm trong một vụ án, nhưng không có bằng chứng hiển nhiên để buộc tội. Quan tòa định cho mỗi bị-cáo lựa một trong hai điều : thú nhận tội ác mà cảnh-sát biết họ đã phạm, hoặc không thú tội. Nếu cả hai không thú tội, họ sẽ

được xem như đã phạm một tội xoàng và sẽ lãnh án nhẹ. Nếu cả hai đều thú tội thì sẽ hưởng trường hợp giảm-khinh và khỏi chịu án tối-đa. Nhưng nếu một trong hai thú nhận và người kia không thú thì người thứ nhất sẽ được khoan hồng và người sau lãnh đủ. Tính theo năm tù, vấn-đề chiến-thuật đặt ra cho mỗi người như sau :

TÙ-NHÂN Y

		TÙ-NHÂN Y	
		KHÔNG THÚ	THÚ
TÙ-NHÂN X	KHÔNG THÚ	1 năm mỗi người	10 năm cho X 3 tháng cho Y
	THÚ	3 tháng cho X 10 năm cho Y	8 năm cho mỗi người

Nếu ta dùng A_1 và B_1 để biểu-thị *không-thủ-tội* và A_2 và B_2 cho *thủ tội*, — miễn là không có yếu-tố đặc-biệt nào chi-phối, như ăn-năn tội hoặc la lớn để cho bạn mình nghe, — thì tiêu chuẩn trên thích-hợp với tình-trạng lưỡng-lự của tù-nhân. Vấn-đề là nên thú hay không. Và mức bảo-đảm cao nhất hay thiệt-hại ít nhất là hai tù-nhân đều không thú và lãnh 1 năm tù thôi.

Phân biệt tính xác-suất với thuyết được thua

Tuy tính xác-suất quan-hệ đến thuyết được-thua của Von Neumann, nhưng hai phát-minh ấy khác nhau. Một bên, tính xác-suất là đặc-tính thụ-động của một đối-tượng. Trong thuyết được-thua, tính xác-suất trở thành một dụng cụ, một phương-tiện cho những quyết-định. Những điều tìm kiếm thêm với nhiều thí-nghiệm hơn nữa có thể cho các định-luật hay công-thức của thuyết được-thua có tác-dụng thiết-thực trong những cuộc cạnh tranh nào mà chiến-thuật là quan-trọng.

Như đã nhắc lại trước kia, từ sự suy nghĩ của Pascal và Fermat nhân một bài toán về trò cờ-bạc (vấn-đề là lối phân phối trở lại số tiền đánh của những tay đã bỏ dở ván bài), tính xác-suất, nửa thế-kỷ sau, với công-trình của Jacques Bernoulli, trở thành một thuyết « may » nghĩa là một thuyết đề-nghị

những quyết-định hợp-lý với những yếu tố không chắc-chắn. Thuyết cũng đề-nghị những tiên-liệu tổng-quát về hoặc-nhiên.

Trên một trăm năm, những bác-học, triết-gia đã theo quan-niệm sau xem tính xác-suất là nguyên-lý căn-bản của một hệ-thống đối-vật. Trong triết-lý, hoặc-nhiên trở nên đề-tài nghiên-cứu. Trong khoa-học, nhờ toán vi-tích, việc áp-dụng về phân-phối hoặc-nhiên trở nên dễ dàng và lợi ích.

Tính xác-suất kêu gọi những quyết-định hợp lý trong một tình-cảnh không có gì chắc chắn, vẫn là một quan-điểm có người theo dõi, nhưng với thuyết Von Neumann, khi vấn-đề quyết-định là quan-hệ, thì tính xác-suất mới được xem như là nguyên-lý điều-hòa của một cơ-cấu *thái-độ*, chứ không chỉ là đặc tính *thụ-động*.

Thuyết trò được-thua hay trò chiến-thuật của Von Neumann phá vỡ vòng quẩn của tất-định và bất-định. Thuyết đã nêu lên những tình-trạng thực-tế không phải tất-định mà cũng không hẳn phi-phỏng, những tình-trạng thuộc một loại thứ ba, một phạm-trù của *tình-trạng có điều-kiện*. Tình-trạng có điều-kiện là thứ tình trạng có thể giải-quyết bằng rất nhiều cách, theo những luật không tiên-liệu được, cũng nhờ tính xác-suất hay đại-số thông thường. Tình-

trạng cũng không phải thông thường vì nằm trong một số điều-kiện nhất định, mà số điều-kiện này không đủ để định-đoạt, nhưng đủ để cho thấy giới-hạn.

Giá-trị của thuyết mới này không chỉ là nơi việc giúp cho hòa-hợp phương-pháp khoa-học với đời sống cá-nhân và xã-hội của con người, giúp cho giải-quyết những vấn-đề thực-tế, như tiên-liệu hay ngăn ngừa một chiến-tranh, một cuộc cách-mạng, một cuộc đình-công, một khủng-hoảng kinh-tế hay việc tăng giá hàng hóa. Giá-trị của thuyết ấy còn nơi phương-diện triết-lý nữa. Vì đây là một nhậ-thức mới. Thuyết nhắc đến sự hiện-diện của một khu-vực khá quan-trọng trong thế-giới quan-cảm mà khoa-học đã quên đi, rằm giữa điều được «tất-định» và điều «phi-phông». Khi Pascal bày ra tính xác-suất và nhắc đến sự-không-định-nhiên, thì cũng có sự mới lạ về tư-tưởng. Người ta chú ý đến địa-hạt mới của thế-giới vật-lý, một loại thực-thể quan-sát được. Một ngữ toán khác được dựng lên để miêu-tả và để cho trí-óc con người trong khung-cảnh khoa-học có thể chấp nhận được.

Hai đứa trẻ chơi bài *trận*. (Hai trẻ chia nhau những lá của bộ bài 52 lá, làm thành hai chõng, lần lượt lật bài ra, bài lớn «ăn» bài nhỏ, và trò chơi chấm dứt khi một bên không còn bài.) Trong trò chơi ấy, việc chia bài là phi-phông, tùy may rủi. Phần may của mỗi bên, được bài tốt này hay bài xấu kia, có thể biết được nhờ tính xác-suất. Nhưng khi bài đã chia rồi, trò chơi diễn-tiến theo *tất-định* vì chỉ tiếp-diễn theo một cách và đi đến một kết-quả. Luận-lý cổ-diễn và tính xác-suất cần và đủ để giải-thích hợp-lý thứ trò chơi đó. Trò

«đánh trận» từ Pascal đã vào địa-hạt khoa-học. Tính xác-suất là ngữ của phi-phông, và toán thông-thường là ngữ của tất-định cũng đủ cho trí óc con người biết tất cả biến-cổ suốt trò chơi.

Nhưng nếu lấy làm thí-dụ một trò chơi khác như *bài phé* (1) thì không phải vậy. Trong lối bài này, tính xác-suất có thể cho biết sự phân phối bài giữa những tay đánh, nhưng tính xác-suất hay toán thường, hay sự phối-hợp cả hai dụng-cụ phân-tích ấy không thể nói lên sự tiếp diễn của một ván bài. Muốn cho trò chơi được tất-định thì mỗi tay không những phải biết những con bài của mình mà còn phải biết bài của mấy tay kia nữa, mà mỗi tay lại còn phải biết đúng đắn phương pháp đưa mình đến kết-quả tốt hơn hết và phương-pháp ấy phải độc-đáo và được mấy tay kia chấp nhận cho mình dùng. Điều kiện thứ nhất không có được trong loại chơi này, vì bài sẽ lần lượt rút ra, lá bài kế tiếp còn tùy thuộc nhiều yếu-tố, người có bài lớn sẽ rút trước con bài sau, có người lại bỏ cuộc, khiến phiên rút bài thay đổi, làm sai lạc mọi dự-tính. Điều kiện thứ hai cũng không thể có. Ngay trong những trò chơi như cờ-tướng hay cờ-đam, sự phân-phối lực-lượng của đôi bên đều được đôi bên biết trước, nhưng mục-phiêu của mỗi bên mỗi khác, phương pháp hay dự-định nào có thể cho mình

(1) Bài phé, cũng được gọi là ách-xì, hay xì, hay xì-tố, xì-phé hay poker — tuy Âu-Mỹ đánh poker hơi khác với Việt-Nam, như dùng 52 lá thay vì 32, và suốt (straight) của họ có thể là bất cứ chuỗi bài nào, thứ-tự giá-trị đề hơn thua cũng khác thứ-tự thường được ta chấp nhận nhất tứ quý, nhì đồng-hoa, thứ ba trạ-xấu, vân vân...

thắng lại gặp sự cản trở của đối-phương. Số quyết - định và phản-ứng quá phức-tạp nhất là trong giai-đoạn đầu của trò chơi và không thể tiên-liệu một cách khoa-học được.

Thứ trò chơi ấy, các giáo sư Von Neumann và Morgensten gọi là trò chơi chiến-thuật và được gọi là chiến-thuật, lối lập-luận trong đó sự đánh-cuộc đi đôi với việc tiên-đoán. Tay chơi phải nhận-định đúng được chừng nào tốt chừng ấy, điều gì có thể được hay không thể được, nhưng lại phải đánh-cuộc trước khi hành-động, mà đánh-cuộc không có căn-bản hợp-lý nào vì không thể nhận-định đầy đủ tất cả lực-lượng đang đối diện, và không biết được bài những tay khác và ý-định của họ.

Tác-giả thuyết được-thua muốn đưa thái-độ của tay chơi từ trực-giác, hay thô-thức do đam mê hay trực nghiệm, đến mặt khoa-học của sự quan-sát hữu-lý và ý-thức. Muốn được vậy, một ngữ-toán mới, một luận-lý mới rất cần. Ngữ ấy, họ đã gọi là « phép tính trò chiến - thuật ». Phép tính của Von Neumann-Morgensten dùng những ký-hiệu và lược-đồ lập-luận hơi lạ, đưa ra không phải một giải-đáp hay một chuỗi giải đáp mà cả nhiều nhiệm-ý, nhiều lựa-chọn, không phải một hay vài điểm cần đi ngang qua, mà cả vùng, cả khu-vực với những chuỗi đường rẽ và ngã-tư liên-tiếp. Đường-hướng tại mỗi ngã-tư không thể tiên-liệu hay định-đoạt nhờ lối tính tất-định theo đại-số

cờ-diễn hay lối tính phi-phông như tính xác-suất.

Nguyên-tắc tìm kiếm một phép tính mới là điều đáng kể. Nếu có hiệu-năng, việc áp-dụng không giới-hạn nơi vài trò chơi được-thua hay chiến-thuật, mà còn dùng cho một số lớn sự-kIỆN được quan-sát ở ngoại giới. Tình-thế một người cầm bài trong một cuộc chơi cờ bạc chẳng khác gì, đứng về phương-diện tất-định và phi-phông, tình-thế của vị chỉ-huy chiến-hạm hay binh-đoàn lâm trận, hay tình-thế một quốc-trưởng tìm hiệu-năng tối-đa cho quốc-gia, hay tình-thế một giám-đốc xí-nghiệp cần tìm rất nhiều lợi-tức. Tất cả đều ở trong tình-cảnh có điều-kiện của người đánh bài cần mưu-trí hay chiến-huật. Họ biết sức của họ mà không thể ước lượng chính-xác sức của địch, họ không nắm hết sức lực của đồng-minh, của cộng-sự-viên, của đồng-bào. Mọi lá bài chưa rút ra hết và trong cuộc đấu tranh hay đối-chọi hay đơng-đầu, nhiều biến-cố tuy bình-thường nhưng không tiên-liệu được, có thể xuất-hiện làm thay đổi mọi đồ-trận.

Đây là một nhận-thức khoa-học về vấn-đề tự-do, về điều bấy lâu chỉ được siêu-hình-học xét đến. Nhận-thức không phải dễ dàng, nhưng nhận-thức ấy là một then chốt của tiên-bộ tri-thức con người.

(Còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Bàn chuyện giáo dục

Trong quan-điểm chuyển-di văn-hóa, trường học không phải là nơi duy nhất để thực hiện việc quảng bá những kiến thức cần thiết cho một xã-hội kết tập vững bền. Các chủ chài Biên-hồ có thể mượn các tay muối cá gốc Phan-thiết để xây dựng cơ sở làm nước mắm cho mình. Một vị sư làm thông kinh kệ chữ Hán đến một vùng đầy những đồng đạo khát thực, thấy mình có thể mở rộng ý nghĩa cúng dường — vốn ban đầu trong óc người đó chỉ giới hạn trong sự dâng hiến tài vật, đời sống còn sống — để đi đến chỗ tự mình tniêu hủy xác thân cho Đạo pháp.

Không có gì lạ lùng cả. Con người, khi đời đời đã mang trong xác thân những yếu-tố văn-hóa của nơi phát xuất để biến đổi nơi họ bước tới, hay tự biến đổi theo với đặc điểm nơi mình trú chân. Con người, trong lao tác, cũng văn hóa môi trường mình sống để các thành quả — vật dụng họ tạo lập — đi làm thay công việc truyền bá, thu nhận như chính con người đã làm.

Nhưng vượt trên sự trao đổi văn hóa có phần nào thụ động, trì trệ ấy, trường học là một hình thức phổ biến văn hóa có tổ chức, có ý thức thể - chế - hóa nhất. Trong gia-đình, người cha, người mẹ dạy con và được con cái chấp nhận không phải vì

giá trị lẽ phải, mà vì uy quyền của « ông vua nghiêm trong nhà », vì sợi dây liên lạc tình cảm, bú mớm... Được đưa ra khỏi nhà, cắp lấy quyền sách, ve mực — chớ không phải con búp bê, trái kiện... như ngày thường, đứa bé phải chịu đựng uy quyền của người lạ: những giọt nước mắt ngày khai trường vỡ lòng là ý thức đón đau về một sự đổi mới khung cảnh, trật tự. Để cho đứa bé chịu phục tùng người lạ, xã hội nào cũng đặt ông thầy trên cha mẹ: thứ bậc sư, phụ của quan niệm Trung-hoa, quyền giáo dục trong tay những giáo sĩ, tăng-sĩ trong các xã-hội giáo-quyền...

Được giảng dạy ở nhà trường không phải chỉ là những mẫu kiến-thức, mà là một thứ kiến-thức cô đọng, hệ-thống-hóa, thành ra có tính chất phổ quát — tuy vẫn còn dính dáng trong một khuôn mẫu văn hóa. Cho nên, có thể nói kiến-thức giảng dạy ở nhà trường là kết-tinh quan-niệm tổ chức xã hội của tầng lớp cầm quyền. Những quan-niệm khác biệt đều được gọi là tà và bị đối xử tùy theo cán cân quyền lực của phe phía: trong khi ở Đại Việt, người theo Ho-lang-đạo phải mang xiềng, đeo đinh bài « tả đạo » và cắt cổ cho voi ấn thì đám giáo quyền La-mã lại đủ sức mang tòa Inquisition dọa Copernic làm ông chờ gần chết mới dám nói chuyện quả đất tròn! Bởi

vậy, các tay cầm quyền có ý-thức đều giành nhau nắm lấy trường học. Cách mạng 1789, 1917 rút quyền giáo dục trong tay Giáo hội La-mã, chính thống. Các nước nhược tiểu vừa lấy lại độc-lập là vội vã tịch thu, sung công hay chèn ép các trường học của Giáo-hội La-mã một thời đặc thế, trong khi ở những vùng còn sự biến diện của Tây-phương, Giáo-hội này gấp rút tổ chức trường học với quyền uy kinh tế, quân sự bên ngoài để đào luyện hậu thuẫn quân chúng bản xứ mong quân bình lại các thế ngoại lai vừa hay sắp mất đi kia.

Bảo là tầng lớp cầm quyền giành quyền chi phối hệ thống giáo dục không phải là một lời chê trách. Đã nói, ý-tưởng hướng-dẫn giáo dục là tòng cốt của một tổ-chức xã-hội thì sự ổn-định xã hội — trong đó có sự ổn-định cá-nhân, đẳng-cấp — phải tùy thuộc vào sự bền vững của lẽ lối giáo dục đó. (Đáng chê trách chẳng là những can thiệp giải tỏa áp lực của những chính quyền không có đường lối giáo dục nên không nắm được thanh niên học đường, quay ra lũng đoạn học đường bằng những tập hợp thanh niên một cách phù du cho qua cơn khủng hoảng.) Cho nên phải coi là một điều tự nhiên, ví dụ, khi người Pháp đem chữ quốc ngữ, chữ Pháp thế cho chữ Hán, chữ Nôm, và hậu thuẫn cho đường lối này bằng những biện pháp mỗi chài, cuống bách: lấy "sâm banh, sữa bò" lôi kéo người vào các trường Thông-ngôn, xóa bỏ các kỳ thi Hương để tuyệt một phía đường tiến thủ.

Nhưng giáo dục, dù trong mức độ thấp, là để cho hấp thụ một số hình thức sơ đẳng của một khuôn-mẫu văn-hóa, nên giáo dục đó cũng phải được tiến triển trong sự cân bằng của toàn bộ

xã-hội liên quan tới những yếu tố kinh tế, chính trị, tâm lý quần chúng. Trong chiều hướng giải quyết này, hành động của một viên huyện lệnh Thanh-hóa vào đầu thế-kỷ, tuy nhỏ nhặt nhưng đáng lấy làm kinh nghiệm để suy ngẫm. Theo lời ông thuật lại (1), lúc ông mới đến trấn nhậm thì ở đây cơn sốt khủng hoảng của phong trào Duy-tân, Đông-du, chống sưu đang bùng bùng... Người ta phải giam lỏng các tay Cử Tú, khoa mục ở huyện lỵ. Hàng ngày, những người này phải đến trình diện quan huyện và đề mua lại bằng có "vô tội" bắt đắc di này, chính phủ đương thời phải xuất công nho ra nuôi họ. Trong khi ấy, các ông giáo về tổng, về làng dạy chữ quốc ngữ thì bị dân chúng chê là trẻ con, không thêm theo học (cũng thì muốn đổi mới mà người ta chỉ muốn nghe Phan-bội-Châu, Phan-châu-Trinh... đi Đông-du đổi mới thôi, chớ không muốn kẻ xâm lược dẫn dắt!)

Trước tình trạng đó, viên huyện lệnh này mới đề nghị với quan trên rước thầy dạy chữ Quốc ngữ cho các ông khoa - mục đang bị giam lỏng để những người này về quê truyền bá thứ chữ mới lại cho dân làng. Đúng là một biện-pháp tạo hiệu-quả quân-bình rộng rãi: chính phủ vẫn trông chừng được đám khoa mục mà không làm họ bất mãn, lại có thể mua chuộc cảm tình họ bằng cách ép buộc một cách nhẹ nhàng cho họ trở thành một bực thầy như cũ trong trật tự mới để từ đó dùng uy tín của họ đưa chữ quốc ngữ, chữ Pháp vào địa phương một cách êm thấm.

Nhưng hẳn không phải ở những địa phương khác người ta đã có những

(1) Chuyện của ông Thân-Trọng-Ngật tự thuật trong gia-phò.

biện pháp trung-hoà được sức phản-động của sĩ phu như vậy. Cho nên, Chính phủ mở trường bắt dân đi học thì con cháu sĩ phu hoặc ở trong tù, hoặc trốn ra ngoại quốc hay vác cày bừa cho có việc mà bắt hợp tác, đề địa-chủ cũng sợ hãi lần tránh, đầy đám con cái tá-điền đi học thay, chen chúc với đám quan quyền theo thời.

Điều quan hệ không phải là chút thăng-tiến xã-hội bất ngờ của một mớ bần hàn may mắn đó, bởi vì đám này không được dắt dẫn bởi một tầng lớp intelligentsia xứng đáng, rồi sẽ ngộp trong cái rữa nát của một xã hội mất liên tục văn hóa. Chỉ có một mớ sĩ phu đầu hàng với những người thống trị ngoại quốc, tất nhiên họ phải coi trọng sự ổn định thuộc địa hơn bất cứ lý tưởng nào. Thế mà giá trị giáo dục không phải ở những kết quả mồi chài mà là ở sự tự nguyện, dâng hiến được huấn luyện, dạy dỗ. Chính sự tự nguyện này nói lên tinh chất chủ động cần thiết của cá nhân, tập-thể trong vai trò tiếp nhận văn hóa để tạo cái "hồn" địa phương, dân tộc. Phải nhận rằng từ bấy lâu nay, dưới áp lực quân sự, kinh tế, văn-hóa Tây-phương truyền bá sang ta có tinh cách một chiều nên không thể có sự tự nguyện thu nhận để nảy ra một sự sáng tạo phối hợp nào: cũng thì được đào tạo để thi hành dịch-vụ chữa bệnh mà một viên Tây Y-sĩ lại leo đến tột cùng của thang giá trị mới còn anh đồng nghiệp xấu số, khác danh-hiệu chút xiu ở Đông-phương, lại bị ném ra ngoài lề hợp lý, hợp pháp!

Khủng hoảng giáo dục là do bởi thiếu ý thức chủ động của những người cầm quyền. Ý thức này lại có căn bản là sự hòa hợp của người cầm quyền với thực

tế xã-hội họ cai trị. Thường thường trong xã-hội cựu thuộc-địa có sự cách biệt ngợp hơi giữa 2 thực-thể đó. Một đẳng là một tập hợp nghèo đói, kém phát-triển, càng thâm thuơng hơn thì phải trải qua những thế-kỷ dài bị kha thác rồi bị kiệt lực trong cuộc tranh đấu giành độc lập, một sớm một chiều bị chủ nhân ông chán ngán vứt đi như miếng xương khô hết chỗ gặm. Một bên là một tầng lớp cai trị hoặc trực tiếp của chủ nhân ông đặt đề sau khi rút lui, hi vọng trở lại theo đường lối khác, hoặc gián tiếp do họ đào tạo trong những năm cai trị theo một cung cách ưu đãi ít hay nhiều gì cũng vượt trên đám dân chúng khốn cùng. (Nào phải nói đâu xa đề tìm chứng cứ: Khoảng 1954-56, ở vài vùng Miền Trung, ai đỗ được Trung-học Đệ I Cấp đã vội vật heo, bò ăn mừng mình bò lên được nấc thang giá trị khác, trong khi anh bạn đồng khoá Miền Nam lại không dám lảng vảng về quê để tránh các bản án khủng bố của những người đồng xứ bản học tên sắp-thành-thư-lại kia!) Qua những tầng lớp như vậy, giáo dục, nghĩa là sự truyền đạt văn-hóa Tây-phương, chỉ có cái vỏ trống rỗng mất cả những thực tại sinh động làm nên bản-sắc dồi dào của nơi phát xuất. Có lẽ trong những trường hợp tương tự, một nhà dân-tộc-học Ý đã lập ra định-luật về sự thoái-hóa của các văn minh truyền đi từ chỗ này sang chỗ khác.

Thực ra, người Paáp đã có lý khi họ chỉ đào tạo một tầng lớp thư-lại hay chuyên-viên hạng nhì cho thuộc-địa. Để hiểu rõ hơn, hãy coi toàn bộ thuộc địa-mẫu quốc như một thực-thể cộng sinh trong đó cơ-thể được ưu đãi (mẫu quốc) đã nhường chút ít nhựa sống, quyền

lợi cho một số cơ-năng cần thiết của những cơ thể bị ép buộc liên-kết (thuộc-địa) để các nơi này có chút phương tiện tạo sức sống dồn về cơ thể ưu thế kia. Và tất nhiên trong tình trạng đó, sự chia lìa bất ngờ sẽ tạo điều kiện cho bộ phận thuộc địa vốn không được chuẩn bị để tự lập. Sẽ có hai con đường chọn lựa, mà thông thường đám cầm quyền mới sẽ tiếp tục hướng nền giáo dục theo khuôn mẫu có sẵn của nước mẹ đặt ra và tưởng chỉ cần đổi nhân-hiệu là được.

Khủng hoảng được phô bày khi giáo-dục phổ-thông tạo nên sự thừa mứa thừa-lại. Năm 1962, một tài xế xe đò, khi phải chạt vật lách qua hàng người đồng phục cấp sách dài dài theo đường, đã phải la lên: « Trời ơi! Rồi đây làm sao đủ công sở cho mấy người này họ đi làm!» Chiến tranh tạm giải quyết nỗi lo lắng không-nhưng của anh tài xế. «Sở Mỹ» đã đào tạo nên một giai-cấp mới. Các quân-nhân trừ bị vẫn than-thở về thân phận «trâu bò» của mình, nhưng người có ý-thức phải thấy tình trạng ép ưỡng này có tính chất một *biện pháp tình cờ*, giải quyết dễ dãi và đồng loạt vấn đề thất nghiệp cho một hàng người. (Hãy tức cười mà thương hại để nghe lời than của một quân nhân có nghề: «Hết giặc, biết làm gì ăn!»). Lỗi không ở nền giáo-dục thuộc-địa cũ. Lỗi không ở quan niệm đại-chúng-hóa giáo-dục. Lỗi ở chỗ người ta đem một nền giáo dục có chủ đích đào tạo thừa-lại để đào tạo những cán-bộ có ý-thức, có nhiệt tình, đủ khả năng điều khiển một quốc-gia muốn độc lập, một xã hội muốn có cá-tính vững bền.

Một chương-trình giáo-dục có nhiều

cấp bậc phải vượt qua bằng những kỳ thi có bị chê là hạn chế cho một tầng lớp, nhưng có ưu điểm là tránh được sự lạm phát trí thức. Điều này lại là khuyết điểm của những chương-trình cải-cách nhằm xóa bỏ thi-cử. Khuyết điểm tất nhiên có những căn cứ sâu xa.

Trên bình-diện quốc-tế, sinh khí giáo dục hiện tại nằm trong những tư-tưởng, cơ-chế hướng dẫn văn minh Tây-phương. Vì lý lẽ đó mà một anh mũi tet da vàng hay anh môi vều tóc quăn thường có thể vỗ ngực với đồng-chúng rằng mình tốt nghiệp Sorbonne hay có Em-Ê, Pi-ết-đi... « làm tại Mỹ quốc». Đứng đắn hơn, cũng vì lẽ đó mà có những người nhược-tiền tốt-nghiệp ở các nước Tây-phương đã thành công trong những lãnh vực Khoa-học, lý Hóa, Điện-tử, Không gian...

Tách rời cái khung cảnh hậu thuẫn quốc-tế ấy, khung cảnh của một nền tảng kỹ-nghệ đặc điểm của Tây-phương, mới kiến-thức khô xác du nhập trở thành mớ bèo bọt nước bình bông trong địa-phương quốc gia tiếp nhận. (Với những người tốt nghiệp ở ngoại quốc, sự khác biệt và cách biệt này tạo niềm thất vọng cho họ và ít hay nhiều cũng là nguyên nhân của điều người ta gọi là «sự thâm lặn chất xám»). Vì nhận rõ cái khuyết điểm sờ sờ ra đấy mà có những chính-quyền nhược-tiền cố tìm cách lôi trường học vào trong khung cảnh của xứ sở, để cho người thanh niên, một khi bước vào học đường, không nuôi lòng tự kiêu vô lối mà khi bước ra cũng không bơ ngỡ, lúng túng trong đời sống. Chính quyền Cộng sản bắt người học sinh thực tập lao động trong những ngày nghỉ (đi công trường, vào công xưởng, tham gia vụ mùa...) Chính quyền quốc gia có một

cơ chế phức tạp hơn nên đã được chỉ dẫn thi hành lễ lối giáo dục cộng đồng cho các trường tiểu học, lễ lối tổng hợp cho các trường trung học... Sự bỡ ngỡ, những phản đối, ban đầu cũng có, vì như đã nói, các thành thị nơi học sinh xuất thân còn hiện diện như chứng tích của một xã hội biên-tế, bên lề xã hội thuộc-địa cổ truyền và xã hội tư-bản tân tiến: người học sinh Cộng sản ngược ngập bước xuống ruộng, e dè đi công trường, những phụ huynh học sinh một trường tiểu học Đô-thành phản đối nhà trường bắt con họ quét lớp ..

Sự thất bại của chính sách giáo dục cộng đồng, trên bình diện nhân sự, là do bởi lễ lối làm việc bình thức, biểu diễn, của một lớp cán-bộ và chỉ-huy mất ưu-thế uy tín trong một giai-đoạn chiến-tranh cao độ đang gây ra những đổ nát tinh thần quan trọng. Thất bại cũng bởi chiến tranh đã thu hẹp khu vực có tính chất thôn quê lại, trong khi thí-diểm là dành cho thôn quê: vị trí trường Sư phạm Cộng-đồng nằm giữa vùng lúa Tiền-giang đã chứng tỏ chủ đích này. Nhận thấy việc thay đổi bằng hiệu Cộng-đồng cho các trường Tiểu-học được coi là thay đổi quan trọng thúc đẩy chính sách tiến triển, người ta lại lo ngại cho tương lai các trường Tổng-hợp khi lan tràn. Cũng như người học sinh hiện tại giữa một niên-khóa (tuy là đầu một năm dương-lich) bỗng thấy mình mang một tên mới nhưng không cảm thấy có một kích động nào nức nào của một giai-đoạn mới và tất nhiên không thấy có một biến đổi nào giữa tương quan học đường và khung cảnh chung quanh.

Chiến tranh cùng với sự đe dọa của

luật Tổng-động-viên ép thanh niên lùn lợt trong học-đường phải ráng ít nhất là có cái bằng tú tài I (dù bằng phương tiện ngoại họ:-đường đi nữa) để khỏi làm lính trơn hay mang cánh gà. Ngày trước ở Đại-học người ta thi một năm 2 chứng chỉ để mau mau đi câu cơm, ngày nay người ta cứ nhằn nha từng cái một, kéo dài được chừng nào hay chừng nấy. Hãy cúi đầu vào sách, không nên nhìn chung quanh, lỡ thấy có điều trái tai gai mắt, nổi máu anh hùng lên thì nguy. Người ta cứ ở đấy, chán nản mà run sợ, bất mãn mà e dè ..

Cho nên, người học sinh cứ thụ động nhận kiến thức từ ở đâu đâu, người giáo sư thụ động « đọc » lại đề gọi là truyền kiến thức — cái anh giáo sư này cũng còn chút đằm lương tâm để cứ than thở dài dài: « Ta chọn làm nghề ! » — Và địa phương cứ thấy những đứa con lớn lên, đi vào những cơ-sở gọi là văn-hóa mà không phân biệt được loại cá nào trong khi cha mình lệnh đanh ngoài biển cả, mẹ mình chạy rồi hàng ngày, không khòm chút lưng nấu nồi cơm trong khi cũng bằng tuổi ấy, bực lớn của họ đã hùng hục liên miên với ruộng đất, mưa cũng như nắng. Cho rằng phải xoay lưng với đời sống cổ truyền, các bậc phụ huynh cũng vẫn còn ngạc nhiên thấy con học ra rả về điện, máy móc... mà, ví dụ, trong nhà cháy cầu chì không biết thay,..., cứ mang mãi khuôn mặt hoặc đại khờ một cách tội nghiệp, hoặc nhăng nháo một cách dễ ghét, hoặc làm dáng lăm li bi thảm tưởng như trái đất sắp tan đến nơi rồi !

Những người già ngạc nhiên thấy các nhà giáo thời nay ở giữa thành phố đông đúc mang sứ mạng đào tạo con người xã-hội Tân tiến mà sống lùi

lũ riêng biệt như nhà ăn dật ngày xưa. Tất nhiên không ăn dật trong các hoạt động không mang nhân hiệu nhà giáo. Những người gần xuống lỗ ở Phan-Thiết lại chợt nhớ đến thời đề chòm của họ với những nhà nho Tân thư của trường Dục Thanh để rồi tự hỏi: "Sao cách đây 60 năm có hơn mà những nhà nho — bây giờ chắc có người cho "xưa rồi!" — lại có thể tổ chức một trung-tâm giáo-dục, biết đem nối kết học đường với khung cảnh chung quanh, biết lập một luồng đối-thoại giữa giáo ban và đồng bào ruột thịt? Sao bây giờ lại không có những buổi diễn thuyết chiều thứ bảy? Sao không có những nhà giáo đi về thôn quê phổ biến tư tưởng mới — không phải một cách miễn cưỡng mà nhiệt thành, thân thiết như ngày xưa?"

Câu trả lời có thể loanh quanh trong vấn đề tình trạng chiến tranh, vấn đề sự sống hấp hối ở một xã-hội tiêu-thụ ung-thối một cách cần thiết cho sự sống phát triển ở các nước tư bản. Vấn đề giải quyết tuy không giản dị, nhưng có thể nói nếu coi chiến tranh như sản phẩm của một xã-lội bệnh hoạn thì một quan niệm giáo dục đúng cũng là một trong những phương pháp chữa trị: quan-niệm của Khổng-tử dùng Lễ, Nhạc điều hòa xã hội Xuân-Thu rối loạn hẳn có căn bản tư tưởng chính đáng vậy.

Tiêu chuẩn giáo dục «Dân tộc, Khoa

học, Khai phóng» có thể coi là một tiêu chuẩn tốt nếu người ta chịu đi vào thực chất của vấn đề. Dân tộc không phải chỉ là quốc gia nói «chung chung» mà còn là những khuôn mặt, những dáng mặt khác nhau của quốc gia — nghĩa là địa phương nữa. Giáo dục hướng về địa phương, ràng buộc với địa phương sẽ đào tạo nên những người thích hợp với nơi mình sống, không thấy bơ vơ ở đó để khỏi phải bị lôi cuốn trong dòng xuất cư chảy máu về các đô-thị lớn. Trên bình diện quốc-gia, nó có thể ngăn bớt những cuộc «chảy chất xám» nối tiếp ra các nước tân tiến. Ý-niệm khai-phóng sẽ cân bằng lại với ý thức địa phương, vị quốc hẹp hòi có thể nảy sinh, và sẽ mở rộng việc thu nhận kiến thức khoa học như điều kiện cần yếu cho cuộc sống tiến bộ hiện tại.

Thành thử, sẽ không có những nhà trường với những lối giảng dạy «theo mẫu in» mà phải là những nhà trường góp phần khởi sắc địa phương, ích lợi thực sự cho địa phương. Nghĩa là không phải người ta học trong nhà trường mà là trong những trường học.

Khác với những nhà nho Tân thư còn thấy mình là nông dân — tuy là một thứ nông dân cao cấp — nên lãnh đạo nông dân không mặc cảm, nhà giáo được đào tạo trong những đô thị quá Tây-phương-hóa ngày nay, phải tự cải biến mình bằng một thái độ "trở về nguồn" rộng rãi, mới thấy không bơ ngỡ, lạc

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

NeuroTonic

HN. 753/HTT/GCDF/16.6.64

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

loài, mới thấy không kéo dài cuộc đời vô vị để khỏi than thở "chọn lầm nghề"! Ông giáo sư Việt văn hay chỉ là một ông giáo viên tiểu học dạy ở một vùng biển, thật có đủ trong tay một đám cán bộ tí hon để điều tra về tên các loại cá, ghe lưới, các hành phần đặc biệt, sẽ giúp ích không biết bao nhiêu cho nhà điền-chế văn-tự ở Saigon, cho ông giáo sư Đại-học có tài liệu làm tổng-hợp.. (Năm 1962, một giáo sư ở Long-An, nhờ bắt học sinh đệ-tam thâu nhật chuyện cổ-tích trong vùng mà nêu ra được giả-thuyết về nơi trốn chạy của Nguyễn-Phú:-Anh trên những khúc Rạch Chanh dài dằng dặc không được chỉ rõ ràng ở Sử cũ). Một ông giáo cũ của chúng tôi, thay vì chờ một phòng thí nghiệm đủ dụng cụ, lại dùng những vật dụng thông thường để chứng minh một số định-luật Lý-Hoá của chương-trình. Tất nhiên không phải tất cả đều thực hiện được bằng phương cách này, nhưng nội cố gắng thực-tế-hoá chương trình cũng gây cho học sinh một ý-hướng ham muốn tìm tòi trong điều kiện có thể của chúng — có nghĩa là trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Từ trên căn bản dạy dỗ đó, người ta có thể ao ước được thấy một anh học sinh của một vùng nông nghiệp, không phải chờ đến lúc làm kỹ sư nông-học với các máy móc tối tân trong tay, mới có ích cho quê hương mình. Anh học sinh phá ngang không phải cày cục xin đi làm thư ký, chèo chèo bắt mần ở các công sở, mà vui vẻ trở về đồng ruộng mướn cày cấy với con trâu, cái cày và đem sáng kiến mình vào sự cải-tiến chính những phương pháp cổ lỗ đó. Người ta không muốn thấy con cái nhà hàm - hộ đua nhau đi học bác sĩ cho đứng được ở cấp bậc cao trong xã hội để rồi, hoặc ra ngoại quốc ở li bên đó — túng thiếu thì xin tiền bán nước mướm gọi từ nhà qua bằng đủ mọi cách, hoặc trở về quê thấy nghề làm nước mắm có lời quá bèn dẹp ống nghe sang một bên, xoay trần tính số dùm-nậu hay ghi dấu thùng nước cốt... như đồng bạn ít học của họ.

Người ta thường nói "kẻ nghèo hay làm sang". Nhân, vật, tài lực đang phung phí, tuy không chỉ ở nhà trường nhưng kỳ thật đã bắt đầu từ nhà trường vậy.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

3/79

THUỐC BÒ

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỐI

BỒI BỒ CƠ THỂ

CÓ CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Nghĩ về một số hiện-tượng trong sinh-hoạt văn-nghệ hiện nay

Cuộc nói chuyện do Trung-Tâm
Văn-Bút tổ-chức tại giảng-đường
Quốc-gia Âm-nhạc ngày 12-4-70)

Kính thưa quý vị,

Sau khi tôi được tự-do trên vài taàn lễ, Ông Chủ tịch Hội Văn-bút đã có hảo ý khuyên tôi nên ra hầu chuyện quý vị trong cuộc nói chuyện hàng tháng do Hội tổ-chức vào khoảng tháng 3 vừa rồi, tiếp theo cuộc thuyết trình của nữ sĩ rất có biệt tài ăn nói là bà Quỳ-Hương. Ngoài cái bần phận phải đi trình-diện với nhà chức trách, thật không có bần phận nào tôi thấy cần thiết và sung sướng hơn là được trình diện với quý vị. Nhưng tôi đã phải dèi đến hôm nay mới dám gặp gỡ quý vị mà chưa hết sự lúng túng, vì sau thời khoảng gần 3 năm trời bị mất tự-do tôi chưa biết phải trình bày những gì cho xứng đáng với cảm tình nồng hậu quý vị đã dành cho tôi trong buổi gặp gỡ đông đảo hôm nay.

Quý vị sẽ xét rõ đây không phải là lời khiêm tốn thường-lệ trong các kiểu cách nhập đề cõ-diễn, nếu quý vị thông cảm cho trong suốt thời gian vừa qua tôi không được phép biết gì về sự sinh hoạt văn-nghệ ở chung quanh mình. Mặc dầu khi bị đưa xuống an-trí ở tại Trung-tâm Tân-Hiệp tôi đã may mắn gặp được một Ông Quản-đốc liêm chính và cởi mở, nhưng tấm lòng tốt của Ông Quản-đốc vẫn phải hạn chế trong một khuôn khổ chính-sách Cải-huấn cấm ngặt mọi sự tiếp xúc với những thời sự bên ngoài. Ở các Trung Tâm giam-giữ can-phạm, báo-chí được xem như món cấm kỵ cực kỳ nguy hiểm. Loại sách cho đọc phần lớn chỉ là kinh-diễn và các truyện cổ. Trung-Hoa hầu hết đã rách tả tơi, cùng các

truyện chường có đầu không đuôi hoặc là có đuôi không đầu. Điều đó mặc nhiên xác nhận chính quyền nhìn thấy rất rõ vai trò hết sức quan trọng của văn-hóa.

Tôi cũng ghi nhận ở đây là chính nhờ vậy mà tôi có dịp đọc bộ Kinh Thánh khá dày được đến hai lần, đọc được bộ Kinh Lăng Nghiêm cùng các bộ kinh sách khác, từ quyển «Các phép bí-tích» thuộc về Giáo hội đến những tác-phẩm của các cư-sĩ tại gia hồi thúc tu hành, như quyển «Tu mau kéo trễ».

Nói cho đúng ra trong thời gian ấy tôi có lên đọc trước sau 2 số tạp-chí — 1 số Bách-Khoa và 1 số Văn — cả hai đều bị xé rách trên 9 phần 10 và phần còn lại được nhét trong kẹt một cái tủ gỗ đã về hưu rồi. Nhờ vậy nơi tờ Bách-

Khoa tôi có đọc được một bài biên khảo tuyệt diệu của nhà văn Phan-văn-Tạo — ký là Vũ-Bảo — nói về các cách xử dụng ống điếu ở trên thị trường hiện nay, bài báo có cái màu nhiệm là làm cho những người hút ống điếu cảm thấy như mình trở nên trí-thức vừa là triết-nhân một cách dễ dàng.

Còn nơi tờ Văn tôi có đọc được một cái tin buồn là nhà thơ Đinh-Hùng đã qua đời, và một tin vui là Cô Trưng-Dương sắp qua bên Anh tu-nghiệp về điện ảnh. Qua 2 tin ấy tôi đã hình dung một cách khó khăn sinh hoạt văn nghệ bên ngoài từ lâu đã tắt một giọng bình thơ sang sảng nơi mục Tao-Đàn và đang phát triển ồn ào về mặt điện ảnh.

Đó là về phần tạp chí, còn sách thì đầu 63 có quyền *Người đá* của Lê-Tất-Điều và quyền *Ngựa-tia* của Y-Uyên gửi đến cho tôi. Hai quyền này phải được Ban Cải huấn kiểm duyệt, và ông Trưởng-ban đã giữ cả lại, bảo rằng văn chương 2 quyền đó rất lủng củng. Tôi có sốt sắng trả lời là 2 nhà văn đó rất có tài, không những theo ý của tôi mà còn theo ý của nhiều người khác nhưng 2 quyền ấy vẫn không đến tay tôi được. Sau đó tôi phải tìm cách nhắc khéo với ông Trưởng ban là cái sự kiện văn chương lủng củng không hại gì đến chính sách giam giữ của chính-phủ, thì được ông cho biết rằng trong 2 quyền đó hình như có đoạn tả một người đi quân-dịch. Và đã nói đến người đi quân dịch là đã nói đến thời sự, đâu có xem được! Mấy năm trôi qua, đến ngày tự do tôi mới xin lại hai quyền sách ấy, nhưng chỉ tác phẩm của Lê-Tất-Điều có lẽ quá nặng — vì là *Người đá* — cho nên còn lại, còn quyền *Ngựa-tia* của Y-Uyên thì đã cất vó đi xa. Hai quyền mà còn được

một — tỉ lệ hư hao chỉ có 500/0 — nếu đem so sánh với bao nhiêu thiệt thòi khác ở trong thời chiến thì quả là điều đáng mừng.

oOo

Những việc dài dòng tôi vừa mạn phép kể trước quý vị chỉ để trình bày cụ thể về tất cả những kiến-thức văn học nghệ-thuật mà tôi đã thu lượm được một cách bí mật cũng như công khai trong suốt thời gian vừa qua. Tôi cũng xin thêm là khoảng gần đây, trên 1 năm nay, thỉnh thoảng tôi đã có dịp gặp cô Kim-Cương khóc lóc hoặc cô Thanh-Nga thở than cùng với Thành-Được, Hữu-Phước, ... buồn bã sự đời, bởi vì Trung-Tâm có một ý kiến mới mẻ là cho can phạm được xem Cải lương vào tối thứ sáu ở trên Truyền hình, trung bình 5,6 tuần lễ mỗi phòng lại được thưởng thức một lần. Tất nhiên chỉ có cải-lương thuần-túy mà thôi, còn các mục khác như là thông cáo, tin ngắn, tin dài, diêm báo, kể cả ý kiến Tổng-thống, cũng bị tắt phần âm thanh để can phạm được yên lặng ngồi coi nhân vật ở trên màn ảnh mấp máy đôi môi một cách kỳ cục, nếu người phụ trách lúc ấy không biết linh động vạy qua đài Mỹ để xem đám đá và hôn hít là hai tiết mục sở trường của phim cao bồi.

Mức độ tiếp nhận sinh-hoạt văn-học nghệ thuật của tôi đã bị đẩy lùi lại khoảng 3 năm về trước, tôi thiếu điều kiện thực tế để làm một cuộc thuyết trình đầy đủ đặng hầu quý vị. Bên những nhược điểm tôi đang mắc phải, chỉ còn mỗi một lợi điểm nhất thời mà tôi nghĩ rằng phải nên khai thác trước khi nó bị thời gian xóa nhòa. Cái lợi điểm ấy là tôi hãy còn bỏ ngõ trước những sinh hoạt, và do sự bỏ ngõ ấy tôi dễ nhìn thấy một số hiện

tượng nổi bật để mạn phép góp thêm đôi ý nghĩ chủ quan. Ở đây tôi phải kêu gọi đến lòng độ lượng của quý vị vì các sự kiện gọi là mới mẻ với tôi thực sự đã thành quen thuộc, tầm thường đối với quý vị. Như vậy, thay vì làm cuộc thuyết trình, tôi xin hầu chuyện về những gì mà hiện tình văn học có thể cho tôi nhìn thấy sau mấy tuần lễ thăm các tiệm sách, đọc các báo chí và nghe ngóng các văn hữu chuyện trò.

Sau gần 3 năm quay về với những sinh-hoạt văn-nghệ tôi thấy có nhiều mất mát và những thay đổi. Hai nhà thơ: Đông-Hồ và Đinh-Hùng, hai nhà văn: Tchya và Y-Uyên đã già cõi đời. Trong 4 người đó ba vị đã bị bệnh-hoạn cùng với tuổi-tác đưa vào thế-giới tưởng-niệm, một người trẻ nhất có một văn-tài mang nhiều hứa hẹn là Y-Uyên đã chết "chân để trên bờ, đầu gác xuống suối" (1) sau khi lãnh 1 viên đạn vào chân, 1 viên vào bụng, 1 viên vào đầu, chết không kịp trời vào lúc 26 tuổi. Mới đây, giữa cái thời kỳ tranh-đấu giấy báo tôi lại được biết nhà văn lão thành Phú-Đức đã mất, và có đọc được trên Saigon-mới mấy bài khóc bạn lâm-ly của thi-sĩ Bút-Trà — một người trùng tên, trùng họ, trùng cả chữ lót với ông Phú-Đức.

Thời gian đã làm cho nhiều người già, già đi một cách rõ rệt. dịp Tết vừa qua tôi có đến thăm cụ Vi-Huyền-Đắc, cụ có rót ly rượu nhỏ để mừng cho tôi được về, và dù không quen dùng rượu tôi cũng cố uống cạn chén để chúc thọ cụ, chúc thọ một cái tuổi già cô-độc vốn vẹn một mình đứng lên ngồi xuống trong căn nhà nhỏ ngoại-ô, thiếu hẳn những sự săn sóc cần

thiết. Mái tóc ông Nguyễn-Hiến-Lê đã trắng phau phau, và khi tôi đến thăm ông thì phải chờ ông đi thăm bác sĩ trở về. Tôi cũng nghe ông trọng Lang đã quá già rồi, nhưng tôi chưa có dịp gặp. Nhà văn Phan-Du từ Huế mới gửi thư vào than thở rằng sức khỏe ông đã suy kém nhiều. Còn anh Võ Hồng cũng từ Nha-Trang viết thư cho biết là anh «nản quá, cầm cây bút viết mà chữ hết muốn ra nổi» vì năm vừa rồi tác phẩm «*Như cánh chim bay*» của anh bị «trù», không có cách gì để xuất bản được. Có biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ đang suy mòn đi, mà tôi chưa được hân hạnh quen biết hay chưa có thể viếng thăm. Đến đây tôi bỗng nhớ đến tuổi già đáng kính của cụ Á-Nam Trần Tuấn Khải và cái sức khỏe mong manh của cụ cách đây 3 năm cũng đã mong manh lắm rồi. Đến thăm ông Nguyễn Văn Trung, bạn hữu và tôi phải vào bệnh-viện Đồn Đất. Ông Nguyễn Văn Trung bị đau thương hàn, và sau bệnh này ông còn phải nằm nhiều ngày mà các bác sĩ vẫn chưa tìm được tên gọi của một trạng thái mệt mỏi kéo dài. Sự mệt mỏi này cũng đang nặng nề nơi một số người. Lúc tôi gõ cửa nhà ông Hiếu Chân vào dịp đầu xuân, tôi thấy ông còn «án binh bất động» khá lâu trên giường. Còn ông Nguyễn Nguyên thì nằm nguyên bốn trên một cái ghế dưỡng bệnh giữa những chồng sách ứ đọng, san chuyển mồ phôi có thể gọi là thập tử nhất sinh. Tôi hỏi anh Trần Phong Giao bây giờ còn mang ve Nasoline như là vật bất ly thân để chống lại chứng nghẹt mũi kinh niên hay không, thì anh lôi trong túi ra một chai Polaramine nặng nề hơn nhiều.

(1) Văn, số 129, trang 46

Anh Nguyễn Minh Hoàng cỡi cái xe đạp cũ kỹ giữa con đường phố cuồn cuộn Honda và anh cho biết năm ngoái anh có mua cái xe lam để chạy chở khách Đô-Thành, nhưng sau gặp nhiều khó khăn, chèn ép nên phải bán xe. Nhà văn Mặc-Khải, thân phụ của hai nhà văn còn nhiều sinh lực — Nguyễn-Thị-Thụy-Vũ và Hồ-Trường-An — có ý buồn phiền về một con mắt bị mờ, và mắt còn lại, dù đeo kiếng tốt, vẫn không nhìn rõ bao nhiêu. Quý vị cho phép tôi đợc nhắc lại ở đây một vài kỷ niệm : những ngày tôi mất tự do, ông Mặc-Khải có gởi xuống Trung-Tâm hai nhánh hoa hồng loại quý đã được chiết ghép sẵn sàng để tôi có thể vun quén cho đẹp những ngày giam giữ, nhưng thuốc khai quang khá mạnh ở vùng Tân Hiệp đâu có bảo vệ loài hoa !. Một bạn văn khác, anh Nguyễn-Ngu-Í, bây giờ sức khoẻ kém nhiều, trong khi xuống Dưỡng Trí Viện Biên Hòa để dưỡng sức khoẻ đã ghé tặng tôi mấy miếng đường phôi và mấy dòng chữ có ý nhắc tôi đừng quên mùi vị ngọt ngào của một sản-phẩm quê hương.

Ngược lại một số văn nghệ sĩ khác làm ăn có bề phát đạt hơn nhiều. Anh Nhật-Tiến, dù phải ở trong quân đội, vẫn làm xuất bản và đã có nhà in riêng. Chị Nhật Tiến, là nhà văn Đỗ Phương Khanh, vui vẻ chỉ cho tôi xem một máy in mới sau nhà, trong đó nửa phần là của anh Lê-Tất-Điều hiện đang khoác áo nhà binh. Bây giờ nhà ở của anh Võ Phiến đã chiếm một chỗ mặt tiền và lớn và cao hơn trước. Các bạn ở tại tòa soạn Bách-Khoa cũng cho tôi biết cô Nguyễn-Thị-Hoàng đã có xe hơi, có cả đồn điền ở trên Đà-Lạt, và cô Nhã Ca, và ông Viên Linh bây giờ khá giàu. Cơ sở xuất bản của

anh Thế Nguyên trông thật bề thế, và cái sản nghiệp anh Nguyễn Văn Xuân lớn hơn xưa nhiều.

Tôi cũng được nghe là Ông Lữ-Phương, cây bút phê bình sắc bén độ nào đã qua hàng ngũ bên kia. Và bà Vân Trang, tác giả *Một bức thư tình*, cũng vậy. Nhà thơ Phương-Đài bả bị an-trí ở tại Trung Tâm Thủ-Đức, và cách đây độ ít tuần, sau khi nữ sĩ vừa là nhà cách-mạng Song Thu, thân mẫu của Cô Phương-Đài qua đời, linh mục Thanh Lăng, chủ tịch của Hội đã cố vận-dộng cho cô được hưởng tự do. Mong rằng hảo-ý của Ông Chủ-tịch Văn-Bút sẽ được Chính-quyền chấp thuận.

Các văn-hữu tôi quen biết thật còn quá ít, so với số người cầm bút mà tôi chưa có dịp tốt quen thân nên tôi không nói được hết những sự thăng trầm tiêu biểu của giới văn-ngệ nói chung. Ngay số khá ít mà tôi hân hạnh được quen, tôi cũng chưa đủ thì giờ, nhất là chưa có phương tiện xê dịch để mà thăm viếng.

Sau các nhà văn nhà thơ, hiện tượng khá đậm mà quý vị từng lưu ý là sự xuất hiện đông đảo những nhà xuất bản. Có thể nói rằng đây là hiện tượng có một không hai từ trước đến giờ. Những nhà xuất bản mọc ra như nấm sau một cơn mưa và gần như mỗi nhà in, mỗi nhà phát hành, mỗi một tác-giả là một cơ sở xuất bản. Con số bảng hiệu xuất bản được từ Tân-Văn tổng kết có tới một trăm rưỡi nhà. Có lẽ thực-tế còn nhiều hơn vậy. Tên hiệu thật cũng dồi dào màu sắc. Có những cái tên hàm súc như *Văn*, như *Thơ*, như *Sáng*, như *Đẹp*. Có những cái tên lớn lao như là *A-*

Châu, Thê-Giới, Vũ-Trụ. Bên cạnh cái tên dịu dàng như là *Thương Yêu* lại có cái tên mất ngủ như là *Đêm Trắng*. Bên cạnh cái tên quân sự như là *Việt Chiến* lại có cái tên cải-lương như là *Việt-Hùng*. Có tên Miền Nam tách biệt thì cũng có tên gắn bó *Hai Miền*. Nếu nhà *Cánh Bằng* đưa trí óc ta lên Tân Sơn Nhất thì nhà *Nhân Chứng* lại đưa ta về Tòa Án Saigon. Nhiều người trẻ tuổi có vẻ thích tên *Ngưỡng Cửa* đầy vẻ đợi chờ và tên *Ngõ Mai* ra điều hò hẹn. Hẳn ở Saigon nóng nực nên nhiều bảng hiệu mang tên có gió như là *Gió Mới, Gió Việt*, và nhiều gió hơn như *Tổ hợp Gió* hoặc *Gió Bốn Phương*. Dù sao đa số vẫn còn yêu hoa, hoa trong đêm tối như là *Hoa Đăng*, hoa ở trên trời như là *Hoa Tiên* và hoa dưới bề như *Hoa Biển Đông*. Sở dĩ người ta có vẻ thương nhớ vua *Đình Tiên Hoàng*, hơn các vị khác, chắc vì Ông ta có sự liên hệ với hoa, cho nên có nhà *Hoa Lư*, có nhà *Bông Lau*: Nhưng điều thật đáng au-úi là người Việt của chúng ta vẫn tìm thấy trong lịch sử, địa danh của quê hương mình một nguồn cảm hứng sâu đậm hơn cả nên có những tên *Hồng Lĩnh, Huyền Trân, Hồng Đức, Nhị Hồng, Nhị Nùng, Sông Hồng, Sông Mã, Đại Nam Văn Hiến, v.v...*

Dù có nhà xuất bản không địa chỉ và in độ một hay hai quyển sách, chúng ta cũng phải nhận đó là một triệu chứng không mấy bình thường. Có người bảo rằng tại ngành nghiệp này chưa phải đóng thuế nên thiên hạ đổ xô vào, làm thiệt cũng như làm thử một phen cho biết sự tình. Nếu cái động cơ tài chánh có thể chính yếu nơi một số người, thì còn có những nhu cầu lớn lao hơn nữa nơi nhiều kẻ khác. Một nhà xuất-bản

tương đối mới mẻ — *Phong trào văn hóa* — trong bản tuyên ngôn đã vạch cho mình những mục-tiêu lớn là Xây dựng văn hóa và Cải tạo xã hội trong ý tưởng tự-do và tinh-hần bao dung, đồng thời cũng nhấn mạnh đến khả năng thống nhất đất nước, khả năng đổi mới quốc gia của văn-học.

Bên cạnh động cơ phụng sự xã hội, bên cạnh ý-hướng tập-hợp và sự chuẩn bị cơ sở cho những biến chuyển tương-lai, nhiều nhà xuất bản ra đời là do nhu-cầu muốn được tự do giới thiệu, tự-do phát biểu về mình, trong cái hoàn cảnh mà những nhà xuất bản lớn đã bị tiêu vong từ lâu, hoặc đã hạn-chế quá nhiều trong sự chọn lựa tác-phẩm. Tất nhiên sự xuất bản nhiều còn được khuyến khích bởi những điều kiện ấn-loát đã thành dễ-dãi hơn xưa, và bởi có nhiều tác-phẩm ra đời.

Trên mười năm nay bây giờ mới thấy nhiều loại tác-phẩm như thế. Tiểu-thuyết chiếm một số lượng rất lớn, và bên cạnh các cây bút quen thuộc, nhiều cây bút mới xuất hiện như *Bùi Kim-Đình, Nguyễn Vũ, Bùi Đăng, Nguyễn Đình Thiệu, v.v...* trong đó nhiều người nghe nói rất là ăn khách. Đặc biệt khoảng 3 năm trở lại đây các tác giả nữ sáng tác một cách mạnh mẽ khác thường, và đa số tác giả nữ lại có tác-phẩm bán chạy hơn cả. Ngoài cô *Trùng-Dương* sáng tác có vẻ tài-tử và bà *Minh-Quân* bỏ nhiều thì giờ viết cho trẻ em trong các loại sách *Tuổi Hoa, Tuổi Thơ*, hằng ngày đọc giả luôn gặp *Nguyễn-Thị Thụy-Vũ, Túy Hồng, Nhã-Ca* xuất hiện trong các truyện dài ở nhiều nhật báo. Sự kiện chị em lấn đất mạnh mẽ như vậy, xét trên quan-điểm văn học cũng như xã-hội, là điều đáng mừng. Và chúng ta

sẽ vui mừng hơn nữa nếu tác-phẩm của chị em đóng góp thêm nhiều trong sự xây dựng tốt đẹp tâm hồn cho xã hội ta. Ngoài tiểu-thuyết, thi ca xuất hiện lại càng nhiều hơn và thực khó lòng kể hết những nhà thơ mới đã ra chào đời. Nói về tiểu thuyết đôi người bảo rằng sự sáng tác nhiều có thể bắt nguồn từ cái thực tế xã hội chúng ta ngày nay có lắm đề tài, và những đề tài hấp dẫn. Lại thêm có một thị trường tiêu thụ sách vở khá rộng, đó là quân đội. Các binh sĩ ở chiến trường, quân trường, trong các đồn bót cần được tiêu khiển thì giờ và các điều kiện sinh hoạt của họ chừng nào cũng làm cho họ dễ dãi trong sự lựa chọn. Về cái động lực chủ quan, có kẻ nghĩ rằng nhiều người muốn tìm một thứ giá trị dễ dãi, có vẻ lâu bền và tương đối ít nguy hiểm, trong cái tình trạng chính trường cũng như chiến trường đòi hỏi máu xương nên đã hăng hái chọn lấy con đường sáng tác.

Dù sao ta cũng phải nhận là đa số sách viết ra vì các mục đích thương mại nhiều hơn, và một số nhà phát hành chuyên môn rà các biến chuyển ở trong thị hiếu quần chúng để mà đặt hàng nơi các người viết chuyên nghiệp. Đề mà chúng thực điều này, tôi xin được phép kể một câu chuyện: sau khi tôi được tự do trên 1 tuần lễ, 1 nhà xuất bản khá tốt đã đến tìm tôi với cái hảo ý là tạo cho tôi có công việc làm. Ông ta nhờ tôi soạn gấp cho hai quyển sách có thể bán chạy hiện nay ở trên thị trường. Thứ nhất là quyển *Đông Tây Xã Giao*, thứ hai là quyển... *Cách làm bánh Tây, bánh Ta* ! Tôi đã lễ phép từ chối cả hai quyển đó, bởi tôi tự biết là về xã giao tôi rất vụng về, còn về môa bánh thì tuy tôi có khá nhiều kinh-nghệ-m, nhưng chỉ kinh-nghệ-m ăn bánh mà thôi.

Quý vị đã 10 sách báo ngày nay không phải viết đề gởi về đồng ruộng bán cho nông dân mà chỉ chú trọng vào các tầng lớp trên, dưới trung lưu, có học, ở các phố phường. Mà trong các tầng lớp này số người tuổi trên 30, 40 đọc sách rất ít, vì họ bị cái đời sống thực tế chi phối, mà sách vở ta thì không giúp họ được nhiều trong đời sống đó. Chỉ có lớp trẻ đang còn ham học, ham biết, bị cái ảo tưởng văn học nghệ thuật hấp dẫn nhiều hơn. Tình trạng đất nước ngày nay đặt đề thể hệ trẻ ấy trước nhiều vấn-đề khiến họ xao xuyến, bấn khoăn. Những tâm trạng ấy, nếu không tìm được các câu giải đáp hợp lý, biến thành hoang mang, sầu buồn, cô đơn hay là hực hặc bất bình, và tìm mọi cách thoát ly — thoát ly trong tình yêu, thoát ly trong tình dục, thoát ly trong tín ngưỡng, trong những triết thuyết xa lạ, trong cả những cách ăn mặc không được bình thường. Tác phẩm *Tuổi Trẻ và Cô Đơn* của Herman Hesse sở dĩ bán chạy là vì cái tên đề ấy, chứ chưa hẳn vì giá trị của nội-dung sách. Những tác phẩm của Krishnamurti được chú ý nhiều là ở cái vẻ mới lạ của nó, chứ những nguy hiểm nhắm nhí và những phủ nhận giả tạo của tác-giả đó thực sự chẳng có giải quyết được gì cho các người đọc, trừ việc đem lại cho họ ảo tưởng về một kiến thức. Thiết tưởng cái lối ăn mặc theo kiểu hí-pi dị-hợm và thiếu vệ-sinh cũng nằm trong tâm thức đó.

Tuy nhiên không ai nghĩ rằng người ta thích sự nhắm nhí là vì người ta vốn là nhắm nhí. Trong nhiều trường hợp con người hướng về cái xấu chỉ vì không thể nh'n được cái tốt ra sao, hoặc không có ai giúp đỡ cho họ đi tìm cái tốt.

Chính trên cơ sở của tâm trạng ấy chúng ta thấy cái ý hướng tiêu cực và cái ý hướng tích-cực thể hiện rõ ràng qua những hiện tượng sách báo như sau :

Một là người ta muốn được giải trí, muốn được khuây lãng 1 cách dễ dãi. Các truyện vui ngắn, các truyện khôi hài, tiểu lâm, thâu góp đây đó hoặc là trích dịch ở trong sách báo ngoại quốc sở dĩ ở mặt ở trên thị trường hiện nay là vì lẽ đó. Sách của ông Đặng-Trần-Huân, nhằm vào loại này, nghe đâu bán cũng rất chạy. Bên cái hiện tượng cười cợt — cười cợt ngắn n, úi, vôi vàng chứ cũng khó lòng cười dài — còn có hiện tượng các sách chuyên về khai thác tình dục. Chưa có bao giờ loại này lại nhiều như thế. Tôi nghe cả ông Thế Uyên và ông Thụy Nhân, hai người cùng dịch một bộ *Tình-dục* khá dày rồi thi đua in và tranh nhau xuất bản một lượt. Và ngay các truyện vui ngắn, khôi hài đã được chọn lựa, xuất bản, cũng hướng về sự khai triển tình dục nhiều hơn. Có 1 tác phẩm mang cái tên để trắng trợn là *Nói về các cách đầu tư thể xác đàn bà*. Tôi chắc chúng ta chẳng có mấy ai mua đọc quyển đó để khỏi bị lừa.

Bây giờ người ta thích treo trên tường những hình phụ nữ khoả thân có lẽ cắt ra từ các tạp chí vào loại *play-boy*, và các hình đó nhan nhản trong các tiệm phở, tiệm may, tiệm úi, tiệm hút.

Tình dục tuy cũng là một phần của tình yêu nhưng khi tách rời nó ra thì nó đối lập hẳn lại tình yêu. Có kẻ cho rằng ngày nay con người không còn tìm thấy tính chất cao đẹp trong tình yêu nữa nên họ quay về tình dục. Về đã nói đến ham hố tình dục là nói số lượng, nói

cái số đông. Lấy lượng thay chất là 1 bù đắp thua thiệt, bởi không còn được ăn ngon thì ráng mà ăn cho nhiều. Nhưng sự quay về tình dục 1 cách hăng hái như vậy không thể tìm kiếm nguyên nhân thuần túy tình yêu. Tự nó, tình yêu cũng phải gắn liền với 1 môi trường sinh hoạt, và bị quy định bởi sinh hoạt ấy.

Trong 1 xã hội mà tình dục được phát triển thì nhiều khát vọng tinh thần tốt đẹp bị thui chột đi. Để chống lại sự vươn dậy của con người — nhất là của thể hệ trẻ — trong sự vươn tìm những chân lý đẹp thì không có gì công hiệu cho bằng dục tình, bởi nó gần gũi, thiết thân, dễ lôi cuốn nhất, nó giúp trốn thoát, chối bỏ 1 cách mau nhất. Khi người ta cúi xuống lo phần dưới của cơ thể mình, người ta dễ quên mất hẳn phần trên của cơ thể đó. Tôi nghe nói 1 quyển sách của ông Tô-Văn đz bán rất chạy chỉ nhằm đề tài khai thác tình dục và quyển sách đó khi đăng ở 1 nhật báo đã giúp cho tờ báo đó gây dựng một sản nghiệp lớn,.. Chúng ta không phải phản đối các chuyện nói về dục tình. Nhưng chúng ta có thể nghĩ đến Bồ-Tùng-Linh, tác giả những chuyện ma quái Liễu-Trai. Ông Bồ-Tùng-Linh không chỉ khai thác tình cách hoang đường, ông còn khai thác tình yêu, tình dục thật là đậm đà. Nhưng Bồ-Tùng-Linh nói chuyện quái đản và chuyện trai gái ở trong buồng thê mà vẫn đề cao đạo-đức, vẫn làm cho sáng cái lẽ chung thủy, cái lẽ trung tín, nhân nghĩa ở đời. Thiết tưởng cái chỗ quý nhất, lớn nhất của Bồ-Tùng-Linh là ở nơi chủ đề này. Ông dùng phương tiện ma quái, yêu đương mà đưa ta về những cái lẽ

phải gần gũi, bình thường, nhưng cũng xa xa ở trong cuộc sống, và truyện của ông hấp dẫn chúng ta 1 cách đặc biệt.

Nhưng Bồ Tùng Linh là 1 bậc thầy vô song. Ông còn hơn nhiều người trong chúng ta không chỉ ở phần nghệ thuật và phần tư tưởng mà ông còn hơn chúng ta 1 bậc khá cao ở điểm trung thực: khi ông viết truyện, ông nói thẳng trước với chúng

ta rằng đó là những chuyện hoang đường, đó là «nói láo mà chơi» và rủ chúng ta hãy «nghe láo chơi». Ông không bảo rằng «đây là chuyện thực một trăm phần trăm», rằng «xin có trùng tên họ địa chỉ độc giả là điều ở ngoài ý muốn...» v.v... để mà lường gạt người đọc.

Còn một kỳ
VŨ - HẠNH

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

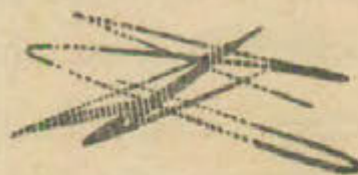
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE



*khai vị,
ăn thêm ngon.*

**BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể**



KN 2071.8YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Một cõi đời riêng

Nơi riêng của chúng tôi thời tiết đã trở nên ngọt-ngào khi những ngọn cây xanh trở lại sau những ngày cuối năm lạnh lẽo buồn bã. Hoàng-hôn nào cũng như một đám cháy hực im lặng trên giải rừng xa nghi-ngút khi núi và sương mù. Những ngọn hoa vàng đại ngoài đồi đã bắt đầu tàn héo theo màu đất đỏ.

Trời sẽ mưa vào những tháng tới. Tôi e ngại sẽ còn phải tiếp-tục ở lại trong suốt mùa mưa dài dài, âm-ướt. Những cánh rừng và đồi ở ngoài kia sẽ bị che lấp trong tầm mắt. Mọi người như bị giam giữ lại trong phòng riêng của mình. Chắc chẳng ai còn muốn ra ngoài hành-lang hay lang-thang trong sân vào những buổi chiều đủ ấm như thế này.

Tôi có những buổi chiều như thế, vừa đủ nắng hong ấm con đường sỏi chạy quanh dưới những hàng cây cao vút nơi đàn chim thường trở về quần tụ. Chúng riu-rít khắp nơi trong những tàn cây lá xanh đen khi nắng chìm xuống. Tiếng chim hót như một an-ủi nồng-nàn cho buổi chiều thăm-thăm của một Quân-y-Viện miền núi.

Tôi cũng không hiểu tại sao người ta lại đặt tên cho khu điều-trị của chúng tôi một cái tên đàn bà như thế. Khu Mỹ-Dung. Một lần tôi hỏi ông già mang bánh mỳ và sữa buổi sáng. Ông cụ cười nói dạ tôi cũng không biết. Tôi

định bụng đề một dịp nào đó sẽ hỏi ông Y-si-Trưởng. Trước Tết có một số bệnh nhân cố gắng xin xuất-viện đề về ăn Tết. Số ở lại bây giờ chẳng còn bao nhiêu. Phòng tôi trước có ba, sau đó còn mỗi mình tôi. Chuẩn-úy C. chết, vừa vì vết thương quá nặng vừa vì những bệnh hoạn tiềm-tàng đeo theo anh: Sốt rét rừng và đau bao tử. Đại-úy H. xin được chuyển về Tổng-Y-Viện Cộng-Hòa vì gia-đình ông ở Saigon. Hôm về, nằm trên băng-ca còn cột lưng-lẳng chai serum, ông cười hỏi tôi có cần nhắn gửi gì về nhà không, ông sẽ sai mấy đứa con ông tìm tới nhà tôi. Tôi nói: cảm ơn Đại-úy, tôi sợ tìm không ra đâu vì nhà tôi ở hóc hẻm quá, mãi tới sau chùa Long-Vân bên Gia-Định, hơn nữa mẹ tôi cũng biết tôi dưỡng thương trên này rồi. Đại-úy H. cũng hỏi tôi sao không xin chuyển về nằm Cộng-Hòa cho gần nhà. Tôi cười nói: nếu có bà xã ở Sài-gòn như Đại-úy chắc tôi đã xin về từ lâu rồi. Chỉ còn mình tôi với căn phòng, với ba chiếc giường trải drap trắng ngo-ngác, với những chai lọ đựng nước lọc trên giá. Ngoài trời nắng trong xanh và những con chim sẽ bay qua cửa sổ đáp xuống mấy băng ghế xi-măng tìm những mẩu bánh mì vụn. Ngày ngày êm vắng như ngày ngày đã đứng lại. Sau những đêm ngủ say, mở mắt thức giấc tôi đã có cảm tưởng ngay sức nặng nhẹ nhàng của một ngày mơ hồ trên

thân thể. Nhiều khi tôi muốn ngủ lại cho đến lúc ông già đưa bánh mì và sữa tới nhưng tôi chỉ nằm mòng như thế thôi. Làm sao lại được nữa khi những ngày trong đã bắt đầu hừng sáng.

Buổi mai có huyền não ở quanh đây đôi chút nhưng tới trưa và chiều bệnh-viện như thiu ngủ. Lâu lâu tôi nghe những tiếng ho khan ở mấy phòng kế cận, tiếng dép lép-xẹp ngoài hiên đi về phía nhà cầu. Huyền não và khó chịu nhất khi những chiếc phản-lực hay trực thăng bay ngang đầu. Về đêm, thỉnh-thoảng tôi thức giấc vì chúng và phải xoay trở mãi mới tìm lại được giấc ngủ.

Vết thương ở cánh tay thật sự không đến nỗi quá nặng dù sau này tỉnh lại người ta đã cho tôi biết là tôi mất nhiều máu, nhưng không hiểu sao hai tháng mấy rồi tay tôi vẫn tê rần, cử động khó khăn. Ông Kiềm, y-sĩ phụ trách khu Mỹ-Dung mỗi buổi sáng gặp tôi đều cười hỏi: Thế nào bạn, khoẻ hơn rồi chứ? Tôi thì vẫn thấy chẳng khá gì thêm, biết là mình còn phải điều-trị lâu nữa. Nhưng đó không phải là điều tôi quan tâm. Tôi không chờ đợi gì cả.

Cái công việc — Nếu có thể gọi được như vậy — Mỗi ngày tôi phải làm chỉ là ăn ngủ, đọc sách (Đọc bất cứ loại gì có thể nhờ thuê mượn và các tạp chí cũ mới) đi tản bộ mỗi buổi chiều và cố gắng tập cử động cánh tay và những ngón tay của mình. Lâu lâu tôi nhận được vài lá thư của những người bạn cùng đơn-vị kể về nơi họ đi qua, than van về những nỗi khổ tâm mệt-trí, báo tin về những cái chết. Công việc này chúng vừa tạo cho tôi cái cảm tưởng già nua, vừa êm ái như mình đang được sống một đời thanh bình hạnh-phúc nào khác.

Hơn hai tháng tôi đã sống như vậy, trong cái thế-giới r êng r ẽ vừa buồn bã, vừa êm ái, chột ngủ, chột thức, và không chờ đợi. Từ ngày khỏe lại tôi có đi xuống phố vài lần, cũng chẳng thấy vui vẻ gì. Tôi không quen thuộc một ai ở thị-trấn đất đỏ này. Khi về đến bệnh-viện tôi cảm thấy mệt và buồn hơn nên không còn ý định ra phố nữa.

Nếu có những nôn nóng bồn chồn trong tôi thì đó chính là mong-mỏi sao cho cánh tay phải mau lành trở lại, dù chẳng được như xưa, cũng có thể cử động khả-di cầm được cây bút viết một bức thư cho người thân, bằng hữu. Công việc này tôi vẫn phải nhờ Thiếu-úy Khôi, người nằm phòng bên cạnh hay cô Hà, cô y-tá dịu-dàng nhất của khu Mỹ-Dung.

Khôi không có cái vẻ yếu đuối xanh xao của một người đã bị thương thập tử nhất sinh. Khôi nằm từ bao giờ tôi không biết. Tôi cũng không muốn hỏi Khôi. Tôi không hiểu Khôi đã có sẵn những buồn bã từ xưa hay đến bây giờ Khôi mới có những cái nhìn âm thầm như thế.

Hôm tôi vừa được trực-thăng đem từ hành-quân về, Khôi là một trong những bệnh nhân khỏe mạnh ở kế cận săn-sóc tôi sốt-sắng nhất. Tôi đã nghe nhiều người bạn kể về t ệ-trạng của các Quân-y-viện trong lối cư xử và săn-sóc bệnh nhân. Dù sao thì phần nào họ cũng nói đúng. Cũng may y-sĩ Kiềm của khu Mỹ-Dung không n ở được phòng mạch tư vì ông ta mới ra trường.

Những buổi chiều đẹp trời Khôi rủ tôi ra vườn tìm một gốc cây mát ngồi đánh cờ tướng. Khôi đánh cờ rất sắc nước. Năm thì mười họa tôi mới thắng

Khôi được một lần còn toàn bị Khôi chiếu bí. Khi tôi vừa quen với một kỳ thuật nào đó của Khôi là lập-tức anh áp-dụng một cách đi khác ngay. Khôi mới 22 thua tôi 5 tuổi. Tôi hỏi: Khôi học đánh cờ từ bao giờ. Khôi đáp: tôi không nhớ nữa. Ba tôi chỉ mê nần có hai thứ đó là cờ tướng và đá gà. Chẳng bao giờ anh nói chuyện về gia-đình, chỉ có một vài lần khôi kể cho tôi nghe về một người con gái và đưa ảnh cho tôi xem. Tôi nói: «*Người*» có đôi mắt đẹp quá! Khôi gật-gù nói: ai cũng nhận thấy như vậy. Tôi hỏi: Khôi không nghĩ đến một cách nào khác sao? Khôi nhìn tôi vẫn vẻ tuyệt-vọng hỏi lại: Anh bảo còn tìm cách nào khác được nữa. Đàn bà yêu đàn ông vì đàn ông là..... đàn ông với những cái biểu-tượng cho sức-mạnh của đàn ông. Tôi còn gì đâu? tôi không còn đáng được gọi là đàn ông nữa.

Quả thật tôi chỉ biết hỏi Khôi vậy thôi. Chẳng qua vì tôi thương Khôi và hy-vọng có một giải-pháp màu nhiệm nào khác. Có phải tôi ước ao một phép lạ cho Khôi.? Nhưng làm gì có chuyện hoang-đường như thế. Khôi đã bị đạ ngay phần Thượng-đế ban cho con người như một ân sủng cho sự trường-tồn của nhân-loại, như một hạnh-phúc tuyệt đối và cũng chính là nguyên-ủy của tuyệt vọng và tội lỗi. Cuối cùng tôi cũng phải chấp nhận giải-pháp của Khôi là hợp lý. Khôi tâm sự với tôi là đã cắt đứt mọi liên-lạc với Uyên (người yêu của anh) từ khi bị thương. Tôi hỏi: Hai người quen nhau từ bao giờ. Khôi đáp: Từ khi còn đi học Trung-học. Tôi trách Khôi sao không cứ kể rõ cho Uyên biết là Khôi đã bị thương một cách bất-hạnh như thế. Khôi thờ-dài nói: Có thể vì tôi cảm thấy xấu hổ

ngoài ra tôi hiểu Uyên. Uyên rất ủy-mị và giàu tình-cảm, hơn nữa tôi biết Uyên yêu tôi lắm. Có lần Uyên nói với tôi: «Em chỉ biết nói với anh rằng em yêu anh bình thường như ăn như thở nhưng muốn được sống thì cũng chẳng còn gì thiết-yếu hơn thế.» Đặt trường hợp Uyên tình nguyện sống đời với tôi dù biết tôi đã là một phế nhân, bất lực chắc-chắn tôi cũng chẳng bao giờ chấp nhận. Anh tính những cặp vợ chồng không có con đã là một điều bất-hạnh và thường là đi đến chỗ tan vỡ. Trường-hợp tôi lại còn xấu số hơn thế nữa. Tôi đã phải dùng đến những biện-pháp tàn nhẫn nhất để bắt buộc Uyên xa và quên tôi, thù ghét tôi cũng có thể...

Tôi nói: Tôi thấy cũng chẳng ổn, để gì Uyên quên nổi, nhất là một ngày nào đó Uyên tìm ra nguyên nhân. Khôi nói: Biết làm sao hơn được, nhưng tôi tin rằng thời-gian đủ bồi xóa ký-ức của chúng ta.

Trường-hợp của Khôi có thể anh xin được giải ngũ. Một lần khác tôi hỏi Khôi: Sau khi xuất-ngũ Khôi sẽ làm gì? Khôi nhìn tôi ngạc nhiên nói: Tôi chưa nghĩ đến điều đó nhưng có thể tôi xin được tiếp tục phục-vụ tại các đơn vị tác-chiến, anh liệu họ có bằng lòng cho tôi ở lại Quân-đội không? Tôi đáp: Tôi cũng không biết, tuy nhiên tôi có người bạn tên Hên cùng ở một đơn-vị, hẳn lãnh nguyên trái 57 trong trận Đức-Cơ, mù mắt một mắt và mình đầy mảnh đạn nhưng hẳn vẫn xin được lưu ngũ. Theo tôi trường-hợp của Khôi cũng có thể được, lúc này đang cần người mà. Nhưng tại sao Khôi lại có ý-định như thế trong khi bao nhiêu người đang mong được giải-ngũ?

Khôi trầm ngâm nhìn ra ngoài cửa sổ, những vật nắng cháy rực trên vòm rào hoa giấy đỏ chói. Gọng Khôi buồn hẳn đi: Vẫn biết vậy, nhưng tôi không biết mình sẽ cảm nghĩ ra sao sau khi xuất-rũ, lang thang trong một thế giới cũ những người tôi có cảm tưởng khác với mình. Đời sống theo tôi chỉ là một sa-mạc mà tưởng-tượng và ước muốn của chúng ta làm nó xanh tươi. Tôi không còn tưởng tượng và ước muốn gì nữa mà chỉ còn tìm những trò chơi để quên mình. Chiến-tranh là một trò chơi trong đó chúng ta không có quyền được nghĩ tới mình và chúng ta không còn được là của chính chúng ta.

Tôi hỏi: Khôi không còn thích một trò giải trí nào nữa sao? như vẽ chẳng hạn. Khôi tốt-nghiệp mỹ-thuật nếu Khôi bỏ cả vẽ nữa thì thật ường. Khôi đáp: bây giờ cảm đến cộ là thấy chán ngắt, có thể nói là tuyệt-vọng anh ạ!

Buổi tối chúng tôi thường rủ nhau xuống câu-lạc-bộ uống càphê. Nếu không còn chuyện gì để nói với nhau nữa thì im lặng. Nhưng trong sự im-lặng nhẹ tênh đó tình-thân lại càng cảm thấy gần gũi hơn. Những đêm phủ xuống lạnh sương mù. Tôi khoác chiếc field-jacket vẫn còn thấy lạnh và húng-hắng ho. Khôi ngồi đốt thuốc liên-miên, nhìn mơ hồ vào bóng tối chập-choạng trên cụm trúc-đào. Đâu đó hương hoa ngâu phả-phất. Đêm yên lặng trên những mái ngói rêu, vết tích của những mùa mưa bay qua rừng núi. Đêm thẳm thì động cánh chim trên những vòm cao tối mù trong vườn. Đêm của một cõi đời riêng.

Tối nào có Hà trực thì vui-vẻ hơn đôi chút. Lần nào như thế Khôi cũng dành đi mua càphê đem về phòng cho cả ba người. Hà cười rất tươi nói: Uống càphê mãi thế này Hà chắc nghiện mất. Khôi hỏi: cô không sợ mất ngủ hay sao? Hà lắc đầu đáp: Tối nào trực cũng ít khi được ngủ đầy giấc lắm nhất là khi có những bệnh nhân bị nặng. Hơn nữa Hà thiếu gì giờ để ngủ. Những điều thuộc về Hà, tôi và Khôi đều đồng ý với nhau, là sự tận tâm của Hà Đức tinh đó chắc là Hà thừa hưởng của bà mẹ. Bà là y-tá-trưởng bên dân-y-viện.

Hà có cái dáng mảnh-mai của một vật dễ vỡ. Lúc mặc áo blouse trắng của bệnh-viện trông Hà gầy nhom. Tức cười. Khi đi làm Hà thường mặc áo dài màu tím, nhì nhánh trên lối đi trải sỏi, dưới hàng cây cao. Tôi hỏi: Hà luôn luôn vui vẻ sao lại hay mặc áo màu, phiền muộn như thế? Hà nói: Hà không biết tại sao nhưng Hà rất yêu màu tím và hoa đồng-thảo. Quả thật Hà không đẹp lắm nhưng dáng mảnh mai, mái tóc lược-thướt ngang vai buông xõa và đôi mắt tròn sáng bồ câu khiến Hà có ngay vẻ dễ thương đối với những người lần đầu gặp gỡ. Ngoài ra giọng nói của Hà ấm dịu, tôi nghe phảng-phất của một mùa thu Hà-nội xa gần.

Hà thường kể chuyện về những ngày còn đi học ở Nha-Trang. Hà nói rất thích biển và bây giờ phải lên vùng núi ở với mẹ. Hà sợ những đám bụi đất đỏ bay mù vào những ngày gió dữ, phủ xuống như muốn chôn lấp cả thành phố. Khôi nói: Có mấy ai được sống mãi với những điều ước muốn của mình

đâu? được một lần cũng là hạnh-phúc rồi. Hà hỏi Khôi: Hà thấy anh Khôi có cái giá vẽ nhỏ để trong phòng nhưng không thấy anh Khôi vẽ bao giờ. Khôi nói: Cũng có vẽ đấy chứ nhưng chẳng bao giờ xong nên tôi lại xé bỏ. Cảm xúc để vẽ cũng như một nguồn nhựa trong cây. Giòng nhựa không thể tiếp-tục luân-chuyển trong phần cây khô chết. Hà chớp mắt buồn buồn nói: Anh Khôi đừng bi quan quá chứ! Khôi cười buồn không trả lời, rút điều thuốc châm hút.

Một buổi trưa chỉ có riêng tôi với Hà. Hà nói với tôi: Nếu Hà là chị Uyên, Hà nguyện sẽ săn-sóc anh Khôi suốt đời. Tôi cười bảo Hà: Hà không nghĩ đó chỉ là một tình-cảm lãng mạn nhất thời thôi sao? Một tháng, một năm thì được nhưng một đời đâu có ngắn như thế. Hà hỏi buồn: Tại sao không được? Tôi nói: Tôi không biết phải giải thích với Hà ra sao nhưng khi Hà lập gia-đình rồi Hà sẽ hiểu. Tốt hơn là không nên bàn cãi về chuyện này nhất là với Khôi. Tôi chắc là sẽ làm Khôi buồn và chán đời hơn.

Buổi tối trước ngày xuất-viện, Khôi rủ tôi ra phố, nói là nhìn thị trấn này lần chót. Chúng tôi vào một quán cà-phê trang trí theo lối nhà sàn của người Thượng, có đèn màu mờ ảo và những bản tình ca êm-ái tiền chiến. Khôi nhấm nháp tách cà-phê đặc nói: Mai tôi đi rồi thay vì mừng như những người khác được xuất-viện tôi lại thấy chán lạ. Có lẽ ngày tháng trước mặt chẳng được tốt đẹp gì. Tôi an ủi: Thôi Khôi! dù khó khăn cũng phải sống hết đời mình. Tôi hỏi Khôi định về đâu?. Khôi đáp Được nghỉ 29 ngày trước tiên tôi về Cần-Thơ thăm ba tôi, sau đó trở lại đơn-vị rồi tính sau. Suốt trong -thời

gian ở gần chưa lần nào tôi nghe Khôi nhắc đến bà mẹ. Tôi nói: Chắc tôi cũng phải xin ra, năm mai đây buồn quá! Còn nãy tên kia coi bộ khó chơi thân được. Khôi cười nhẹ nói: Còn Hà đó! phải nhận là Hà dễ thương. Tôi chịu ơn cô ta nhiều trong thời-gian điều-trị tại đây. Hình như tôi thấy Hà có vẻ mến anh lắm. Tôi lắc đầu nói: Chưa bao giờ tôi chú ý đến điều ấy. Khôi nói: tôi có món quà gửi cho Hà nhờ anh đưa lại sau khi tôi đi, nói dùm là tôi cảm ơn và không biết có gì quý giá hơn để tặng Hà. Tôi định hỏi Khôi sao tôi phải chờ đến lúc anh ta đi mới được đưa cho Hà nhưng lại thôi.

Về đến phòng, Khôi đem sang cho tôi món quà tặng cho Hà được bọc bằng giấy hoa và cột nơ cẩn thận, kích thước khá lớn. Sau đó Khôi vội vã trở về phòng mình sửa soạn đồ đạc để sáng hôm sau xuất viện. Cầm món quà tặng đó, tôi mỉm cười có thể đoán ra phần nào thứ gì ở trong.

Tôi và Hà đưa Khôi ra đến cửa Quân-y-viện. Máy người phu xích-lô sẵn đón đem cái túi đựng quân-trang của Khôi lên xe mình. Khôi bắt tay tôi thật chặt nói: Tôi sẽ viết thư cho anh. Hà nói: đừng quên viết cho Hà nghe. Khôi cười, giọng đùa cợt: Yên chí mà tôi sẽ viết thư cùng một lúc cho cả « hai người » Hà lờ đi như không biết nhưng má hơi ửng hồng trong buổi mai nắng trải vàng trên những ngọn đồi cỏ khô ở xa.

Khôi ngồi lên xe đưa tay vẫy lần chót. Tôi và Hà đưa tay vẫy theo chiếc xích-lô từ từ xuống dốc. Ông già phu xe bóp cái chuông nghe kính cong. Tôi

nói với Hà : Khôi có gửi tặng Hà một vật nhờ tôi đưa lại. Hà ngạc nhiên hỏi : Gì thế anh ? Sao anh Khôi không nói với Hà nhỉ ? Tôi nói : Bí mật lắm ! Tôi cũng không biết Khôi tặng Hà vật gì. Chúng tôi trở về phòng. Tôi đưa cho Hà gói giấy hoa. Hà có vẽ cảm động dữ, run tay mở gói quà tặng. Hà cười nói : Khiếp ! ông ấy buộc kỹ quá ! Tôi giúp Hà tháo giấy thắt nơ.

Đó là tấm carton ép được đóng khung rất trang nhã. Một bức tranh sơn dầu với hai màu đen trắng vẽ chân dung của Hà. đường nét hết sức giản dị nhưng

hàm chứa nhiều cảm xúc. Tôi không biết gì về hội-họa nhưng cũng thấy cảm động khi nhìn chân dung của Hà qua nét vẽ giản dị nhưng nhiều điển tả của Khôi. Tuy nhiên Khôi vẽ nét mặt Hà buồn thảm quá sức. Hà cũng nói vậy. Tôi bảo Hà: Khôi cũng nhờ tôi nói với Hà là Khôi nhớ ơn Hà vì trong thời gian Khôi ở đây Hà đã tận tình săn sóc cho Khôi. Hà nhìn tôi rồi cúi nhìn bức tranh, im lặng. Một lát sau Hà nói: Tội-nghiệp anh Khôi! không biết rồi anh ấy đi đâu ?

ĐỊNH - NGUYỄN

Tìm đọc sách **SÁNG TẠO**

M U A Q U Ê H U O N G

thi phẩm thứ 5 của **THẾ - UYÊN**

Giá 140 \$ 00

HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC

của **KIM ĐỊNH**

An-Tiêm xuất bản

Một dân tộc cũng như một cá nhân, chỉ có thể chống lại đoàn lũ hay những tư trào tràn vào gieo rắc phân tán dân tộc mình là khi nào tâm thức dân tộc ấy được tổ chức chu đáo trên một cơ sở tinh thần vững mạnh. Quyền này thử đề nghị một chương trình giáo dục có cơ sở như thế, rất cần thiết cho nước nhà. Thiếu cơ sở thì một nền giáo dục và văn hóa sẽ thiếu xương sống, rất yếu đuối vật vờ...

Tiếng hát nhân - ngư

*Tặng các nhà giáo Đại-học
đang thụ huấn quân sự*

My-Châu là con gái út của Thủy-Vương. Nàng chẳng những đẹp nhất nhà, mà còn thông minh tốt bụng. Vua cha thương và quý lắm. Đến năm lên mười, nàng lâm bệnh. May nhờ ngự-y giỏi, nàng qua được, nhưng từ đó không nói, không hát nữa.

Thủy-Vương biết con buồn lắm nên nàng muốn gì, vua cha cũng ban cho. Thâm-cung trống-trái, My-Châu thường ra nơi vườn Thượng-Uyển với đám nữ tỳ. Vua biết được, vẫn không rầy la, vì hiểu nàng không thể sống lẽ loi như thế mãi.

Năm vừa đôi tám, My-Châu lân-la ra ngoài hoàng thành. Bọn quân giữ cửa không dám cản. Nàng bèn ngoi lên khỏi vùng nước đen. Ngày hôm đó, nàng không thể quên được. Cái cảm giác sung sướng nhuộm chín tâm hồn nàng. Trong gió mặn hây-hây, nàng nghe được tiếng rì rào của sóng gợn, nàng say-sưa với màu thiên-thanh của da trời. Nàng tuơng-tắng bơi-lội. Ánh vẩy xiêm-y ngời lên dưới ánh sáng mặt trời, như đã được dính muôn ngàn hạt minh-châu quý giá. Từng đoàn mây trắng nõn-nà, nhẹ như bọt nước trôi qua trong không-khí thanh-bình ngọt liệm. Bản nhạc thiên-thần vẫn trôi nhịp, khiến My

Châu như tan dần trong vòm trời xanh bao-la, suýt quên cả đường về.

Đêm hôm đó, My-Châu trằn-trọc mãi không sao ngủ được. Nàng trông cho mau sáng để sớm ra đi. Vừa qua canh, nàng đã trở dậy, xếp nếp khăn gói. Vua cha lấy làm lạ hỏi :

— Con gái cưng của ta hôm nay đi đâu sớm thế ?

Theo thói quen, nàng viết mấy dòng và dâng lên. Vua cha hơi lo, nhưng rồi xoa đầu con, thuận-ý. Chỉ vài cái quây đuôi, My-Châu công chúa đã vượt khỏi hoàng-thành và trời lên mặt nước. Cũng cảnh trời nước bao-la, cũng bản nhạc trầm-hùng, cũng từng đám mây côi diễm-lệ. Nàng reo lên, nàng gào lên. Ước gì nàng nói được, nàng sẽ ngâm lên bài thơ hay. Ước gì nàng còn tiếng hát, nàng sẽ hòa giọng với nhịp sóng rì-rào. Một nét buồn thoáng hiện lên khuôn mặt thiên-thần của nàng... rồi qua ngay. My-Châu đã quen dần với số phận. Nàng nhìn trời nhìn mây, mặc cho dòng nước cuốn đi.

Nàng không nhớ trời như thế bao lâu, cho đến lúc nàng nghe có tiếng reo hò chung-quanh, My-Châu choàng dậy. Nàng giật mình. Trước mặt nàng là

một bãi cát trắng phau, loang-loáng dưới cụm rùng dừa xanh. Cảnh-vật ở đây hao-hao với cảnh-vật trong hoàng-cung, nhưng sao mà diễm-ảo thế!... Còn nữa, dưới cụm dừa, mấy đứa bé con chạy thoăn-thoắt, vừa chạy vừa ca hát, reo hò. Theo sau chúng nó là một cô gái tóc thả dài. My-Châu lạ lắm và quên hẳn cả hiểm nguy. Nàng nhè-nhẹ lội vào bờ, nấp sau tảng đá và nín thở ngắm-nghía. Cô gái kia đẹp quá, giống nàng từ đầu đến chân, nhưng chỉ khác là không có cái đuôi cá như mình. Cô hát hay lắm và cô dạy lũ trẻ đủ điều, dạy nói, dạy hát, dạy học, dạy nô-đùa. My-Châu thích quá, không bỏ lỡ một chi-tiết nào. Nàng ao-ước được như thế. Rồi ngắm-nghi phận mình, nàng thở dài.

Trên bãi cát, rặng dừa đậm màu dần và gió chiều khua mấy tàu lá khô xào-xạt. Lũ trẻ sắp thành hàng theo sau cô gái, vừa đi vừa hát, khuất dần sau cồn cát khô. Trên trời, vài ngôi sao lấp lánh đã bắt đầu nhảy múa. My-Châu chờ cho đến khi cậu bé cuối cùng biến thành chấm đen tan hẳn trong lớp sương chiều mới rời khỏi chỗ trú-ẩn, lội nhanh về thủy-cung.

oOo

Kể từ ngày hôm đó, không có hôm nào My-Châu vắng mặt. Mồm đá nàng nấp đằng sau đã nhả cả rong rêu. Vốn thông minh, nàng học thuộc được các bài hát và tiếng nói của lũ trẻ. Dần-dà, nàng theo dõi được câu chuyện giữa cô gái và lũ học trò. My-Châu khám phá ra trí khôn tuyệt vời của loài Người và ao-ước được nô-đùa và đùa dắt lũ trẻ. Có hôm, cô gái đưa lũ trẻ xuống nước. Chúng reo hò và lội bì-bòm một cá h vụng-về, khiến nàng muốn gào lên mà cười. Nàng tự nghĩ, sao chúng có thể vừa khôn vừa ngu như

vậy được. Nhưng cũng kể từ đó, nàng càng thương lũ trẻ hơn, xem như ruột thịt.

Một hôm, nàng đến chỗ nấp muợn. My-Châu nhìn lên bãi, thấy lũ trẻ ngồi thành hàng dài, mặt hướng ra khơi. Hôm nay, chúng buồn quá. Cô gái hôm nọ không thấy đến. My-Châu sốt ruột, nấp không yên sau gành đá. Nàng linh-cảm có việc gì xảy ra. Có lẽ là việc chẳng lành. Một lúc lâu sau, đứa bé lớn nhứt trong bọn đứng lên :

— Thôi mình về. Cô không tới đâu.

Một đứa khác chép miệng.

— Má nói ghe chìm, cô đi luôn rồi.

— Không, cô phải về với bọn mình chứ!

— Mình chờ cô chút nữa đi.

Cả bọn cãi nhau. Hy-vọng, thất-vọng, niềm tin, niềm nhớ hòa lẫn vào nhau càng khiến cho My-Châu lo sợ. Nàng lờ-mờ đoán rằng cô gái hôm nọ — cô-giáo của bọn trẻ — đã đi ra khơi, và bị nạn, không biết như thế nào. Lũ trẻ bơ-vơ một lúc rồi cùng đi vào xóm.

My-Châu trần-trọc cả đêm hôm đó. Nàng nghi-ngợi nhiều lắm. Nàng thương lũ trẻ, nàng buồn cho phận mình. Rồi nàng thiếp đi. Trong giấc mộng, nàng thấy mình dắt lũ trẻ đi trên bãi cát, múa hát, vui đùa. Nàng dạy chúng vẽ bình thủy-vật trên cát ướt. Nàng giúp chúng tìm ốc, tìm ngao. Và nàng dạy chúng bơi lội nữa. Khi tỉnh dậy, một ý nghĩ táo-bạo đến với nàng.

Điềm-trang xong, nàng đến ngay nhà của vị ngự-y già nhất của hoàng-cung, người đã từng cứu nàng thoát chết. Nàng thổ-lộ ước-vọng của mình đến

đu - dặt lũ trẻ. Vị ngự-y từ chối ngay, một là sợ oai quyền của vua cha, sau là sợ tài mình không được toàn vẹn như xưa. Nhưng My-Châu vẫn nài mãi, khóc lóc suốt ngày. Cuối cùng, vị ngự-y xiêu lòng, ngọt-ngào bảo nàng :

— Ta coi con như con ruột thịt của ta, nên cầm lòng không đậu. Việc cải hình nguy-hiểm lắm. Nếu ta xẻ vây con làm thành hai tay và đuôi con thành đôi chân, con sẽ thấy hậu-quả. Mỗi cử-động của tay con sẽ khiến con nhức buốt khôn lường. Mỗi bước đi của chân con sẽ làm gót rỉ máu. Mỗi tiếng hát, tiếng nói sẽ khiến cho phổi con kết-tinh dần thành pha-lê. Con sẽ không còn sống bao lâu nữa. Có thuận như vậy thì ta chữa cho.

My-Châu cái đầu suy-nghi. Hình ảnh mấy nét mặt thơ-ngây buồn đau đau trước chân sóng rì-rào làm cho nàng mủi lòng. Một lúc lâu, ngược mắt lên nhìn vị y-sư, nàng se-se gật đầu.

oOo

Bọn trẻ vẫn ngồi thừ dưới rặng dừa rợp bóng. My-Châu đã đến từ lâu, nhưng vẫn chưa rời chỗ nấp vội. Nàng không biết sẽ ra sao khi nàng đến với chúng. Ngộp quá! Cuối cùng, nàng cất tiếng hát bài quen thuộc nhất mà cô giáo thường hát cho chúng nghe, mỗi khi vừa đến bãi cát. Bọn trẻ vừa nghe thấy, đồ-xô ra sát bờ nước và reo-hò inh-ỏi. Cái vui mừng của tuổi trẻ bao giờ cũng chân thành, nó khiến cho My-Châu bạo dạn hẳn lên.

— Cô đã về đây các em ơi!

Rồi nàng đứng lên. Một cảm giác nhức buốt truyền khắp thân thể nàng, và nước chung quanh chân nàng vẫn

lên màu hồng nhạt. My-Châu biết lời vị y-sư đã thành sự thật. Nhưng chẳng biết có mãnh-lực nào thúc đẩy, nàng tươi-cười chạy nhanh lên bãi cát. Bọn trẻ tíu-ta tíu-tít hỏi thăm. Nàng phải bịa đủ thứ chuyện và hẹn chúng mỗi ngày đến nô-đùa và học hành với nàng như thường lệ.

Buổi sáng hôm đó, nàng dạy hát, múa, hăng-hái đến nỗi quên cả đau, quên cả những giọt máu ở gót chân tung tóe khắp bãi. Chưa bao giờ nàng được sung-sướng như vậy. Chưa bao giờ nàng thấy yêu đời như vậy, yêu đời trong lúc vẫn biết đời bị rút ngắn dần từ giây, từ phút một.

Cho đến khi tiễn bọn trẻ vào xóm rồi, nàng mới nhòai người xuống nước, lướt sóng về thâm-cung. Đêm hôm ấy nàng cảm thấy mệt khôn tả, thân thể như nướn nứt rạn khắp nơi. Về đến phòng riêng, nàng vật người xuống giường thiếp đi lúc nào không biết.

Đến sáng hôm sau, My-Châu trở dậy và khăn gói lên đường. Nàng sung-sướng không kém gì ngày qua và vẫn nôn nao đến với mấy cậu bé, cô bé..... Một ngày nữa qua, một ngày thứ ba cũng qua êm đẹp, trong khung-cảnh màu hồng của bãi thùy-dương. My-Châu ao-ước được như thế mãi. Gia-đình đối với nàng, chỉ ở nơi nào có quả tim chân-thật. Bây giờ nàng có biết bao nhiêu quả tim trong trắng thơ-ngây, còn gì hạnh-phúc bằng.

oOo

Buổi sáng hôm đó, trời đẹp lắm. My-Châu lướt sóng vào nơi hẹn. Từ xa nàng đã thấy lũ trẻ, nhưng sao lại có bóng những tên thợ-câu vạm-vỡ, mặt mày hung-ác đang chạy lao-xao trên bãi

Linh-tính cho nàng biết có việc chẳng lành sắp đến. Nàng nhanh nhẹn rẽ sóng, định vào chỗ nấp cũ. Bỗng nhiên từ phía sau, một mũi ghe nhỏ đến và có tiếng reo tỏ mở :

— A! Nhân-ngư, nó đây rồi! Bắt lấy! Bắt lấy.

My Châu biết có biến, vội lặn ngay. Nhưng khốn thay, giờ đây nàng không còn đuôi, không còn vây nữa. Nàng chỉ là một cô gái yếu-đuối. Số mạng của nàng thật là như chỉ mảnh treo chuông. Nàng nhào người ra khỏi và bắt đầu lộn đi. Nhưng đoàn người hung ác vẫn đuổi nà theo sau, reo hò tỏ-mở. Chúng phóng ra từng loạt móc sắt, hươi từng loạt dao. My-Châu vẫn cố sức, vẫn cố kéo dài khoảng cách, cho đến lúc nàng cảm thấy đau nhói trên lưng. Biết mình đã bị móc câu, nàng nhào người lặn xuống nước.

Máu cuộn lên từng quầng đỏ thẫm, loáng-loáng dưới bầu trời chết-chóc.

My-Châu biết không thoát được, bèn quay lộn vào chỗ nấp thường ngày. Nàng đến nơi, kiệt sức hẳn. Hình ảnh lũ trẻ chạy tung-tăng trên bãi cát trắng hiện rõ ràng như một bức tranh diêm-ảo. Nàng ngược mặt lên nhìn chúng một lần cuối cùng, rồi gối đầu vào gành đá cất tiếng hát, bài hát quen thuộc đầu tiên khi nàng đến với chúng. Bọn lưới cá vừa đổ-xô đến. Nhưng lạ thay, tiếng hát vui tươi đã làm họ đứng dừng lại, kinh-ngạc. Trước mắt họ, một người con gái có suối tóc đen dài, có khuôn mặt hiền hòa đang cất giọng lạnh-lãnh, như khinh thường, như ngạo-nghe. Từ đầu đến chân, máu nhuộm khắp nơi.

Trên bãi cát, lũ trẻ reo hò vui-vẻ như chẳng có việc gì xảy ra :

A! Cô đến rồi! Cô đến rồi!

My-Châu sung-sướng mím cười. Nàng ngưng hát, hài lòng và từ từ chìm xuống đáy nước.

TRẦN-KIM-THẠCH

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

AN TIÊM ĐÃ PHÁT HÀNH

H O A N Ắ N G

Thơ của Thi vũ

...Trong ba tập thơ, tôi thích nhất tập « Hoa Nắng ». Đó là một tập của văn thi (poème en prose), giàu hình ảnh, giàu âm nhạc, chứa đựng bao kỷ niệm suy tư của con người đã từng thiền định về các kinh nghiệm sống, từng đối thoại với tâm hồn...

QUÁCH TẤN

ĐÓN ĐỌC :

TƯ TƯỞNG

- bộ mới năm thứ ba
- số 1 phát hành ngày 1-5-70
- *Chủ-nhiệm, Chủ-bút :*
T. T. THÍCH MINH-CHÂU
- *Chủ-đề :* **CHÚNG TA CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC GÌ CHO QUÊ HƯƠNG ???**
- *Gồm các bài của :* ngôtrọnganh — thíchminhchâu kimđịnh — thíchquảngđộ thạchtrunggiả — tuệ sỹ phạmcôngthiện — tônthấtthiện nguyễndăngthục — thíchtrítinh thíchnguyêntánh.

108 trang giá 6 0 đ.

CHẾT CÒN SƯƠNG HƠN !!

Nếu bạn là người :

— Đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp ? — đã từng sống chết, chiến đấu với Việt Minh ? — là người có cảm tình hoặc đang hoạt động cho M.T.G.P.M.N. ? — là người chống cộng triệt để, một mất một còn ?...

... Thì ... các bạn sẽ hối tiếc một đời nếu chưa đọc được thiên hồi-ký :

BÓNG TỐI ĐI QUA

(Tức 1.287 ngày trong Bộ Chỉ-Huy tối cao
MT DT GP(MN))

của **KIM-NHẬT**

HOA-ĐĂNG in

- Sách đã phát hành toàn quốc.
- Đặt bán tại **LÊ-LỢI THU-QUÁN** quán số 30 Lê-Lợi Saigon. Đặc biệt dành cho các bạn chơi sách, một số ấn phẩm có chữ ký và triện son của tác giả.

MỘT VÀI NHẬN XÉT VÀ KỶ NIỆM VỀ

Norodom SIHANOUK

(Tiếp theo trang 18)

Tại Paris, đã có lần Norodom Sihanouk ngộ ý hội-kiến với cố Tổng-thống Vincent Auriol, nhưng cố Tổng-thống rất tiếc không thể tiếp, vì lý-do... công vụ bôn-bề. Một lần khác, phi-cơ của Norodom Sihanouk hạ cánh tại Nice, thuộc miền Nam nước Pháp. Vì tin chậm, vì ngộ-nhận, hay vì một lý-do gì khác không ai biết, không một nhân-vật cao-cấp địa-phương nào đã đón-chào tại phi trường...

Một lần khác nữa, Ngoại-trưởng Pháp Couve de Murville sau khi tham dự hội-ng nghị tại Bangkok, đã qua Siemréap du-lich Đế-Thiên Đế-Thích. Sứ-quán Pháp tại Phnom Penh nhận chỉ-thị báo tin này cho văn-phòng bí-thư Quốc-trưởng Norodom Sihanouk. Thế là một số nhân-vật và báo-chí Cam-bốt phẫn bình và phản-ứng. Rất có thể một số các bài báo là do chính Norodom Sihanouk viết, hay cho chỉ-thị, ý-kiến hay tài-liệu, để viết

"Ô. Couve de Murville quên rằng tình-thế đã đổi thay, và ngày nay không còn là hoàng-kim thời-đại của chế-độ thuộc-địa hay bảo-hộ lỗi-thời. Thật không ngờ nhân-vật lãnh-đạo nền ngoại-giao của một quốc-gia có tập-quán và truyền-thống như nước Pháp, lại có thể sơ-hở và lầm-lỗi đến thế! Ngoại-trưởng Pháp muốn bệ-kiến Quốc-trưởng Cam-bốt tại Phnom-Penh ư? Có thể được. Nhưng còn Quốc-trưởng di-chuyến tới Siemréap, thì quốc-thê Cam-bốt không cho phép một hành-động như vậy được thực-hiện. Xin Ô. Couve de Murville đừng ngộ-nhận ông đang đi kinh-lý, và Cam-bốt là một bộ-lạc Hắc-Phi..."

(Về sau, các nhân-viên ngoại-giao trả dư tửu hậu, đã bình-luận về câu chuyện hấp-dẫn này. Nhân-viên Sứ-quán Pháp tâm-sự: khi nhận chỉ-thị, chúng tôi biết trước là sẽ bị "hố", mà vẫn phải tuân-hành. Chúng tôi không thông-tin chánh-thức và long-trọng, mà chỉ loan-tin bán chánh thức, theo đường lối thân-tình. Không ngờ phản-ứng còn ưanh đến như vậy...

Mặt khác, một số nhân-viên ngoại-giao nhận-xét: Norodom Sihanouk hay các bày-tôi của ông, khi phản-ứng mạnh mẽ như thế, có thể có lý phần nào, mặc dù vẫn có phần nào ngộ-nhận, quá-khích hay mặc-cảm. Nhưng ý-kiến sau cùng "đừng ngộ-nhận Cam-bốt là một bộ-lạc Hắc-Phi", thì thật... quá đáng! Norodom Sihanouk thực đã thị-kỳ và... kỳ - thị quá! Tại sao và nhân - danh gì lại tự-tôn và ngạo-mạn nhắc tới các bộ-lạc Hắc-Phi? (tribu, petit pays quelconque de l'Afrique noire...) Nếu khi đó có ai ác-ý, khai-thác và làm to câu chuyện, Cam-bốt rất có thể mất hết cảm-tình của các nước Hắc-Phi. Nhưng rồi sau cũng không ai đề ý, và câu chuyện lần trôi vào quên-lãng.)

Các nhà quan-sát ngoại-quốc tại Cam-bốt trong thời-đại vàng son của Norodom Sihanouk, chắc không quên mấy câu chuyện lý-thú khác sau đây.

Cam-bốt nhận viện-trợ quân-sự của Hoa-kỳ. Một hôm, Norodom Sihanouk tiếp-kiến Đại-sứ Hoa-kỳ. Hàng mấy năm sau nhân gặp một việc gì tức-bực, ông liên-tưởng tới buổi tiếp kiến này rồi mỉa - mai nhắc lại chuyện xưa, đã có lần "nhận được chỉ-thị là võ - khí Hoa - kỳ góp phần vào công-cuộc bảo-

vệ an-ninh công-cộng nội-bộ, không được đem xử-dụng đối với quân-đội các quốc-gia bạn nơi biên-giới...»

Hoa-Kỳ hứa viện-trợ nhà thương, trường học. Vấn-đề còn phải thảo-luận và chờ quốc-hội chuẩn-y ngân-khoản. Chờ lâu nóng ruột, Norodom Sihanouk, nhân một chuyến công-du tại Nga, yêu-cầu Nga viện-trợ thay...

Các quốc gia cả hữu lẫn tả, thi đua viện-trợ cho Cam-bốt. Đặc-biệt là các quốc - gia trung - lập, cộng-sản và xã-hội: trường học, nhà thương, nhà máy... Viện-trợ không điều-kiện trên nguyên-tắc. Và chỉ mãi sau này, người ta mới nhận thấy hiểm-họa của cái nguyên-tắc «không điều-kiện» đó, lại chính là điều - kiện tất - yếu để các chủ-nghĩa và lý-thuyết ngoại-lai xâm-nhập lãnh-thổ Cam-bốt, lần lần và chắc-chắn như một vết dầu loang, không ai ngăn-cản vì chẳng ai lưu ý.

Bắc-Việt bán than và xi-măng cho Cam-bốt, giá thật hạ. Bắc-Việt mua cây của Cam-bốt, giá thật cao. Thì ra trong hiệp-định mệnh-danh thương-mại, đã vô-tình hay hữu-ý có gieo mầm chính-trị. Cũng như một số nhân-vật Cam-bốt bị mua chuộc, có quyền-lợi trong các tổ-chức vận-tải từ Sihanouk-ville tới các mật-khu...

oOo

Bây giờ đến lúc chúng ta nêu câu hỏi: Norodom Sihanouk có được dân chúng sùng-bái và hậu-thuần không? Mà nếu có thì tại sao có thể bị «hạ-bệ» nhanh chóng và bi-đát như vậy.

Ngày 10-1-70, ông tới Pháp chữa bệnh, dự-định chữa bệnh xong, sẽ công-du Nga-sô và Trung-Cộng. Ngày 11-3-70, biểu-tình tại Phnom-Penh tàn-phá hai sứ-quán Bắc-Việt và Việt-Cộng. Ngày 18-3-70, ông bị Quốc-hội và Hội-đồng

Hoàng-gia đồng-thanh truất-phế... Những sự-kiện dồn-dập, nhanh-chóng, diễn-tiến hồi-hộp như một cuốn phim trình-thám. Ông tuyên-bố rút ngắn thời-gian vắng mặt, hoãn cuộc công-du Nga-sô và Trung-Cộng tới một ngày khác thuận-tiện hơn. Nhưng sau, đổi ý-kiến ông lại vẫn tiếp-tục chương-trình như đã định. Từ-biệt các nhân-vật Nga-sô, ông còn là thượng-khách, là Quốc-trưởng.

Tới Bắc-kinh, ông chỉ còn là một tên phản-bội. Phản-bội đối với «thần-dân» của ông vừa mới hạ bệ ông! Chớ còn đối với các nhà lãnh-đạo «nhân dân Trung-Hoa vĩ-đại và anh em» Norodom Sihanouk vẫn là «Quốc-trưởng Cam-bốt, thượng-khách của Chánh-phủ và nhân-dân Trung-quốc.

Khách-quan mà suy-ngẫm, tội cuộc đời thay trong cuộc sống, vợ bỏ chồng, trò hủi thầy, em phản anh, không phải ngẫu-nhiên mà có. Thảm-trạng tất đã manh-nha từ lâu, bắt nguồn từ những sự-kiện đáng tiế: nhiều hay ít, dần dần súc-tích mà gây nên vậ. Huống-hồ là một cuộc truất-phế, mà lại truất-phế Norodom Sihanouk, một nhân-vật đặc-biệt đã từng thủ những vai trò quan-trọng trên sân khấu chánh-trị Cam-bốt và quốc-tế, từ ba chục năm trời... Chúng ta có thể vắn-tắt nhận-xét: không phải nhất đán mà nên, cuộc đảo-chánh tại Phnom-Penh là hậu-quả của chánh-sách Norodom Sihanouk trong mấy năm cuối cùng vừa qua, vì đã dần dần đưa quốc-gia tới bên bờ vực thẳm và đồng-thời làm mất hết cảm-tình của giới trí-thức và tư-bản. Nhất là thanh-niên hăng-hái, thừa nhựa sống và giàu lý-tưởng ..

Nhưng trước đó, dù có thương hay ghét Norodom Sihanouk, người khách bàng-quang phải công-nhận ông là một nhân-vật siêu-phàm, là thần-tượng đối với

đại đa-số người dân Cam-bốt nhất là tại các nơi thôn-dã, thuần-lương, chất-phác.

Phải theo dõi những hoạt-động của ông, đi sát với ông, nhân một vài cuộc kinh-lý từ thành-thị tới thôn-quê, mới nhận chân được phần nào. Norodom Sihanouk đã có lần tuyên-bố : « Tôi biết rõ đất nước tôi từng gang tấc... » (Je connais mon pays par centimètres carrés). Lời nói kẻ không ngoa. Sau khi chủ tọa (với tính-cách danh-dự) một buổi trình luận-án y-khoa tại Phnom-Penh, ông đáp trực-thăng đi quan-sát một công-tác kiến-trúc đang tiến-hành tại miền Sihanoukville, đề rồi vài ngày sau, báo-chí lại loan t. n ông cắt băng khánh-thành một phòng thăm bệnh, phát thuốc, nhũn-nhận, đơn-sơ, tại một quận-ly bé nhỏ, quạnh-hiu và bụi-bặm...

Người dân Cam-bốt kêu ông là « Samdech Euv » ngụ-ý kính-cần tôn-sùng (vì ông là tước-vị tột-bực trong Vương-quốc), mà đồng thời vẫn thân-tình triu-mến (coi ông như cha đẻ..). Đi đến đâu ông cũng cố tìm cách nói một đôi lời: ông nói tiếng nói của người dân, mộc-mạc, dễ hiểu, nghĩa là đứng trên, hay ít ra cũng đứng ngoài những khuôn-khò văn-chương khách-sáo, chỉ thịnh-hành trong giới thượng-lưu. Có lẽ viết « nói một đôi lời » như trên đây, không đúng. Vì ông nói rất nhiều, rất dài, và rất lâu... Có khi hàng giờ mà không biết mệt. Tôi đã có dịp nghe ông nói, và đọc trên khuôn mặt các « thần dân » của ông đủ mọi vẻ vui buồn biều-lộ đồng-loạt và hồn-nhiên, tùy theo giọng ông lên xuống... Có khi ông đi thăm như vậy, còn mang theo vài hay sửa đề phân-phát cho « con, cháu ». Và ai nấy xúm quanh ông để nhận quà và đề

được ông sờ mó vào tay, vào người, như vậy sẽ được hên, được phước...

Có lần, ông đi công-du trở về, phi-trường Pochentong như mở hội. Từ trên phi-cơ xuống, Norodom Sihanouk đáp lễ Ngoại-giao-đoàn và các chức-vị quốc-gia cao-cấp đón chào. Xong, ông đi thăm các đoàn-thể thanh-niên, dân-chúng, nghĩa là các « con cháu » của ông. Hàng ngàn người cung-kính, một chân đứng gập hình chữ « ngũ », một chân quỳ chạm đất, chấp tay chào. Ông đi đến đâu, đầu cúi đến đó; ông đi qua, đầu lại ngửng lên. Khung cảnh chẳng khác một thửa ruộng mạ, Norodom Sihanouk lướt qua như gió thổi : gió đến đâu, cây mạ nghiêng đến đó ; gió qua đi, cây mạ lại nhất tề đứng thẳng... Cử-chỉ bị coi như phong - kiến, trong khi Norodom Sihanouk luôn luôn tuyên-bố mình dân-chủ. Đã có một số ký-giả ngoại-quốc phỏng-vấn (hay chất-vấn) ông. Và ông trả lời : « Tôi không thể làm gì hơn và khác được. Tôi đã căn-dặn ai nấy đừng quỳ, đừng cúi, nhưng chẳng ai chịu nghe tôi... »

Cho đến cách đây mấy năm, đối với đại đa-số dân-chúng Cam-bốt, nhất là đối với các dân quê ít học, Norodom Sihanouk còn là cha đẻ của nền độc-lập quốc-gia, là hình-ảnh của hòa-bình (trong khi chiến-tranh tàn-phá Việt-Nam và Ai-lao), là đồng nghĩa với cơm noá o ấm, với hải-cảng Sihanoukville, với xa-lộ và thiết-lộ Phnom Penh / Sihanoukville, với các nhà trường, nhà thương, đường-xá... về phương-diện đối nội ; và uy-tín quốc-gia trong cộng-đồng quốc-tế... về phương-diện đối ngoại...

Nhưng kể từ tháng 4 năm 1967, hoạt-động Cộng-sản gây xáo-trộn tại Battambang, tình-thế trở nên mỗi ngày

thêm đen tối. Norodom Sihanouk như làm trò «xêc», đi trên dây căng thẳng, chỉ một chút vô-tình sơ-y là tức khắc người bị rơi, hay dây bị đứt. Đàn-áp Cộng-sản, ông bị phe Cộng diềm mặt. Trong khi các phần-tử phe hữu bắt đầu lo-âu và bất-nhân về chính sách của ông! Ngoài ra, còn biết bao nhiêu bất-bình công-phần, chông-chặt từ nhiều năm tháng.. Bây giờ chúng ta hiểu tại sao trong những năm 1978/79, nội-các thay-đổi tới bốn, năm lần. Và các ông Lon Nol, Sirik Matak, Penn Nouth, Norodom Sihanouk thay phiên ghi tên trên «chương-trình... nghị-sự»!

Đi-ngoại, Norodom Sihanouk dùng khối này để làm áp-lực khối kia; nước này đả-đấu với nước nọ. Đối nội, ông áp-dụng chính-sách chia để trị.

Dân-chúng Cam-bốt chất-phác, cả tin, đã vậy đối với chế-độ quân-chủ, trong lòng vẫn rặng một niềm tôn-thờ thiên-tử. Norodom Sihanouk từ bỏ ngai vàng, mà vẫn làm vua trong tâm-hồn của từng người dân quê, mà ông vẫn coi như «con, cháu». Tiếng «con, cháu» đây, thiết nghĩ còn sâu-đậm hơn danh-từ «thần-tử». Mặt khác, ông lấy lòng giới sư-sãi. Toàn thể thần dân quì gối, chấp tay, cúi đầu, khi đón chào ông: riêng ông, tuy không quì gối nhưng ông chỉ cúi đầu, chấp tay, nghiêng mình, trước một giới là sư-sãi.. Ông đã biết khéo-léo đầu-tư cái vốn-liếng hậu-thuần đó trên bình diện quốc-gia cũng như quốc-tế, đối nội cũng như đối ngoại.

Ông tuyên-bố với chính-khách ngoại quốc:

— Cũng may là tại Cam-bốt, không

có đổi-lập... Dân-tộc Cam-bốt muốn người như một..

Sự thực, ông không chấp-nhận đổi-lập. Ông đã loại đổi-lập bằng một thủ-tục khéo-léo, một chiến-lược tế-nhị.

Có những phần-tử đổi-lập, ông bèn giao-phó trọng-trách không phải vì tín-nhiệm, nhưng ông giao-phó trọng-trách đồng-thời gây trở-ngại, để cho tiêu sự-nghiệp.. Đã nhiều lần, ông tạo khó-khăn, rồi ông xuất-ngoại, khiến các cộng-sự-viên bối rối.. Ông trở về, ông giả-quyết các vấn-đề. Và cơn khủng-hoảng qua đi, uy-danh của ông càng thêm nổi như cồn, trong khi chút uy-tín còn lại của nhân-viên cộng-sự thêm lu-mờ, mai-một... Giới kinh-tài không có môi-trường hoạt-động nên không đủ lợi-tức, mà vẫn phải đóng thuế. Những cơ-quan quốc-doanh không sản-xuất theo mức dự-trù. Các thanh-niên trí-thức có cảm-tưởng (hay đúng ra nhận-xét) bị bỏ rơi, lừa dối, coi thường

Giữa lúc đó, những tin được tung ra: Việt-Cộng có từ 40 000 tới 60 000 quân đồn-trú trên lãnh-tô Cam-bốt so với quân-đội chính-cống Cam-bốt được trên dưới 30.000 người. Mối nguy thật rõ-rệt. Mây mù đã bao phủ chân trời. Gió bão tới lúc nào không biết.. Trong khi ông không ngớt tuyên-bố Cam-bốt trung-lập! Và như vậy có nghĩa là ông đã phụ lòng nếu chưa muốn nói là lừa dối quốc-dân.

Các ông Lon Nol, Sirik Matak... không phải ngày nay mới bỗng dưng và bắt đầu chống-đối Norodom Sihanouk. Vì vậy, có người nêu câu hỏi: tại sao Norodom Sihanouk lại chấp-nhận họ trong hàng-ngũ mình? Câu

trả lời đã được ghi ở trên đây: chấp-nhận họ trong hàng-ngũ để dễ kiểm-soát, chấp-nhận làm cộng-sự-viên để cho tiêu sự-nghiệp!.. Nhưng thế cờ đã đổi thay, so với buổi đầu dàn trận.

Với những yếu-tố và nhận-xét như vậy, đã có người nêu lên giả-thuyết: rất có thể cuộc biểu-tình ngày 11/3 là do chính Norodom Sihanouk chủ-trương. Không ngờ diễn-tiến đã khác hẳn với chương-trình dự-liệu, để dẫn tới vụ truất-phế ngày 18/3...

Nhưng Norodom Sihanouk chưa hẳn chịu thua. Sau khi tuyên-bố tự biết mình « đã thuộc về dĩ-vãng » và nên dành chỗ cho các phần-tử cấp-tiến tiếp-tục

lo việc nước, ông lại hoạt-động, những mong lật lại tình-thế.

Nếu Norodom Sihanouk thành-công, với sự hỗ-trợ của Nga-sô, Trung-cộng, Bắc-Việt và Việt-cộng: như vậy có nghĩa là *Cam-bốt sẽ thiên hẳn về phía Cộng-sản.*

Còn nếu Norodom Sihanouk thất-bại (Lon Nol, Sirik Matak tiếp tục cầm-quyền): như vậy có nghĩa là *Cam-bốt sẽ trung-lập thực-sự*, trái với nền trung lập trắng trợn thiên tả của Norodom Sihanouk trước đây.

Chúng ta hãy chờ, xem....

(Còn tiếp một kỳ)

PHẠM TRỌNG NHÂN

Tin... THƠ ĐIÊN (... THỨ TẠIỆT)

Cho Bạn hay rằng tập « thơ-không-tình » này đang in, thì đó là một chuyện thường. Nhưng trong việc in thơ này, có sự khác thường cần cho Bạn biết là Nhóm thực hiện nó cố ý cho in... sai chánh tả một ít chữ để Bạn tìm chơi mà có thể được thiết một món quà văn chương đặc biệt (mời Bạn đón xem « THƠ ĐIÊN » để biết rõ hơn).

KI - GOB - JÓ - CÌ ...

do bác sĩ Nguyễn-Tuấn-Anh, Dưỡng trí viện Biên Hòa

ĐÃ PHÁT HÀNH TOÀN QUỐC SAU NHIỀU KHÓ KHĂN

TÙY BÚT MAI THẢO

(Tác phẩm đề đời của một nhà văn hàng đầu miền Nam hiện nay)

KHAI PHÓNG xuất bản — **GIÁ** hy sinh chống Kiệm Ước

Bản đặc biệt với chữ ký của tác giả có bán tại 2 địa điểm:

— Quán sách Thống Nhất (trước cửa nhà hàng Kim-Son, ngã tư Nguyễn Trung Trực và Lê Lợi).

— Quán sách Duyên Anh (lầu 1 Crystal Palace).

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây, và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Hát bội của Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng** : do Nam Chi tùng thư xuất bản và gửi tặng. Sách khảo cứu rất tường tận, về ngành Hát bội ở Việt-nam, dày 562 trang gồm 2 phần Pháp ngữ và Việt ngữ, mỗi phần trình bày từ nguồn gốc, cách bố trí đến kỹ thuật, diễn viên và tương lai Hát bội; có nhiều phụ bản về nhạc khí, y quan và hình hài in màu rất đẹp và có ghi lại trọn vẹn 2 tuồng hát bội: San Hậu và Bá-Ấp Khảo. Giá 1000đ.

— **Hội hè đình đám** (quyển thượng) của Toan Ánh, do Nam Chi tùng thư xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang nằm trong bộ "Nếp cũ" của tác giả, gồm 2 chương lớn: Hội hè về kỷ niệm lịch sử (từ Giỗ trận Đống Đa đến Hội đền Hùng, Hội Gióng v.v... và Hội hè về Tôn-giáo (từ Hội Chùa Hương, Hội Phủ giầy đến Phật Giáo Hòa Hảo và Hội hè của Thiên-Chúa-giáo) Giá 300đ.

— **Vấn-đề đối-lập chính-trị** của Nguyễn-Tiến-Hỷ, tủ sách Dân-tự-tiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang trình bày từ đối lập nói chung đến đối lập ở Việt-nam, những sai lầm, nguyên nhân sai lầm v.v... đến cách thực hiện và trường hợp thực hiện đối lập. Giá 145đ.

— **Từ thực-dân địa đến quốc-gia vô-sản**, nguyên tác của Yves Lacoste, bản dịch của Nguyễn Văn Lân, Việt Chiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày 160 trang gồm 5 chương với Lời giới-thiệu của Vũ Tài Lục. Giá 170đ.

— **Một giải pháp Hòa-bình cho Việt-Nam và Thế-giới** của Lê Lộc do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 30 trang gồm nhiều bài báo và trả lời cuộc phỏng vấn. Giá 40đ.

— **Yêu trong kỷ-niệm tập thơ của Anh-Vũ** do Cơ sở Phương Hoàng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 90 trang gồm trên bốn chục bài thơ cùng nhiều phụ bản của Nam Thanh, Lê Thanh, Duy Thanh v.v... Bản đặc biệt. Giá 160đ.

— **Nhập - môn Hiệp - khí - đạo** nguyên tác của Koichi Tohei, Võ sư trưởng tại Nhật-bản; bản dịch của Lạc Hà và Phan Chấn Thanh, do Tủ-sách Võ Thuật xuất bản và Nguyệt san Võ Thuật gửi tặng. Sách dày trên 160 trang gồm lý thuyết và những đòn thế Hiệp-khí-đạo cùng rất nhiều hình ảnh và các hình vẽ về đòn thế. Giá 160đ.

— **Buồn vui đời lính** tập 3 mang tên "Quê hương khói lửa" trong bộ Trường-giang tiểu thuyết của Võ Hữu Hạnh, do Hoa-Đặng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 206 trang. Giá 180đ.

— **Tùy bút Mai-Thảo** của Mai-Thảo do Khai-Phóng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 224 trang, trình bày rất trang nhã, bìa của Hồ-Thành Đức. Ấn bản đặc-biệt. Giá 500đ.

— **Tinh-hoa và sự phát-triển của đạo Phật** nguyên tác của Edward Conze, Tựa của Arthur Walen, bản dịch của Chân Pháp Nguyễn Hữu Hiệu, T.T. Thích Minh Châu giới thiệu, Ban Tu-thư Viện Đại-học Vạn-Hạnh xuất bản và dịch giả gửi tặng. Một tác-phẩm giá trị cần cho người muốn nghiên-cứu Phật-học. Dày 380 trang có phụ lục: "Những niên-dại chính của Phật-giáo-sử" Giá 300đ

— **Việt-sử : Xứ Đàng Trong (1558-1777)** của Phan-Khoang, do Khai Trí xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 690 trang sưu khảo công phu về cuộc Nam-tiến của dân tộc Việt Nam, gồm 4 chương từ Thuận, Quảng trước khi Nguyễn-Hoàng trấn thủ đến các Chúa Nguyễn, và công cuộc Bắc cự, Nam tiến, tổ chức chính quyền và sinh hoạt nhân dân. Giá 500đ.

Thời-sự Thế-giới

T Û - T R I

Trong những tuần vừa qua Đông-Nam-Á vẫn giữ một tầm quan trọng trong tình hình chính trị thế-giới. Với các cuộc tấn công của Cộng-sản ở Lào và chính-biến ở Miên các giới hữu-trách trên thế-giới đang cố gắng đi tìm một đường lối có lợi cho họ mà cũng không mở rộng chiến-tranh.

Tại Âu-châu sau khi trả giá gay go, hai Thủ tướng Đông và Tây Đức đã gặp nhau ở Erfurt. Tuy cuộc gặp gỡ này không mang lại được một kết quả nào đáng kể nhưng nó đã mở màn cho một giai đoạn mới trong tình trạng giải tỏa căng thẳng giữa hai khối Đông-Tây.

Tại Trung-Đông các cuộc đụng độ vẫn xảy ra thường xuyên giữa Ả Rập và Do-Thái và phần thắng lợi, như thường lệ, vẫn ngã về Do-Thái. Tuy nhiên Do-Thái vừa chịu một thất bại ngoại giao vì Mỹ quyết định không bán máy bay quân-sự cho họ.

Cuộc gặp gỡ Erfurt

Sau bao ngày bàn cãi và mặc cả, Tây Đức và Đông Đức đã thỏa thuận để ông Willy Brandt và ông Willy Stoph gặp nhau ở Erfurt. Như vậy ông Willy Brandt không bắt buộc qua Bá-linh vì nếu qua Bá-linh thì ông Brandt sẽ phải dừng lại ở Tây Bá-Linh, như vậy có nghĩa là chính phủ Tây-Đức đòi chủ quyền của mình ở Bá-linh.

Thành phố Erfurt tuy là một thành phố nhỏ nhưng nó đã có nhiều giá trị lịch sử tượng trưng. Trước hết là vào đầu thế-kỷ thứ 19 Hoàng-đế Pháp Napoléon I đã hội kiến với Hoàng-đế Nga Alexandre để đặt nền móng cho một liên-minh giữa hai lực lượng Đông-Tây thù nghịch. Sau đó cũng vào thế-kỷ thứ 19 các tiểu vương của các quốc-gia Đức đã họp đại-hội để tính chuyện thống nhất nước Đức.

Với cuộc hội-kiến của hai ông Willy người ta nhằm cả hai mục-đích là thân-hữu Đông-Tây và thống-nhất hai nước Đức.

Đây là lần đầu tiên mà hai nhà lãnh đạo của hai quốc-gia Đức gặp nhau từ khi hai quốc-gia này được thiết lập. Nhưng khi gặp nhau cả hai bên đều không đưa ra được một đề-nghị nào mới lạ mà chỉ lập lại những luận điệu đã từng nêu ra nhiều lần. Đông-Đức yêu cầu ông Brandt phải thừa nhận Đông-Đức như một quốc-gia có chủ quyền. Ngoài ra ông Stoph lại còn đòi Tây-Đức phải « bồi thường » cho Đông-Đức 270 triệu Mỹ-kim là trị giá các thiệt hại kinh-tế mà Tây-Đức đã gây ra cho Đông-Đức cho tới khi bức tường « ô nhục » được dựng lên.

Ông Brandt đã từ chối không chịu thừa nhận Đông-Đức, vì theo ông, Đức quốc không thể chia làm hai quốc-gia riêng biệt. Tuy nhiên ông hứa sẽ nghiên-cứu thủ-tục để coi Đông-Đức như một quốc-gia thực-tại (de facto). Trong buổi họp đầu tiên này người ta chỉ mới đi

tới một thỏa-thuận duy nhất là phiên-họp thứ hai sẽ được tổ chức ngày 21-5-1970 tại Kassel trên lãnh thổ Tây-Đức.

Tuy nhiên cuộc hội kiến này đã có hai kết quả «bên lề hội nghị». Trước hết là tâm trạng của dân chúng Đông Đức đối với Tây-Đức nói riêng và với Tây-phương nói chung. Tuy chính quyền Pankov đã huy động một lực lượng cảnh sát khá quan trọng, nhưng dân chúng vẫn vượt qua được hàng rào cảnh sát để hoan hô ông Brandt. Họ luôn luôn cổ vũ «Willy! Willy!». Nhưng sau chợt nhớ rằng ông Stoph cũng có tên là Willi, nên để tránh sự hiểu lầm họ đã gào to hơn «Willy Brandt!». Sự đón tiếp nồng nhiệt của dân chúng Đông-Đức đã xác nhận rằng đường lối của ông Brandt là đúng đắn và trong tương lai ông Brandt sẽ kiên trì hơn trong cố gắng thống nhất nước Đức.

Kết quả thứ hai là cuộc hội đàm giữa các đại sứ của 4 quốc gia chiếm đóng Đức: Anh, Nga, Pháp, Mỹ tại Bá-linh. Có lẽ 4 quốc-gia này đã nghĩ tới hai cuộc hội-kiến lịch-sử tại Erfurt ngày trước, nên họ đã phải vội vã nhóm họp để bàn về vấn đề Bá-linh. Ba quốc gia Tây-phương đã từ nhiều năm nay yêu cầu Nga để cho dân Đông Bá-linh được tự do đi lại sang Tây Bá-linh mà không cần phải xin chiếu-khán đặc-biệt. Tuy các vấn-đề bàn cãi được giữ mật

nhưng người ta biết rằng Nga đã nhượng bộ nhiều. Có lẽ vì sợ rằng 2 quốc gia Đông và Tây-Đức liên kết với nhau sẽ có hại cho ảnh-hưởng của họ ở Trung-Đông mà tư cường đã cố gắng giải quyết mọi tranh chấp nhằm duy trì quyền lực của họ ở vùng này.

Tại Đông Nam Á người ta đang đi tìm một đường lối mới

Sau vụ đảo chánh ngày 18.3.1970 tại Cam-bốt và sau vụ phe Cộng-sản khởi sự tấn công Cánh-đồng-Chum ở Lào, cả Mỹ và các quốc-gia liên-liê tới chiến tranh Việt-Nam, đều cố gắng đi tìm một đường lối phù hợp với tình-trạng mới.

Thật vậy, trong khi các tân lãnh tụ Cam-bốt, bề ngoài vẫn còn trung lập, đang đi dần tới một chính sách chống Cộng, thì tại Lào, phe Cộng-sản đã chiếm Cánh-đồng-Chum, và các tỉnh Sam-Thong, Long-Cheng.

Cuộc chiến tranh tại Việt-Nam đang lan rộng ra khắp cả Đông-Dương. Nhiều lý do đã khiến người ta có cảm tưởng rằng tình hình năm 1954 lại tái diễn vào năm 1970.

Trước hết là thái độ của tân chính-thê Cam-bốt, Sau khi ông Lon Nol nắm chính quyền, để trấn-an các quốc-gia cộng-sản, chính phủ Cam-bốt đã tuyên bố giữ nguyên đường lối Trung-lập. Đồng thời ông Lon Nol cũng gửi thư xin lỗi

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Việt-cộng và Bắc-Việt về cuộc phá hoại các tòa Đại-sứ của họ. Hơn nữa, đề xic nhận chính sách Trung-lập của mình, ông còn không chịu thả một chiếc tàu thủy chở vũ khí của Hoa-kỳ bị Cam-bốt bắt giữ. Nhưng tình thế đã dần dần đẩy ông Lon Nol về phe chống Cộng. Để quân Bắc-Việt phải rút lui khỏi lãnh thổ Cam-bốt, chính phủ Nam Vang ra lệnh cấm Cộng-sản dùng hải-cảng Sihanoukville để chuyên chở vũ khí và lương thực. Thiếu vũ khí và lương thực, các lực lượng Cộng sản chỉ có một trong hai lối thoát, hoặc tràn vào Nam-Việt, hoặc tấn công Cam-bốt. Tràn vào Nam-việt là một điều nguy hiểm cho họ và các lực lượng Việt Mỹ đương đón đường tiêu diệt. Chỉ còn có một cách là tấn công Miên. Hơn nữa Thái-tử Sihanouk từ Bắc-Kinh đã kêu gọi lập Quân-đội giải-phóng để lật đổ chính-thể mới. Một vai vự biểu-tình ủng-hộ Sihanouk đã xảy ra. Nếu phe Sihanouk cấu kết với phe Cộng-sản thì ông Lon Nol sẽ phải đi tới đụng độ võ-trang với Cộng-sản. Quân đội Miên với 35.000 người, thiếu trang bị, sẽ khó lòng mà đối phó với phe Cộng-sản. Hậu quả là Mỹ sẽ phải can thiệp.

Tại Lào, người ta thấy cũng có những khuynh hướng tương tự. Sau khi thắng trận và chiếm được những vị trí chiến-lược quan trọng, Hoàng thân Souphanouvong đã gửi đại-diện tới Vientiane đề nghị thương-thuyết với anh của ông là Hoàng thân Souvana Phouma. Nhưng phe Cộng-sản ra điều kiện tiên-quyết là Souvana Phouma phải ngưng mọi cuộc oanh-tạc của Mỹ ở đường mòn Hồ-Chí-Minh, điều mà ông Phouma không thể chấp thuận được. Vì Mỹ ngưng oanh tạc tức là để cho Bắc-Việt tự do chuyển

vận quân đội chiếm Lào và tấn công Nam-Việt. Để mở đường vào Nam-Việt phe Cộng sản, ở đây cũng như ở Cam-bốt, bắt buộc phải tấn công Lào. Và Mỹ cũng sẽ phải đi tới can thiệp võ trang ở Lào.

Trước những biến chuyển này Ủy ban Ngoại-Giao Thượng-Viện Mỹ đã hỏi ông Richardson rằng ông Nixon có thể cam đoan là chỉ can thiệp nếu có sự chấp thuận của Thượng-Viện không? Ông Richardson đã cam kết như vậy, nhưng ông cho rằng nếu cần can-thiệp thì các lãnh tụ ở Thượng-Viện đồng ý là đủ rồi và Hành-pháp sẽ không cần xin biểu-quyết trước một phiên họp khoáng-đại.

Với đường lối mới của Miên, Lào, Mỹ, mặt trận thực sự đang mở rộng tại Đông Dương. Hơn nữa có lẽ Bắc-Việt cũng muốn mở rộng mặt trận để quân đội Mỹ bị phân tán và sau đó họ hy vọng tạo được một chiến thắng to lớn kiểu Điện-Biên-Phủ để dư luận Mỹ sẽ bắt buộc chính phủ họ phải rút quân. Với sự gia tăng quyền-hành của Lê-Duẩn ở Hà-nội, người ta càng tin rằng Bắc Việt muốn áp dụng chiến lược này. Tuy nhiên dù sao thì những dữ-kiện hiện-tại đã khác hẳn với những dữ-kiện năm 1954. Trong khi năm 1954 quân đội Pháp chỉ có khoảng 250.000 người không vũ trang đầy đủ thì hiện thời quân đội Mỹ có tới 400.000 người được trang bị tối tân, có hỏa lực hùng hậu. Ngoài ra phe đồng minh còn có trên 1 triệu quân đội Nam-Việt. Những mưu toan tạo Điện-biên phủ mới sẽ không có nhiều hy vọng thực hiện được trong giai đoạn hiện tại.

Trung-Đông : Mỹ không bán máy bay cho Do-Thái.

Tại Do-Thái Không lực là một huyền-thoại luôn luôn được dân chúng tin tưởng. Lần nào Do-Thái tham chiến, không quân cũng mang lại những chiến thắng hết sức lớn lao. Vì vậy mà trước sự tăng cường quân đội tại các quốc-gia Ả-Rập, Do Thái, vì dân số ít không thể tăng cường bộ binh, phải củng cố không quân.

Sau cuộc chiến tranh chớp nhoáng năm 1967, chính phủ Pháp đã không bán máy bay cho Do-Thái. Nước này đành phải xin mua ở Hoa-Kỳ. Trước những nỗ lực quân sự của Ả - Rập, Hoa-kỳ cũng muốn tái lập thăng bằng để cân cân quân sự đừng quá ngả về phía Ả-Rập.

Nhưng Hoa-kỳ nhận thấy vì bán vũ khí cho các quốc-gia Ả-Rập mà Nga đã mở rộng ảnh hưởng của họ ở vùng Trung-Đông. Và đồng thời chính sách ủng hộ Do-Thái của Hoa-thịnh-Đốn đã khiến cho Hoa-kỳ mất dần ảnh hưởng ở vùng này. Hơn nữa các nhóm áp-lực Do-Thái tại Hoa-kỳ đã có những

hành động quá khích như nhục mạ Tổng-Thống Pháp và bà Pompidou trong cuộc công du Mỹ-quốc vừa qua. Vì vậy mà Tổng-thống Nixon đã quyết định không bán cho Do-Thái 25 chiếc Phantom và 100 chiếc Skyhawk như Tel Aviv đã yêu cầu.

Làm như vậy ông Nixon muốn tỏ cho thế giới biết là Hoa-kỳ biết «tự chế» và ông mong đợi rằng Nga-sô cũng «tự chế» để giảm tình trạng căng thẳng ở Trung Đông.

Nhưng tuy không bán máy bay cho Do-Thái, để bù lại, ông Nixon đã hứa cho Do-Thái vay ngắn hạn 100 triệu Mỹ-kim. Biện pháp này đã làm cho Do-Thái bất bình mà Ả-Rập cũng không hài lòng gì vì họ cho rằng khi nào cân cân quân sự ngả về họ, thì Hoa-kỳ vội vã viện trợ cho Do-Thái ngay.

Ta thấy rằng từ khi lên cầm quyền tới nay, ông Nixon chưa có một hành động nào có thể gọi là thành công tại Trung-Đông cả.

TÙ TRÌ

TIN BUỒN

Đau buồn báo tin cùng các anh em Thái độ ở nơi xa :

Tiểu-úy TRỊNH KIM ĐỒNG, Sư đoàn 22 B B
đã tử trận trong khi đi kiểm xác đồng đội trong đêm 30-3-1970

Thế-Uyên cùng các bạn ở S igon đã thay mặt tất cả tiễn đưa anh Đồng về quê nhà vĩnh cửu tìm an bình không có trong cuộc đời này vào chiều ngày 4-4-1978.

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

Đất chị Hằng : không phải chỗ để sống.

Trong chuyến bay Apollo 13 không chừng 3 phi-hành-gia Mỹ sẽ đem theo một ít mầm dương-sỉ và loại giả-rêu để lên gậy giống trồng trọt trên đất chị Hằng. Bởi vì theo kết-quả các cuộc khảo-cứu về phương-diện thực-vật-học thì hai loại thảo mộc trên phát triển mạnh mẽ hơn khi được trồng ở đất mặt trăng đem về. Nếu thời tiết ở mặt trăng mà ôn hòa hơn ít nhiều để cho các loài cây có cơ hội sống sót thì chúng ta rất có hy vọng được nhìn thấy phong cảnh Nguyệt-cầu một ngày nào đó sẽ xanh tươi hoa lá. Và mỗi tháng những chuyến bay Apollo kế tiếp sẽ đem các phi-hành-gia lên đó để làm cái công việc « cuộc đất trồng khoai » ..

Sự thật thì cơ quan NASA của Mỹ chưa hề có dự-án nào để khai thác Nguyệt-cầu về phương diện trồng trọt. Trong lúc cố tìm một chứng-tích của đời sống trên hành tinh này, họ nhận thấy thành phần hóa học của lớp đất trên Nguyệt cầu chứa rất ít chất Chromium và các chất kim-loại khác, do đó thích hợp cho sự phát triển của loài dương sỉ và giả-rêu. Nhưng thành phần hóa học này nếu thích hợp cho thực vật thì lại không phải là môi-trường dinh-dưỡng cho động vật. Các loại vi trùng có khả năng

sinh sản mạnh mẽ nhất ở xung quanh chúng ta, chống lại hầu hết các loại trụ sinh như *Staphylococcus aureus* (Chùm cầu trùng vàng kim), *Azobacter Vinelandii* (Đạm khuẩn *Vinelandii*), *Pseudomonas aeruginosa* (Vi trùng mũ xanh sinh khí đều chết sau 10 giờ cấy vào đất Nguyệt cầu. Đầu tiên người ta thử trộn một ít đất lấy từ trên mặt Nguyệt cầu của Apollo 11 và 12 với lớp đất sâu hơn của Apollo 12 rồi đem cấy 3 loại vi trùng trên vào thì chúng vẫn sinh trưởng bình thường. Trái lại khi dùng toàn lớp đất sâu do Apollo 11 đem về cấy vi trùng thì chúng đều bị chết.

Mặc dầu nguyên nhân cái chết của các vi trùng đã được giải thích một cách có vẻ hợp lý, các nhà bác học thấy cần phải cẩn thận hơn nữa trong việc đề phòng bầu không khí trái đất khỏi bị nhiễm các phần-tử xa lạ ta có thể có từ Nguyệt cầu theo chân các phi hành gia viếng thăm trái đất chúng ta. 21 ngày biệt lập của phi hành đoàn sau mỗi chuyến bay, đáng lẽ được hủy bỏ, đã được yêu cầu giữ lại.

Apollo 13, chuyến bay đầu trong năm 1970

Apollo 13, chuyến bay lên mặt trăng lần thứ 3 trong chương trình Apollo, chuyến bay đầu tiên cho năm 70 đã khởi sự vào ngày 11-4. Rút kinh nghiệm trong chuyến bay vừa rồi, hai vệ tinh khí

tượng nguyên tử đã được NASA phóng lên trước đó để thăm dò thời tiết thật chắc chắn cho chuyến bay. (Apollo 12 đã bị sét đánh làm tê liệt hệ thống điện trong lúc vừa rời khỏi dàn phóng),

Theo chương trình thì Apollo 13 được phóng đi từ mũi Kennedy lúc 7 g 24 phút, giờ quốc tế, và đáp xuống mặt trăng lúc 2 giờ 55 ph ngày 16-4. Phi hành đoàn gồm Jim S.A. Lovell, phi đoàn trưởng, John L. Swigert và Fred W. Haise Swigert sẽ điều khiển phi thuyền mẹ ở lại trên nguyệt cầu trong lúc Haise và Lovell đáp xuống mặt trăng. Swigert và Haise là hai phi hành gia mới bay lần đầu tiên trong không gian. Lovell trái lại là phi hành gia nhiều kinh nghiệm nhất của Hoa-kỳ; ông là người duy nhất mà tổng số giờ bay trong không gian vượt quá một tháng.

Vùng đổ bộ là vùng đồi núi Fra-Mauro, một địa điểm rất khó khăn hơn 2 địa điểm trước là vùng biển Trầm lặng và biển Bão tố. Người ta hy vọng đất đá lấy được tại nơi này, được phóng đoán già từ 5 tỉ đến 5 tỉ rưỡi năm về trước sẽ cho những tài liệu vô giá về nguồn gốc của Nguyệt-cầu, giúp giải quyết vấn đề chính yếu còn chưa được thỏa mãn cho tới nay.

Lovell và Haise sẽ đi bộ ra ngoài 2 lần và sẽ làm một cuộc du hành xa nhất từ trước tới nay: cách xa phi-thuyền đổ bộ hơn 1 cây số. Lần này họ còn được trang bị một máy khoan, có thể khoan thủng bề mặt Nguyệt cầu sâu hơn 3m để lấy đất. Một nhiệt-kế đặc biệt sẽ được cho vào đó để ghi nhận sự gia-tăng nhiệt độ khi càng đi xuống sâu. Nếu quả thật nhiệt độ tăng lên thì lòng mặt trăng phải là một khối nóng — như thế

giúp ít rất nhiều trong việc xác định nguồn gốc Nguyệt cầu.

Apollo 13 sẽ trở về trái đất theo dự định vào lúc 20 giờ 16 ph ngày 21-4 sau 167 giờ 28 phút trong không gian tại địa điểm đã định trước trong Thái-bình-dương.

Mối bận tâm của các nhà tu hành

Trong các nhà tu thiền (Zen) ngồi trầm tư bất động hàng giờ, bất chấp mọi phiền nhiễu của ngoại cảnh chung quanh, ai lại chẳng có lần nảy sinh nảy ra cái óc tò mò muốn biết trong đầu óc họ lúc ấy chứa đựng những gì.

“Zen” lấy từ tiếng “Zazen” của Nhật có nghĩa là “ngồi suy tư”. Zen (thiền) không những chỉ thịnh hành ở Nhật mà ngày nay còn lan rộng trên khắp thế giới. Mới đây, hình ảnh của các vị thiền sư ngồi nhập định đã đánh thức óc tò mò của các nhà bác học và các vị này nhất định khám phá cho ra cái bí ẩn đằng sau những gương mặt có vẻ thoát tục mà qui vị đó rất lấy làm nghi ngờ.

Cuộc tìm hiểu được Bác sĩ Yoshiharu Akishige và nhà phân-tâm-học Akira Kasamatsu của viện đại-học Komazawa, Đông-kinh, hướng dẫn đã học hiện trên 48 thiền sư và 100 người thường. Họ đã dùng đến những phương tiện tối tân nhất của y học như Điện-não-ký, Tâm-điện-ký, máy tính điện-tử và máy đo mức biến-dưỡng căn bản. Trong phần lớn trường hợp họ đều ghi nhận được là, rất nhanh sau khi ngồi thiền, nhịp thở chậm lại rất nhiều — chỉ còn 3 hay 4 nhịp mỗi phút (bình thường là 17 hay 18 nhịp mỗi phút); nhịp tim cũng chậm lại mất 10-15 nhịp so với mức bình thường (90 nhịp mỗi phút). Trong một vài

trường hợp nhiệt độ cơ-thể hạ xuống một vài độ. Theo bác sĩ Akishige thì đó cũng một phần do thể ngồi của các người nhập-định đã ảnh hưởng vào hệ thần-kinh tự động của cơ thể, gây ra một ảnh hưởng trấn tĩnh làm giảm sự hoạt động của các cơ quan.

Điện-não-ký cho biết người nhập định không ở vào trạng thái thôi-miên hay mê ngủ. Họ vẫn phản-ứng với các nguồn kích thích từ ngoại cảnh nhưng sự phản ứng khác với người thường. Chẳng hạn tiếng chuông điện reo có thể làm cho luồng sóng trong điện-não-ký một người bình thường bị gián đoạn trong 15-16 giây, trái lại ở một người có tu thiền, sự gián đoạn chỉ xảy ra trong 2-3 giây. Trong những lần sau, người thường đôi khi không còn phản ứng khi nghe tiếng chuông vì nó đã trở nên quá quen thuộc. Nơi một người tu thiền, mức phản ứng vẫn như những lần trước.

Có những thử nghiệm tinh quái hơn, như lúc nhắc tới tên Marilyn Monroe, người ta nhận thấy hầu hết các nhà tu hành đều bị rối loạn trong giây lát. Nhà phân-tâm-học Kasamatsu cho rằng mức phản-ứng nhẹ nhàng nhưng đều đặn của các thiền-sư chứng tỏ họ vẫn tỉnh táo trong khi nhập định; họ tiếp nhận mọi nguồn kích thích, ghi nhận sự có mặt của nó, nhưng không đặt vào đó một sự chú ý đặc biệt nào. Kasamatsu tin rằng Zen có thể có ích cho các bệnh nhân bị rối loạn về phương diện tình cảm.

Nhưng có một điều mà các nhà chân tu này không gạt khỏi ra trí óc được, đó là sự lo lắng các thử nghiệm sẽ phát giác ra họ chưa đạt được tới những mức cao sâu của đạo vì sự bị hua kém các đồng đạo khác.

Thuốc ngừa thai cho chim

Tới một lúc nào đó người dân trong

thành phố bỗng cảm thấy loài chim trở nên đông đảo quá. Cũng có thể là trong một ngày đẹp trời nào đó một ông khách bộ hành xấu số bị một bãi phân chim rơi trúng đầu nên mới lên tiếng phàn nàn. Và rồi nhiều ông khách bộ hành khác cũng có dịp phàn nàn. Rút cục thì người ta phải để ý đến sự có mặt đông đảo của loài chim nơi thành phố.

Một thành phố như Nữu-ước có tới hơn 4 triệu con chim bồ câu. Thoạt tiên người ta nuôi chim cũng như trồng cây để cho thành phố thêm đẹp đẽ và bớt đi vẻ khô khan. Mấy chú chim được cung chiếu bèn sinh đẻ tích cực: một con chim bồ câu mái đẻ từ 12 tới 14 trứng mỗi năm, trong số đó ít ra có 8 hay 10 cái cho ra đời những chú chim con bụ bẫm. Từng bầy hàng ngàn con rủ nhau phóng uế bừa bãi trên đầu, trên cổ các pho tượng và lầu đài trong thành phố. Nếu không nhờ những tháng mưa hàng năm thì có lẽ mấy pho tượng lịch sử phải chịu nhiều màn tắm rửa rất kỹ.

Trước hiểm họa của lũ chim, loài người đã phải giúp chúng cai đẻ một cách vất vả Công-ty mà cách đây mới có 10 năm đã tung ra thị trường lần đầu tiên viên thuốc ngừa thai dành cho loài người, bây giờ lại cho ra đời loại thuốc ngừa thai dành cho loài chim.

Thuốc được trộn với các hạt kê, có tên là *Ornitrol*, rồi cho chim ăn. *Ornitrol* ngăn cản sự tổng hợp chất Cholesterol, một thành phần chính yếu của lòng đỏ trứng.

Nếu chim háu ăn trong vòng 10 ngày thì chim mái sẽ đẻ trứng không có thụ tinh trong vòng 6 tháng trong lúc con trống mất khả năng gây giống trong 6 tuần.

Gia đình loài chim tha hồ mà cãi nhau.

TỬ DIỆP

THỜI SỰ VĂN-NGHỆ

Sinh viên Văn Khoa tưởng niệm Thi sĩ Đông Hồ.

Nhân kỷ giỗ đầu của Thi sĩ Đông-Hồ, vào lúc 9 giờ sáng ngày 22-3-70, sinh viên ban Cử nhân Văn chương Việt Nam tổ chức một buổi tưởng niệm nhà thơ tại giảng đường trường Đại học Văn khoa Saigon.

Trên hàng ghế đầu, người ta thấy sự hiện diện của nữ sĩ Mộng Tuyết (ức bà quả phụ Đông Hồ), một số giáo sư trường Văn khoa như Linh mục Thanh Lãng, ông Nguyễn Khắc Hoạch và nhiều vị quan khách khác.

Về phía sinh viên, số tham dự thật đông đảo, ngồi chật cả giảng đường, lan ra đến hành lang. Đa số là môn đệ cũ của thi sĩ và sinh viên năm thứ nhất ban Văn chương Việt nam - những anh chị đang nghiên cứu về nhà thơ này trong chương trình học.

Các sinh viên trong ban tổ chức. — Ngô Kim Thu, Trần Nhi, Trần Đình Lập — lần lượt lên trình bày các đề tài :

— *Đông Hồ với Văn khoa ;*

— *Đông Hồ nhìn từ tuổi trẻ ;*

— *Cuộc Phỏng vấn nữ sĩ Mộng Tuyết về Đông Hồ.*

Phần đầu buổi thuyết trình, rất tiếc, vì trục trặc máy vi-âm và phần trình bày của thuyết trình viên không được khéo léo, nên sự thu hút thính giả có phần kém sút.

Tiếp theo, một khúc băng ngắn ghi âm tiếng nói và giọng ngâm thơ của

cố thi sĩ Đông Hồ được phát thanh trở lại. Hầu hết những người hiện diện — nhất là các giáo sư đồng nghiệp và anh chị em sinh viên học trò cũ của Thầy — không giấu được nét cảm xúc khi nghe lại giọng nói và tiếng ngâm quen thuộc trầm buồn, sau 365 ngày ly liệt.

Kế đến, anh Trần Đình Lập trình bày tiếp đề tài :

— *Chiến tranh và hòa bình trong thơ Đông Hồ (qua các thi tập Trinh Trăn, Đào lý Xuân phong, Bội lan hành).*

Sau đó, nữ sĩ Quỳnh Hương, thay mặt nữ sĩ Mộng Tuyết, ngỏ lời cảm tạ toàn thể anh chị em sinh viên đã dành cảm tình nồng đậm cho nhà thơ. Lời lẽ bà hết sức chân thành và cảm động.

Sau hết, trong phần phát biểu cảm tưởng, Linh mục Thanh Lãng tỏ ý vui mừng khi thấy sự ái mộ của sinh viên dành riêng cho nhà thơ, nhất là tấm lòng thân thiết lâu bền của các môn đệ đối với một vị thầy học cũ. Ông cũng hy vọng những buổi tưởng niệm tương tự sẽ được tổ chức để chúng ta có dịp truy niệm những nhà thơ, nhà văn hữu công trong sứ mạng phục vụ nền văn hóa dân tộc.

Buổi lễ chấm dứt hồi 11g30.

Qua lần tưởng niệm này, người ta càng thấy rõ cảm tình đặc biệt và bất biến mà nhà giáo Đông Hồ đã lưu lại trong tâm hồn của đám môn sinh, qua bao ngày tháng dồn dập đổi thay này.

(L. T. H. ghi).

Trong Gia - đình êm - ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỘP"



Chai "HÒA TIÊN"!

THUỐC THƠM VIRGINIA NỔI TIẾNG NHỜ... ĐẬU LỘC



M.L.C. CHOLON

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...
ĐẬU LỘC